

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

NHỚ RỪNG – Thế Lữ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được niềm khao khát tự do mãnh liệt, nỗi chán ghét sâu sắc cái thực tại tù túng, tầm thường giả dối được thể hiện trong bài thơ qua lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú.
- Thấy được bút pháp lãng mạn đầy truyền cảm của nhà thơ.

2. Năng lực:

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ
- Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục đích:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng

d) **Tổ chức thực hiện:**

- *Giáo viên yêu cầu:* Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, cho biết bài thơ tác giả mượn lời của ai? Việc mượn lời như vậy có tác dụng gì?

- *Học sinh tiếp nhận, trả lời:* Trong bài thơ tác giả mượn lời con hổ ở vườn bách thú=> bộc lộ cảm xúc của mình...

- *Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:* Các em ạ, những năm đầu thế kỷ XX, đặc biệt giai đoạn (1932 – 1942) xuất hiện 1 phong trào thơ với sự cách tân về nội dung và nghệ thuật, làm say lòng người - đó là phong trào thơ mới. Nó như 1 luồng gió thổi mát cả 1 nền văn học. Và nói đến phong trào thơ mới ta không thể không kể đến tên tuổi của nhà thơ Thế Lữ - người đã góp phần làm nên chiến thắng vẻ vang cho thơ mới. Bài thơ tiêu biểu của ông mà chúng ta học hôm nay là bài thơ Nhớ rừng, tác giả đã mượn lời của con hổ ở vườn bách thú để bộc lộ rõ tâm trạng của mình và tâm trạng đó như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay => Giáo viên nêu mục tiêu bài học

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) **Mục đích:**

- Nắm được tiểu sử của tác giả Thế Lữ
- Nắm được hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ

- Rèn cho hs kĩ năng làm việc cá nhân, cách đọc diễn cảm thơ.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên yêu cầu</p> <p>? Nêu những nét hiểu biết của mình về tác giả?</p> <p>? Nêu vị trí của bài thơ “Nhớ rừng” trong sự nghiệp của Thế Lữ?</p> <p>? Em có hiểu biết gì về bài thơ?</p> <p>? Nêu bố cục của bài thơ?</p> <p>? Khi mượn lời con hổ ở vườn bách thú, nhà thơ muốn ta liên tưởng đến điều gì về con người?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn đọc, đọc mẫu.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Thế Lữ (1907–1989), tên thật là Nguyễn Thử Lễ.</p> <p>- Quê: Bắc Ninh.</p> <p>- Ông là nhà thơ tiêu biểu cho phong trào Thơ mới chặng đầu (1932 – 1935).</p> <p>2. Văn bản:</p> <p>a. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại:</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ: sáng tác năm 1934, in trong tập “Mấy vần thơ”</p> <p>- Thể thơ: Tự do</p> <p>b. Đọc, chú thích, bố cục:</p> <p>+ Đoạn 1+4: con hổ ở trong cũi sắt.</p> <p>+ Đoạn 2+3: con hổ trong chốn giang sơn hùng vĩ.</p> <p>+ Đoạn 5: Khao khát giấc mộng ngàn.</p>

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản

2.1. Con hổ ở vườn bách thú

a) Mục đích: Hiểu được tâm trạng chán ghét thực tại và niềm khát khao tự do cháy bỏng của hổ.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV: treo bảng phụ Đ1</p> <p>? Gọi h/s đọc đoạn 1? Trả lời câu hỏi.</p> <p>? Em hiểu ntn về từ “gặm” và từ “khối” (nghĩa và loại từ)? Có thể thay thế chúng bằng những từ ngữ khác được không?</p> <p>? Tư thế “nằm dài trông ngày tháng</p>	<p>- Gặm: động từ, dùng răng, miệng mà ăn dần, cắn dần từng chút một cách chậm chạp.</p> <p>=> Sự gặm nhấm đầy uất ức và bất lực của con hổ khi bị mất tự do.</p> <p>- “Khối cảm hờn” gọi cho ta có cảm giác như trông thấy sự căm hờn có hình khối rõ ràng. Căm</p>

<p>dần qua” nói lên tình thế gì của con hổ?</p> <p>? Như vậy ở đây tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Âm điệu của hai câu thơ mở đầu ntn?</p> <p>? Từ đó ta thấy hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ như thế nào?</p> <p>? Khi bị nhốt trong cũi sắt ở vườn bách thú, con hổ tỏ thái độ ntn với con người và những con vật khác xung quanh? Thái độ đó thể hiện qua những từ ngữ nào?</p> <p>? Tại sao con hổ lại có tâm trạng như vậy?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn đọc, hỗ trợ nếu HS cần.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>hòn, uất ức vì bị mất tự do.</p> <p>- Gâm: ĐT, Khôi: danh từ</p> <p>- Gâm = ngậm; Khôi= mối-> mức độ biểu cảm kém đi.</p> <p>- Tư thế nằm: Tình thế buông xuôi bất lực, ngày đêm gặm nhấm nỗi căm hờn.</p> <p>- Nghệ thuật: đối lập giọng điệu chán chường, sử dụng ĐT mạnh, danh từ hóa tính từ.</p> <p>- Hoàn cảnh: bị giam cầm trong cũi sắt.</p> <p>- Tâm trạng: uất ức, sự buông xuôi, bất lực.</p> <p>- Khi bị nhốt, hổ tỏ thái độ:</p> <p>+ Khinh ghét con người gọi họ là lũ “ngạo mạn, ngẩn ngơ”.</p> <p>+ Nỗi nhục bị biến thành trò chơi lạ mắt tầm thường (Giương mắt bé giễu...)</p> <p>+ Bất bình vì bị ở chung cùng “bọn gấu dở hơi, cặp báo vô tư lự”.</p> <p>- Hổ có tâm trạng như vậy vì: hổ là chúa sơn lâm, chúa tể của muôn loài, giờ bị xem thường như những kẻ thấp kém địa vị, song quan trọng hơn nó đau xót cho lũ gấu, báo không biết được nỗi nhục nhằn tù hãm.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: HS biết cách đọc diễn cảm bài thơ

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Đọc diễn cảm thể hiện đúng tâm trạng của hổ.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên cho hs đọc diễn cảm toàn bộ bài thơ
- Học sinh tiếp nhận: đọc lại bài thơ to, rõ ràng, đúng biểu cảm trước lớp
- GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức trên bảng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích:

- Hiểu sâu sắc về đặc điểm của thơ mới
- Hiểu được con người của Thế Lữ, cũng như cảm hứng sáng tác
- Giáo dục ý thức tự giác trong quá trình học

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức đã học để áp dụng vào bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv giao nhiệm vụ: Về nhà tìm hiểu thêm đặc điểm của thơ mới những năm đầu thế kỷ XX, tìm hiểu thêm về thân thế nhà thơ Thế Lữ.
- Hs về nhà thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

NHỚ RỪNG (tiếp) – Thế Lữ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được niềm khao khát tự do mãnh liệt, nỗi chán ghét sâu sắc cái thực tại tù túng, tầm thường giả dối được thể hiện trong bài thơ qua lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú.
- Thấy được bút pháp lãng mạn đầy truyền cảm của nhà thơ.

2. Năng lực:

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ
- Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: củng cố lại kiến thức tiết học trước, tạo cảm hứng cho hs

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học áp dụng thực hiện nội dung

c) Sản phẩm: Dự đoán của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Tiết trước, các em đã được biết con hổ trong vườn bách thú sống trong cũi chật hẹp nhưng đành bất lực “nằm ...”. Nó khinh thường, chán ghét đến mức cao độ thực tại tầm thường, giả dối, cảm thấy uất hận vô cùng vì đang là chúa tể muôn loài bị sa cơ phải sống gò ép, ngang hàng với những kẻ dỏ hơi, vô tư lự. Trong hoàn cảnh và tâm trạng ấy, con hổ nhớ tới điều gì?
- HS dự đoán kết quả => GV dẫn vào bài học mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nỗi nhớ tiếc quá khứ của hổ - Nỗi nhớ thời oanh liệt

a) Mục đích:

- Thấy được sự oai linh, dũng mãnh đầy uy quyền của hổ trong quá khứ
- Hiểu tâm trạng nhớ tiếc quá khứ tốt đẹp của hổ hay cũng chính là tâm trạng của người dân mất nước.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức tìm tòi, hướng dẫn của GV để thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS ra giấy nháp.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - gọi HS đọc đoạn 2</p> <p>? Trong hoàn cảnh bị nhốt ở vườn bách thú, con hổ nhớ tới điều gì?</p> <p>? Cảnh sơn lâm được gọi tả qua những chi tiết nào?</p> <p>? Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ và nghệ thuật của tác giả? Tác dụng của nghệ thuật (Cảnh thiên nhiên hiện lên ntn)?</p> <p>? Giữa không gian hoang vu, hùng vĩ ấy hình ảnh chúa tể của muôn loài hiện lên ntn?</p> <p>? Em hiểu từ “quắc” như thế nào? (từ loại, tác dụng)</p> <p>? Em có nhận xét gì về nghệ thuật và cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu của khổ thơ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS đọc bài to, rõ ràng, diễn cảm</p> <p>+ <i>Học sinh suy nghĩ</i> trả lời cá nhân, nhóm cặp đôi.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đứng tại chỗ trình bày kết quả</p> <p>+ GV đánh giá và bổ sung, giảng giải thêm cho HS hiểu.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Hổ nhớ tới những ngày oanh liệt trong chốn giang sơn hùng vĩ của nó.</p> <p>- Cảnh lâm sơn: Bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, khúc trường ca dữ dội...</p> <p>- Nhận xét cách dùng từ ngữ: Điệp từ “với”, các động từ chỉ đặc điểm của hành động “gào, hét”, những DT, TT phong phú => Cảnh đại ngàn xưa kia lớn lao, phi thường, mạnh mẽ và hoang vu, bí ẩn.</p> <p>- Hình ảnh chúa tể hiện lên: “Bước chân... cả muôn loài”.</p> <p>=> Tư thế dong dạc, đường hoàng, oai phong, lẫm liệt với tâm trạng hài lòng.</p> <p>- Từ “quắc” là động từ, cực tả ánh mắt dữ dội đủ sức chế ngự muôn loài của chúa sơn lâm.</p> <p>- Nhận xét nghệ thuật :</p> <p>+ So sánh: tấm thân của chúa sơn lâm với sóng biển (liên tưởng độc đáo và rất đẹp) làm nổi bật vẻ đẹp và sức mạnh của con hổ</p> <p>+ Sử dụng các từ ngữ gọi tả hình dáng.</p> <p>+ Nhịp thơ ngắn, uyển chuyển, giọng điệu hùng tráng, dữ dội.</p>

Hoạt động 2: Nỗi nhớ tiếc quá khứ của hổ - Nhớ những khoảnh khắc đẹp

a) Mục đích: Hiểu tâm trạng nhớ tiếc quá khứ tốt đẹp của hổ hay cũng chính là tâm trạng của người dân mất nước.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức tìm tòi, hướng dẫn của GV để thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS ra giấy nháp.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - gọi HS đọc đoạn 3.</p> <p>? Ở đoạn thơ này con hồ nhớ lại những kỉ niệm gì về chốn rừng xưa ?</p> <p>? Có ý kiến cho rằng đoạn thơ như “bộ tranh tứ bình độc đáo” về chúa sơn lâm? Ý kiến của em ntn?</p> <p>? Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong khổ thơ?</p> <p>? Các biện pháp nghệ thuật đó góp phần diễn tả tâm trạng của con hồ ntn?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS đọc bài, tiếp nhận yêu cầu GV</p> <p>+ HS thảo luận nhóm, đưa ra câu trả lời đúng nhất, GV hỗ trợ.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ đại diện nhóm trả lời - nhận xét.</p> <p>+ GV giảng giải thêm để HS hiểu cụ thể, rõ ràng.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Con hồ nhớ lại những kỉ niệm: Những đêm vàng bên bờ Ngày mưa chuyển bốn ... Bình minh cây xanh nắng Những chiều lênh láng máu...</p> <p>- Đoạn 3: có thể coi như một bộ tranh tứ bình đẹp lộng lẫy. Bối cảnh là cảnh núi rừng hùng vĩ, tráng lệ với con hồ uy nghi làm chúa tể.</p> <p>+ Đó là cảnh “đêm vàng bên bờ suối” hết sức diễm ảo với hình ảnh con hồ “say mồi đứng tan” đầy lãng mạn, diễm ảo.</p> <p>+ Đó là cảnh “ngày mưa chuyển...” với hình ảnh con hồ mang dáng dấp để vương đang yên lặng ngắm giang sơn của mình.</p> <p>+ Đó là cảnh “bình minh cây xanh nắng gội” tung bùng, chan hòa ánh sáng, rộn rã tiếng chim đang ca hát cho chúa sơn lâm ngủ.</p> <p>+ Đó là hình ảnh chúa sơn lâm đang khao khát chờ đợi bóng đêm để mặc sức tung hoành nơi vương quốc rộng lớn, đầy bí ẩn của mình.</p> <p>- Biện pháp nghệ thuật:</p> <p>+ Điệp từ “ta” thể hiện khí phách ngang tàng làm chủ.</p> <p>+ Điệp từ “nào đâu, đâu những” câu cảm thán, câu hỏi tu từ cuối bài diễn tả nỗi nhớ tiếc quá khứ khôn nguôi.</p> <p>+ Hình ảnh ẩn dụ “đêm vàng”: đêm trắng sáng mọi vật như được nhuộm màu vàng, ánh trăng như tan chảy trong không gian.</p> <p>=> Diễn tả thâm thúy nỗi nuối tiếc quá khứ vàng son.</p>

Hoạt động 3: Niềm khao khát giấc mộng ngàn của hồ

a) **Mục đích:** Hiểu được niềm khao khát tự do cháy bỏng của hồ

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức tìm tòi, hướng dẫn của GV để thực hiện

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Đọc và theo dõi đoạn 4: ? Tìm chi tiết miêu tả tâm trạng con hổ ? Vì sao hổ lại có tâm trạng như vậy ? Đoạn cuối con hổ nhắn gửi tới ai ? Qua lời nhắn gửi em hiểu được điều gì về mãnh hổ ? Em hãy tổng kết lại nghệ thuật và nội dung của bài thơ nhớ rừng.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Hs đọc bài, làm việc cá nhân, sau đó thảo luận nhóm + GV quan sát, hướng dẫn HS</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + đại diện nhóm trả lời - nhận xét. + GV giảng giải thêm để HS hiểu cụ thể, rõ ràng.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Tâm trạng uất hận, ghét vì có sự đối lập giữa cảnh hiện tại và cảnh trong quá khứ. => Bộc lộ trực tiếp nỗi tiếc nhớ cuộc sống chân thật, tự do. Đó là một bi kịch lớn. => Thể hiện khát vọng được sống chân thật cuộc sống của mình, trong xứ sở của mình. Đó là khát vọng giải phóng, khát vọng tự do.</p> <p>1. Nghệ thuật: - Cảm hứng lãng mạn phong phú, mãnh liệt. - Sử dụng hệ thống hình ảnh thơ giàu chất tạo hình: mang đường nét, hình khối, màu sắc rõ ràng. - Ngôn ngữ, nhạc điệu, tiết tấu cực kì phong phú, rõ ràng, gợi cảm.</p> <p>2. Nội dung: * Ghi nhớ: (SGK/7).</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng các kiến thức vừa học vào trả lời câu hỏi

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức tìm tòi, hướng dẫn của GV để thực hiện

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

**Chuyển giao nhiệm vụ*

? Để khắc họa chân dung của con hổ, tác giả đã sử dụng thành công thủ pháp tương phản? Hãy chỉ ra các thủ pháp tương phản đối lập ấy

**Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm

- Giáo viên: quan sát các nhóm làm việc

**Báo cáo, kết luận:*

- Có hai cảnh tượng đối lập chính chi phối cấu trúc bài thơ

Hiện tại (Đoạn 1-4)	Quá khứ (Đoạn 2-3)
- Vườn bách thú : bị giam cầm - Thực tại tầm thường, nhân tạo => Thái độ căm ghét	- Núi non hùng vĩ, tự do vẫy vùng - Gắn với mộng tưởng về thế giới đẹp đẽ của thiên tạo => Khao khát ước mơ

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức tìm tòi để thực hiện

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

**Chuyển giao nhiệm vụ*

? Qua việc tìm hiểu văn bản em thấy tác giả là con người như thế nào ?Tìm những văn bản của các tác giả khác cũng bộc lộ tâm trạng yêu nước thầm kín giống như nhà thơ Thế Lữ

** Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi với bạn

- Giáo viên: quan sát các nhóm làm việc

**Báo cáo, kết luận:*

- Tác giả là con người có lòng yêu nước thầm kín và niềm khao khát tự do cháy bỏng.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

BÀI 19 – CÂU NGHI VẤN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu rõ đặc điểm của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn và các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu nghi vấn là dùng để hỏi

2. Năng lực:

- HS có kỹ năng dùng câu nghi vấn.
 - Năng lực sử dụng ngôn ngữ đúng và hay.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
 - Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) Nội dung: Hs vận dụng kiến thức để thực hiện.

c) Sản phẩm: Thực hiện mục đích hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Ghi ví dụ lên bảng

Ví dụ: Con đã ăn cơm chưa

? Câu trên thực hiện mục đích gì? Nó thuộc kiểu câu gì?

- HS trả lời: Thực hiện mục đích hỏi, thuộc kiểu câu nghi vấn.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: CÂU NGHI VẤN.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a) Mục đích: Nắm được đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng kết quả.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên yêu cầu hs đọc ví dụ phần I.</p> <p>? Trong đoạn trích trên câu nào là câu nghi vấn.</p> <p>? Những đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn</p> <p>? Các câu nghi vấn đó dùng để làm gì.</p> <p>? Những câu vừa xét là câu nghi vấn. Vậy em cho biết đặc điểm và chức năng của câu nghi vấn là gì.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ Giáo viên: quan sát hs làm việc</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đứng dậy trình bày nội dung</p> <p>+ HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Các câu nghi vấn:</p> <p>+ Sáng ngày người ta đâm u có đau lắm không?</p> <p>+ Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai?</p> <p>+ Hay là u thương chúng con đói quá?</p> <p>- Đặc điểm hình thức:</p> <p>+ Có chứa từ ngữ dùng để hỏi: “Không”, “làm sao”, “hay”...</p> <p>+ Cuối câu có dấu (?)</p> <p>- Chức năng: dùng để hỏi.</p> <p>*Ghi nhớ: sgk.tr11</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm các bài tập

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Làm vào vở BT.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p>- GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu thực hiện:</p> <p>+ Nhóm 1: Làm bt1</p> <p>+ Nhóm 2: Làm bt 2 + 3</p> <p>+ Nhóm 3: Làm bt 4</p> <p>+ Nhóm 4: Làm bt 5 + 6</p> <p>- Các nhóm nhận nhiệm vụ</p>	<p>Bài tập 1:</p> <p>a. Chị khát tiền suu đến mai phải không?</p> <p>b. Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế?</p> <p>c. Văn là gì? Chương là gì?</p> <p>d. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?</p> <p>- Đùa trò gì?</p> <p>- Hừ...Hừ...Cái gì thế?</p>

<p>vụ và thực hiện nhiệm vụ, trình bày kết quả.</p> <p>- GV đánh giá, nhận xét chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Chị Cốc béo xù đứng trước nhà ta đây hả?</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>- Căn cứ vào đặc điểm hình thức. Chứa từ “hay” chỉ quan hệ lựa chọn. Cuối câu có dấu (?)</p> <p>- Căn cứ vào chứng năng: dùng để hỏi.</p> <p>- Không thể thay từ “hay” bằng từ “hoặc” bởi từ “hoặc” chỉ quan hệ lựa chọn nhưng không mang rõ chức năng hỏi.</p> <p>Bài tập 3:</p> <p>- Không thể</p> <p>- Vì đó không phải là câu nghi vấn.</p> <p>Bài tập 4 :</p> <p>- Hình thức</p> <p>+ giống: cùng sử dụng dấu ? cuối câu</p> <p>+ khác nhau: cặp từ nghi vấn dùng để hỏi đã chưa không.</p> <p>- ý nghĩa:</p> <p>a. hỏi thăm sức khỏe của thời hiện tại, không biết trước đó tình trạng sức khỏe của người được hỏi như thế nào.</p> <p>b. hỏi thăm sức khỏe hiện tại nhưng người hỏi biết rõ trước đó người được hỏi có tình trạng sức khỏe không tốt</p> <p>Bài tập 5 :</p> <p>a. Bao giờ anh đi Hà Nội? Bao giờ đứng ở đầu câu: hỏi về thời điểm sẽ thực hiện hành động đi.</p> <p>b. Anh đi Hà Nội bao giờ? Bao giờ đứng ở cuối câu: hỏi về thời gian đã diễn ra hành động đi.</p> <p>Bài tập 6:</p> <p>a. Chiếc xe này bao nhiêu ki-lô-gam mà nặng thế? Câu nghi vấn này đúng và người hỏi đã tiếp xúc với sự vật, hỏi để biết trọng lượng chính xác của sự vật đó.</p> <p>b. Chiếc xe này giá bao nhiêu mà rẻ thế? Câu nghi vấn này sai vì người hỏi chưa biết giá chính xác của chiếc xe thì sẽ không phân biệt được mắc hay rẻ được.</p>
---	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào viết đoạn văn có sử dụng câu nghi vấn.

b) **Nội dung:** Hs vận dụng sgk, kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv giao nhiệm vụ: Viết 1 đoạn văn ngắn về chủ đề quê hương, trong đó có sử dụng 1 câu nghi vấn

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ., GV đánh giá và nhận xét.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết cách sắp xếp ý trong đoạn văn thuyết minh cho hợp lí.

2. Năng lực:

- HS có kĩ năng viết đoạn văn thuyết minh

- Năng lực trình bày nội dung đoạn văn đúng và hay

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu câu hỏi: Dựa vào kiến thức đã học hãy nêu đặc điểm hình thức và nội dung của một đoạn văn.

- HS trả lời:

+ Hình thức: có từ 3 câu văn trở lên, chữ cái đầu dòng viết hoa, lùi vào một ô

+ Nội dung: diễn đạt một nội dung hoàn chỉnh.

- GV chuẩn kiến thức: Muốn viết một bài văn hoàn chỉnh, ngoài nắm được các phương pháp thuyết minh, ta phải biết cách viết đoạn văn. Vậy, đoạn văn trong văn bản thuyết minh thường được viết như thế nào? Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận dạng các đoạn văn bản thuyết minh

a) Mục đích:

- Nhận dạng được đặc điểm của đoạn văn thuyết minh
- Biết phân biệt đoạn văn thuyết minh với đoạn văn của các thể loại văn bản khác.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả trình bày ra giấy nháp.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu: HS theo dõi các đoạn văn trong sgk ? Đoạn văn gồm mấy câu? ? Từ nào được nhắc lại trong các câu đó? Dựng ý? ? Chủ đề của đoạn văn là gì? Chủ đề đó tập trung ở câu nào? ? Đây có phải là đoạn văn miêu tả, kể chuyện, nghị luận hay không? Vì sao em biết?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm. + Giáo viên: hướng quan sát các nhóm làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đứng dậy trình bày nội dung + HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. + GV nhận xét: - Giới thiệu về vấn đề thuyết minh và thuyết minh về vấn đề đó. - Các câu có quan hệ mật thiết với nhau và tập trung thể hiện chủ đề.</p>	<p>Đoạn văn a có 5 câu Từ nào được nhắc lại nhiều trong các câu đó, dựng ý: - Câu nào cũng có từ “nước” -> Từ quan trọng nhất của đoạn văn -> từ ngữ chủ đề của đoạn văn. Xác định câu chủ đề của đoạn văn a Câu 1: “Thế giới.....” Các câu còn lại trong đoạn văn: C2: cung cấp thông tin về lượng nước ngọt ít ỏi. C3: cho biết lượng nước ấy đang bị ô nhiễm. C4: sự thiếu nước ở các nước thứ ba. C5: dự báo năm 2025, 2/3 dân số thế giới thiếu nước. -> Các câu bổ sung thông tin làm rõ ý của câu chủ đề. Đoạn văn (a) : - Không phải là đoạn văn miêu tả vì không tả màu sắc, mùi vị, hình dáng của nước. - Kể chuyện. Vì đoạn văn không kể, không thuật những chuyện, việc về nước. - Biểu cảm. Vì đoạn văn không thể hiện cảm xúc của người viết. - Nghị luận. Vì đoạn văn không bàn luận, chứng minh, giải thích vấn đề gì về nước. => Đoạn văn trên là đoạn văn thuyết minh, vì cả đoạn văn giới thiệu vấn đề thiếu nước ngọt trên thế giới hiện nay. Đv b các câu khác cung cấp thông tin cho câu chủ đề - Từ ngữ chủ đề: P.V.Đồng. C1: (câu chủ đề) vừa nêu chủ đề vừa giới thiệu quê quán, phẩm chất của ông. C2: giới thiệu quá trình hoạt động cách mạng của P.V.Đồng.</p>

	<p>C3: quan hệ của ông với Chủ tịch HCM. Nhận xét gì về đặc điểm của đoạn văn thuyết minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về vấn đề thuyết minh và thuyết minh về vấn đề đó. - Các câu có quan hệ mật thiết với nhau và tập trung thể hiện chủ đề.
--	--

Hoạt động 2: Sửa lại các đoạn văn thuyết minh chưa chuẩn

a) Mục đích:

- Biết cách nhận dạng một đoạn văn thuyết minh chưa chuẩn
- Rèn kỹ năng tìm ý và sắp xếp các ý trong đoạn văn thuyết minh

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên đặt câu hỏi: ? Nội dung của các đoạn văn là gì? ? Theo em, để thuyết minh một sự vật chúng ta phải làm theo quy trình nào? ? Như vậy, 2 đoạn văn trên chưa hợp lý ở chỗ nào? ? Dựa vào dàn ý, em hãy chỉnh sửa lại cho chính xác? ? Qua tìm hiểu hai đoạn văn trên em thấy khi làm bài văn thuyết minh và viết đoạn văn thuyết minh, ta cần chú ý điều gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Hs nhận nhiệm vụ + HS thực hiện theo cá nhân, nhóm.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đứng dậy trình bày nội dung + HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Nội dung của: + Đoạn 1: Thuyết minh về chiếc bút bi. + Đoạn 2: Thuyết minh chiếc đèn bàn.</p> <p>- Quy trình nào thuyết minh một sự vật: + Giới thiệu rõ sự vật cần thuyết minh. + Nêu cấu tạo, công dụng theo một trình tự nhất định. + Cách sử dụng.</p> <p>- Hai đoạn văn trên chưa hợp lý ở chỗ nào: + Thiếu câu chủ đề. + Các câu, ý sắp xếp lộn xộn</p> <p>*Lưu ý: - Khi làm bài văn thuyết minh cần xác định các ý lớn, mỗi ý viết thành một đoạn. - Khi viết đoạn văn thuyết minh cần trình bày rõ chủ đề của đoạn, tránh lẫn sang ý đoạn văn khác.</p> <p>*Ghi nhớ: sgk</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p>- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ dưới đây:</p> <p><u>Bài tập 1</u></p> <p>? Viết đoạn mở bài, kết bài cho đề văn thuyết minh: Giới thiệu trường em.</p> <p><u>Bài tập 2:</u></p> <p>? Viết đoạn văn thuyết minh cho chủ đề: Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>=> Giáo viên chốt kiến thức</p>	<p>Bài tập 1:</p> <p>- viết mở bài phải giới thiệu chung về trường em (như tên trường, vị trí...);</p> <p>- kết bài nêu cảm nghĩ chung về ngôi trường.</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>Giới thiệu về Hồ Chí Minh</p> <p>- Năm sinh, năm mất, quê quán, gia đình.</p> <p>- Vài nét về quá trình hoạt động, sự nghiệp.</p> <p>- Vai trò và cống hiến to lớn đối với dân tộc và thời đại.</p>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu nhiệm vụ:* Dựa vào văn bản Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000, hãy viết đoạn văn thuyết minh khoảng 1 trang giấy trình bày lời kêu gọi mọi người hãy chung tay bảo vệ Trái Đất - ngôi nhà chung của chúng ta.

- *HS nhận nhiệm vụ và trả lời:*

Trong đoạn văn trình bày được các nội dung sau:

+ Nêu hiện trạng môi trường sống hiện nay ...

+ Nguyên nhân gây ô nhiễm...

+ Hậu quả..

+ lời khuyên...

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

QUÊ HƯƠNG – Tế Hanh

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Cảm nhận được vẻ đẹp tươi sáng, giàu sức sống của một miền quê miền biển được miêu tả trong bài thơ và tình cảm quê hương đậm thấm của tác giả.

- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của nhà thơ.

2. Năng lực :

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ.: Năng lực tìm hiểu, cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài “Nhớ rừng”.
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản sgk.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tình yêu quê hương của mỗi người khi xa quê

b) Nội dung: Hs vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên yêu cầu: Nếu như sau này phải xa quê hương, tình cảm của em với quê hương sẽ như thế nào?

- Học sinh tiếp nhận và trả lời: nhớ quê, nhớ những gì đặc trưng của quê mình, mong muốn được về thăm quê...

=> Giáo viên dẫn vào bài: Tình yêu quê hương là một tình cảm cao đẹp và phổ biến trong mỗi người. Xa quê, ai cũng nhớ quê. Nhà thơ Tế Hanh đã thể hiện tình cảm sâu đậm với quê hương mình qua bài thơ “Quê hương”, cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Tế Hanh và văn bản “Quê hương”.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu HS đọc thầm phần tác giả, tác phẩm và thực hiện yêu cầu:</p> <p>+ Trình bày đôi nét về tác giả Tế Hanh?</p> <p>+ Nêu những hiểu biết về văn bản? (Xuất xứ, thể loại...)</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tế Hanh (1921- 2009) quê ở Quảng Ngãi. - Ông đến với phong trào Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu. - Tình yêu quê hương tha thiết là đặc điểm nổi bật của thơ Tế Hanh.

<p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét. + Giáo viên: nhận xét</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện nhóm đứng dậy báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV tiếp nhận kết quả, nhận xét và đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>2. Văn bản:</p> <p>a. Xuất xứ, thể loại: - Xuất xứ: rút từ tập “Nghen ngào”(1939) (Hoa niên), xuất bản năm 1943 - Thể loại: thơ tám chữ.</p> <p>b. Đọc, chú thích, bố cục: - Bố cục: + 2 câu đầu: giới thiệu về quê hương. + 6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá. + 8 câu tiếp: Cảnh thuyền đánh cá trở về. + 4 câu tiếp: Cảm xúc đối với quê hương.</p>
--	---

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản – giới thiệu về làng quê.

a) Mục tiêu: giúp học sinh biết về vị trí, nghề nghiệp của làng quê của tác giả.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của hs.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: ? Gọi h/s đọc 2 câu đầu? ? Tác giả đã giới thiệu về làng chài quê mình ntn? Nhận xét về cách giới thiệu đó ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét. + Giáo viên: nhận xét.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện nhóm đứng dậy báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV tiếp nhận kết quả, nhận xét và đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>II. Đọc- hiểu văn bản:</p> <p>1. Giới thiệu về làng quê</p> <p>- Nghề nghiệp truyền thống của làng đánh cá (chài lưới). - Vị trí của làng: bao bọc bởi nước sông đi thuyền nửa ngày xuôi sông ra tới biển. => Cách giới thiệu tự nhiên, mộc mạc, giản dị.</p>

Hoạt động 3: Tìm hiểu cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá

a) Mục tiêu: giúp học sinh cảm nhận cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
-----------------------	------------------

<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên đọc câu đầu tiên</p> <p>? Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi được miêu tả vào thời điểm, không gian nào?</p> <p>? Cảnh trời, cảnh biển khi đoàn thuyền ra khơi được miêu tả qua những chi tiết nào? Từ đó ta thấy điều kiện thời tiết như thế nào?</p> <p>Đọc 5 câu thơ tiếp theo:</p> <p>? Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật và cách sử dụng từ ngữ trong đoạn thơ?</p> <p>? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và cách diễn đạt ấy?</p> <p>=> Đoạn thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên và lao động ntn?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét.</p> <p>+ Giáo viên: nhận xét.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Đại diện nhóm đứng dậy báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV tiếp nhận kết quả, nhận xét và đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>2. Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá.</p> <p>- Thời điểm: Buổi sớm mai hồng.</p> <p>- Bầu trời cao rộng, trong trẻo, nhuốm rắng hồng bình minh.</p> <p>- Thời tiết thuận lợi hứa hẹn buổi ra khơi tốt đẹp.</p> <p>- Nghệ thuật so sánh, sử dụng các động từ mạnh: phăng, vượt; tính từ : hăng, mạnh mẽ.</p> <p>=> Con “tuần mã” ngựa đẹp, khoẻ và phi thường. Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi toát lên sức sống mạnh mẽ, một vẻ đẹp hùng tráng đầy hấp dẫn.</p> <p>- NT so sánh, ẩn dụ: Cánh buồm giương...</p> <p>=>Con thuyền chính là linh hồn, sự sống của làng chài. Nhà thơ vừa vẽ ra chính xác cái hình, vừa cảm nhận được cái hồn của sự vật -> mang vẻ đẹp lãng mạn, bay bổng.</p> <p>=>Khung cảnh: Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng. Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi, hoành tráng và thơ mộng biết bao.</p>
---	---

Hoạt động 4: Tìm hiểu cảnh đoàn thuyền trở về bến

- a) Mục tiêu:** giúp học cảm nhận được không khí vui vẻ, rộn ràng, cảm giác mãn nguyện của người dân làng chài sau một chuyến ra khơi trở về, cái đẹp của hình ảnh người dân chài và con thuyền.
- b) Nội dung:** Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện
- c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm cặp đôi, câu trả lời của học sinh.
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Gọi h/s đọc 8 câu tiếp?</p> <p>? Đoạn thơ trên tác giả đặc tả những gì?</p> <p>? Không khí đón đoàn thuyền đánh cá trở về được tái hiện qua hình ảnh</p>	<p>3. Cảnh đoàn thuyền trở về bến</p> <p>- Đoạn thơ đặc tả:</p> <p>+ Không khí bến cá khi thuyền cá trở về.</p> <p>+ Lời cảm tạ chân thành của người dân làng chài với trời đất vì đã sóng</p>

<p>nào ? Đó là không khí như thế nào? Vì sao có không khí đó? ? Hình ảnh con thuyền được đặc tả ntn? Hãy so sánh với hình ảnh con thuyền ở khổ thơ 2?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét. + Giáo viên: nhận xét.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện nhóm đứng dậy báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV tiếp nhận kết quả, nhận xét và đánh giá, chuẩn kiến thức. + GV bổ sung: Nếu không có một tâm hồn tinh tế, tài hoa và có tấm lòng gắn bó sâu nặng với con người, cuộc sống lao động làng chài quê hương thì không thể có những câu thơ xuất thần có hồn như vậy.</p>	<p>yên, biển lặng để thuyền ra khơi bội thu. + Hình ảnh của người ngư dân. + Hình ảnh con thuyền sau chuyến ra khơi trở về. - Không khí đón đoàn thuyền: + Bến ồn ào. + Dân làng chài tập nập đón ghe về những chiếc ghe đầy cá. -> Không khí vui vẻ, rộn ràng, náo nhiệt. Vì người dân chài vui sướng khi thu hoạch bội thu, trở về an toàn. - Hình ảnh chiếc thuyền nằm im... thớ vỏ - NT nhân hóa -> Hình ảnh con thuyền nằm im một mõi, nghỉ ngơi và lắng nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ của nó. => Con thuyền vô tri, vô giác trở nên hồn, một tâm hồn tinh tế. Cũng như người dân chài con thuyền ấy thấm đậm vị muối mặn của biển khơi.</p>
---	---

Hoạt động 5: Tìm hiểu tình cảm của tác giả đối với quê hương

a) Mục tiêu: giúp học cảm nhận được tình cảm của tác giả với quê hương.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: ? Gọi h/s đọc khổ thơ câu cuối? ? Tình cảm của nhà thơ với quê hương được thể hiện trong hoàn cảnh nào? Nỗi nhớ đó có điều gì đặc biệt? ? Tại sao nhớ về quê hương tác giả lại nhớ tới những hình ảnh đó? ? Nhận xét về cách diễn đạt của tác giả ở đoạn này? ? Qua đó cho thấy tác giả là người như thế nào?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét. + Giáo viên: nhận xét.</p>	<p>4. Tình cảm của tác giả đối với quê hương - Tình cảm của tác giả: Hoàn cảnh xa quê. tác giả nhớ tới hình ảnh làng chài với màu nước xanh (biển), cá (cá bạc), cánh buồm (chiếc buồm vôi), con thuyền, mùi biển (cái mùi nồng mặn quá). - T/g nhớ tới hình ảnh đó vì: Hình ảnh đó chính là hương vị riêng của làng chài, nơi tác giả đã từng gắn bó cả tuổi ấu thơ của mình. - Nhận xét: Sử dụng những câu cảm thán, phép liệt kê.</p>

<p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Đại diện nhóm đứng dậy báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV tiếp nhận kết quả, nhận xét và đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>-> Tác giả là người rất yêu quê gắn bó sâu nặng với quê hương.</p>
--	--

Hoạt động 6: Tổng kết

a) Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên: Khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?

- HS tiếp nhận, suy nghĩ và trả lời:

+ Nghệ thuật:

- Sáng tạo nên những hình ảnh của cuộc sống lao động thơ mộng.

- Tạo liên tưởng, so sánh độc đáo, lời thơ bay bổng, đầy cảm xúc.

- Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại có những sáng tạo mới mẻ, phóng khoáng.

+ Nội dung: Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học về văn bản để làm bài tập.

b) Nội dung: Hs vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên đặt vấn đề:* Qua bài thơ giúp em hiểu thêm gì về nhà thơ Tế Hanh?

- *Học sinh tiếp nhận, trả lời:*

Nhà thơ Tế Hanh:

+ Tình tế trong cảm thụ cuộc sống quê.

+ Nồng hậu thủy chung với quê hương.

- *GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

b) Nội dung: Hs vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên yêu cầu :* Viết đoạn văn (từ 5-7 câu) nêu cảm nghĩ của em về quê hương.

- *HS tiếp nhận, viết đoạn văn dựa trên các ý chính :*

+ Yêu quê hương, gắn bó với quê hương.

+ Học tập chăm chỉ để mai này giúp ích cho quê hương.

=> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

KHI CON TU HÚ – Tố Hữu

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được lòng yêu sự sống, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ đang bị giam cầm trong tù ngục được thể hiện bằng những hình ảnh gợi cảm và thể thơ lục bát giản dị thiết tha.
- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của nhà thơ.

2. Năng lực:

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ. Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ, tranh ảnh, tư liệu về Tố Hữu và bài thơ “Khi con tu hú”.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài “Quê hương”.
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản sgk.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tâm tư, tình cảm của người chiến sĩ trẻ đang hoạt động cách mạng sôi nổi bị bắt giam..

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên yêu cầu:*

? Kể tên một bài thơ em đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS của tác giả Tố Hữu?

? Nêu ngắn gọn cảm nhận của em về hoàn cảnh sáng tác, nội dung và nghệ thuật của bài thơ ấy?

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời:*

+ Bài thơ “Lượm” trong Ngữ văn 6

+ Bài thơ được sáng tác năm 1949 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt.

Bằng sự kết hợp giữa tự sự và biểu cảm, tác giả đã khắc họa hình ảnh chú bé Lượm hồn nhiên, vui tươi...

=> *Giáo viên nhận xét, dẫn vào bài:* Tố Hữu là nhà thơ hàng đầu trong phong trào thơ ca Cách Mạng Việt Nam. Mỗi chặng đường Cách mạng, chặng đường đời của tác giả đều đi song song với chặng đường thơ. Hôm nay, cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu một sáng tác trong thời kì đầu hoạt động Cách mạng của nhà thơ khi ông còn rất trẻ về tâm tư, tình cảm cũng như tài năng thơ ca đặc sắc của Tố Hữu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) **Mục đích:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Tố Hữu và văn bản “Khi con tu hú”.

b) **Nội dung:** Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) **Sản phẩm:** HS nắm rõ tác giả và tác phẩm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc sgk và trả lời: + Giới thiệu tác giả Tố Hữu? + Đôi nét chính về tác phẩm khi con tu hú?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đứng dậy trả lời + GV vừa nhận xét, vừa giải thích thêm để HS nắm rõ.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Giới thiệu chung 1. Tác giả: - Tố Hữu (1920- 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành quê ở Thừa Thiên-Huế. - Ông được giác ngộ cách mạng trong phong trào học sinh, sinh viên. - Với nguồn cảm hứng lớn là lí tưởng cách mạng, thơ Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng VN.</p> <p>2. Tác phẩm: - Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác ở nhà lao Thừa Phủ, được in trong tập “Từ ấy”- tập thơ đầu tiên của Tố Hữu. - Thể loại: thơ lục bát - Giọng thiết tha cuối bài cú nghen ngào uất ức, chú ý các câu ngắt nhịp 6/2, 3/3. - Bố cục: 2 phần + 6 câu đầu: Tiếng tu hú thức dậy mùa hè rực rỡ trong lòng người tù cách mạng- nhà thơ. + 4 câu cuối: Tiếng chim tu hú bừng dậy khát vọng tự do trong lòng người tù.</p>

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản – tìm hiểu chung

a) **Mục đích:** giúp học sinh tìm hiểu về nhan đề và hình ảnh mở đầu bài thơ.

b) **Nội dung:** Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu trả lời: ? Em hiểu gì về nhan đề của bài thơ? Hãy viết một câu văn ngắn gọn có 4 chữ đầu “Khi con tu hú” để tóm tắt nội dung bài thơ? ? Vì sao tiếng chim tu hú lại tác động mạnh đến tâm hồn nhà thơ? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đứng dậy trả lời + GV vừa nhận xét, vừa giải thích thêm để HS nắm rõ. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Nhan đề bài thơ chỉ là một vế phụ của một câu văn trọn ý => Khi con tu hú gọi bầy là khi mùa hè đến, người tù cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt trong phòng giam chật chội; càng thêm khát cháy bỏng cuộc sống tự do tung bồng ở bên ngoài. - Tiếng chim tu hú tác động mạnh mẽ vì: + Nhà thơ - người chiến sĩ CM mới 19 tuổi – vào tù. + Vì đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, sự sống tung bồng, là tín hiệu gọi bầu trời cao lồng lộng của tự do.

Hoạt động 3: Tìm hiểu bức tranh mùa hè

a) Mục đích: giúp học sinh cảm nhận bức tranh mùa hè rực rỡ qua cảm nhận của người tù cách mạng.

b) Nội dung: Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Tiếng chim tu hú đã gọi lên trong lòng người tù cách mạng những gì? ? Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ và tác dụng của nó trong khổ thơ trên? ? Cảnh sắc mùa hè có phải là cảnh tác giả nhận thấy trực tiếp hay không? Qua đó giúp em hiểu gì về nhà thơ Tố Hữu? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét. + Giáo viên: nhận xét. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	2. Bức tranh mùa hè - Tiếng chim tu hú đã gọi lên trong lòng người tù cách mạng: + Hình ảnh: lúa chín, trái cây ngọt dần, vườn râm, tiếng ve, nắng đào, trời xanh, điều sáo. + Âm thanh tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, tiếng sáo diều. + Màu sắc: màu vàng (bắp rây), màu đỏ (trái chín), màu hồng (nắng đào), màu xanh (trời xanh). - Cách sử dụng từ ngữ: sử dụng nhiều danh từ động từ, tính từ: + DT: con tu hú, lúa chiêm, trái cây, vườn râm, ve, bắp, sân, nắng, trời, điều sáo... + ĐT: gọi, ngân, lộn nhào...

<ul style="list-style-type: none"> + HS đứng dậy trả lời + GV vừa nhận xét, vừa giải thích thêm để HS nắm rõ. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. 	<ul style="list-style-type: none"> + TT: đầy, chín, ngọt, rậm, rộng, cao... => Cảnh mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hương vị. Mọi vật sống động, mạnh mẽ. - Điều đó cho thấy tác giả có sức cảm nhận mãnh liệt, tinh tế của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời, nhưng đang mất tự do và khao khát tự do đến cháy ruột cháy lòng
---	---

Hoạt động 4: Tìm hiểu tâm trạng người tù cách mạng

- a) **Mục đích:** giúp học cảm nhận được tâm trạng của người tù cách mạng.
b) **Nội dung:** Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện
c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập.
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Đọc 4 câu thơ cuối. ? Tâm trạng của người tù được thể hiện ở những dòng thơ nào? ? Nhận xét nhịp thơ có sự thay đổi ntn so với khổ 1, cách sử dụng từ ngữ của tác giả? ? Qua cách ngắt nhịp và sử dụng từ ngữ đó em hiểu gì về tâm trạng của người tù? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét. + Giáo viên: nhận xét. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đứng dậy trả lời + GV vừa nhận xét, vừa giải thích thêm để HS nắm rõ. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. 	<ul style="list-style-type: none"> 3. Tâm trạng người tù cách mạng - Dòng thơ thể hiện: Ta nghe hè dậy.... Mà chân muốn đạp..... - Nhịp thơ: + Cách ngắt nhịp bất thường 6/2 (câu 8); 3/3 (câu 9). + Sử dụng các động từ mạnh: (đạp tan phòng, chết uất), những từ ngữ cảm thán (ôi, thôi, làm sao), câu cảm thán (câu 8 và câu 10). - Tâm trạng người tù: Cảm giác ngột ngạt và uất ức cao độ => niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát khỏi cảnh tù ngục để trở về với cuộc sống tự do của người chiến sĩ cách mạng. Ở đây là cứ kêu chứ không phải gọi bầy, tiếng chim tu hú bên ngoài làm cho người tù dâng lên niềm cảm xúc mạnh.

Hoạt động 5: Tổng kết

- a) **Mục đích:** Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.
b) **Nội dung:** Hs vận dụng sgk, vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện
c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
-----------------------	------------------

<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu: ? Khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét. + Giáo viên: nhận xét.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trả lời nghệ thuật và nội dung theo hiểu biết của mình. + GV vừa nhận xét, vừa giải thích thêm để HS nắm rõ.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>5. Tổng kết <u>- Nghệ thuật:</u> + Viết theo thể thơ lục bát, giàu nhạc điệu, mượt mà, uyển chuyển. + Lựa chọn lời thơ đầy ấn tượng để biểu lộ cảm xúc khi thiết tha, khi lại sôi nổi, mạnh mẽ. + Sử dụng biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê, đối lập...</p> <p><u>- Nội dung:</u> + Lòng yêu cuộc sống. + Niềm khao khát tự do cháy bỏng của người tù cách mạng.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học về văn bản để làm bài tập.

b) Nội dung: Hs vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: Câu trả lời của nhóm HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên:* Thơ là tiếng nói tâm hồn của nhà thơ. Bài thơ “Khi con tu hú” cho ta thấy gì về tâm hồn thơ Tố Hữu?

- *HS tiếp nhận và trả lời:*

+ Hồn thơ nhạy cảm với mọi biểu hiện của sự sống.

+ Hồn thơ yêu cuộc sống mãnh liệt, quyết tranh đấu cho tự do

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

b) Nội dung: Hs vận dụng kiến thức hiểu biết để thực hiện

c) Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên:* Viết một đoạn văn tả cảnh mùa hè ở quê hương em?

- *Học sinh tiếp nhận, viết đoạn văn dựa theo yêu cầu:* đúng hình thức, nội dung đoạn văn.

+ Không gian, màu sắc của mùa hè.

+ Cảnh vật mùa hè.

=> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

***Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

CÂU NGHI VẤN (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu rõ đặc điểm của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn và các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu nghi vấn là dùng để hỏi.

2. Năng lực:

- HS có kĩ năng dùng câu nghi vấn.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ đúng và hay.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài “Câu nghi vấn”.
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi trong sgk.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về các chức năng khác của câu nghi vấn.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên yêu cầu:* Đặt 2 câu nghi vấn, chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của nó?

- *HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ, GV nhận xét*

=> *Giáo viên dẫn vào bài:* Dẫn dắt từ việc chữa bài làm của Hs -> Ngoài chức năng chính là để hỏi, câu nghi vấn còn có nhiều chức năng khác như cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm.... Chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu những chức năng khác.

a) Mục đích: Giúp HS nắm những chức năng khác của câu nghi vấn.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức sgk, kiến thức cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: THẢO LUẬN NHÓM	II. Những chức năng khác - Xác định câu nghi vấn:

<p>? Xác định câu nghi vấn trong những VD trên ?</p> <p>? Các câu nghi vấn trên có dùng để hỏi không?</p> <p>? Nếu không dùng để hỏi thì để làm gì?</p> <p>? Nhận xét về dấu kết thúc những câu nghi vấn trên?</p> <p>? Vậy ngoài chức năng dùng để hỏi câu nghi vấn còn dùng để làm gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét.</p> <p>+ Giáo viên: nhận xét</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trả lời nghệ thuật và nội dung theo hiểu biết của mình.</p> <p>+ GV vừa nhận xét, vừa giải thích thêm để HS nắm rõ.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>a) Những người.... Hồn ở đâu bây giờ?</p> <p>b) Mà định nói....đấy à?</p> <p>c) Có biết không? Lính đâu? Sao bay...vậy ? Không còn...à?</p> <p>d) Cả câu.</p> <p>e) Con gái...ư? Chả lẽ đúng là nó... ấy?</p> <p>- Câu nghi vấn dùng để:</p> <p>a) Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự hoài niệm, tâm trạng nuối tiếc).</p> <p>b) Đe dọa</p> <p>c) Đe dọa</p> <p>d) Khẳng định</p> <p>e) Bộc lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên)</p> <p>- Kết thúc câu: Không phải tất cả các câu nghi vấn đều kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Câu nghi vấn thứ hai ở VD e kết thúc bằng dấu chấm than để bộc lộ cảm xúc.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Giúp Hs vận dụng kiến thức về câu nghi vấn giải quyết các bài tập

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức sgk, kiến thức cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p>- GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thực hiện:</p> <p>+ Nhóm 1: Làm bt1 (sgk)</p> <p>+ Nhóm 2: Làm bt2 (sgk)</p> <p>+ Nhóm 3: Làm bt3 (sgk)</p> <p>+ Nhóm 4: Làm bt4 (sgk)</p> <p>- HS hoạt động theo nhóm, suy nghĩ và trả</p>	<p>1. Bài tập 1:</p> <p>a. Con người đáng.... để nó ăn ư?</p> <p>-> Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự ngạc nhiên).</p> <p>b. Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối</p> <p>.....</p> <p>Thời oanh liệt nay còn đâu?</p> <p>-> Phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p> <p>c. Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm hồn... rơi?</p> <p>-> Cầu khiến, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p> <p>d. Ôi, nếu thế....bóng bay?</p> <p>-> Phủ định, bộc lộ tình cảm , cảm xúc</p> <p>2. Bài tập 2</p>

lời. - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	a) Sao cụ...thế? Tôi gì bây giờ...lại? Ăn mãi...lo liệu? Đặc điểm hình thức: Sao, gì, gì. -> Phủ định. b) Cả đàn bò....chăn dắt làm sao? Đặc điểm hình thức: làm sao. => Bộc lộ sự băn khoăn, ngần ngại. c) Ai dám bảo...tình mẫu tử? Đặc điểm hình thức: Ai. => Khẳng định. d) Thằng bé.... việc gì? Sao lại ... mà khóc? - Gì, sao -> Hỏi. Những câu không dùng để hỏi đều biến đổi được. a. Cụ không phải lo xa như thế. Không nên nhịn đói mà để tiền lại. Ăn hết thì lúc chết không có tiền để mà lo liệu. b. Tôi lo thằng bé ấy không chăn dắt đàn bò c. Thảo mộc tự nhiên có tình mẫu tử. 3. Bài tập 3: a, Bạn có thể kể cho mình nghe nội dung bộ phim “Làng Vũ Đại ngày ấy” được không? b, (Lão Hạc ơi!) Sao đời lão lại khôn cùng đến thế! 4. Bài tập 4 - Những câu như vậy không dùng để hỏi mà để thay cho lời chào khi gặp nhau. Người được hỏi thường không trả lời vào câu hỏi mà có khi lại đặt những câu hỏi đáp lễ gần giống như vậy. - Người nói và người nghe có quan hệ mật thiết với nhau.
---	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

b) Nội dung: HS dựa vào kiến thức sgk, kiến thức cá nhân để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: bài viết của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên:* Viết một đoạn hội thoại theo chủ đề tự chọn có sử dụng câu nghi vấn? Chỉ ra chức năng của câu nghi vấn đó

- *Học sinh tiếp nhận, làm bài theo yêu cầu:*

+ Đúng hình thức, nội dung đoạn văn.

+ Sử dụng câu nghi vấn và chỉ ra chức năng của nó.

=>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

***Rút kinh nghiệm:**

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP (cách làm)

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Biết cách thuyết minh về một phương pháp, một thí nghiệm.
2. **Năng lực :** HS có kĩ năng làm bài văn thuyết minh.
3. **Phẩm chất:** HS có ý thức trau dồi kĩ năng thuyết minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài: ôn lại kiến thức về văn thuyết minh
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi trong sgk.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu cách thuyết minh về một phương pháp.

b) Nội dung:

HS vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm:

Trình bày miệng câu trả lời

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên yêu cầu:* Khi em làm được một đồ chơi hay nấu được món ăn ngon em rất muốn giới thiệu cho các bạn biết? Em sẽ làm thế nào?

- *HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ, GV nhận xét.*

=>*Giáo viên dẫn vào bài:* Trong tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu về cách thuyết minh một đồ dùng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về cách thuyết minh về cách làm.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu một phương pháp

a) Mục đích:

Giúp HS nắm cách thuyết minh một phương pháp, cách làm.

b) Nội dung:

HS vận dụng sgk, vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm:

Kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Gọi h/s đọc đoạn văn a,b? THẢO LUẬN NHÓM ? Qua hai VD em thấy bài văn thuyết minh một phương pháp có những mục nào chung.	I. Giới thiệu một phương pháp - Hai bài văn đều có những mục chung: + Nguyên vật liệu. + Cách làm + Yêu cầu thành phẩm (sản phẩm)

<p>? Vì sao phải có những mục đó?</p> <p>? Đề thuyết minh cách làm một đồ vật, nấu ăn, hay may quần áo...có kết quả tốt ta cần đảm bảo yêu cầu gì?</p> <p>? Nhận xét gì lời văn ở 2 VD trên?</p> <p>? Khi thuyết minh về một phương pháp (nấu ăn, đồ vật, món ăn) người viết cần nêu những nội dung gì? Cách làm được trình bày theo thứ tự nào?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét.</p> <p>+ Giáo viên: nhận xét</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trả lời nghệ thuật và nội dung theo hiểu biết của mình.</p> <p>+ GV vừa nhận xét, vừa giải thích thêm để HS nắm rõ.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.</p>	<p>làm ra, chất lượng).</p> <p>=> Vì muốn làm bất cứ một cái gì ta cũng cần có nguyên liệu để làm, cách chế biến nguyên liệu ấy để tạo ra một sản phẩm đảm bảo đúng yêu cầu, chất lượng.</p> <p>- Đề thuyết minh có kết quả tốt: Trước khi thuyết minh ta phải tìm hiểu, quan sát, nắm chắc phương pháp đó, nêu rõ cái nào làm trước, cái nào làm sau theo một thứ tự nhất định thì mới có kết quả.</p> <p>- Nhận xét: Lời văn ngắn gọn, chính xác và rõ nghĩa.</p> <p>- Khi thuyết minh:</p> <p>+ Cần nêu rõ điều kiện, cách thức, trình tự để tạo ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó.</p> <p>+ Phải trình bày rõ ràng cái nào làm trước, cái nào làm sau theo một trình tự nhất định.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Giúp Hs vận dụng kiến thức về thuyết minh về một phương pháp (cách làm) giải quyết các bài tập.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Kết quả vở bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p>- GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thực hiện:</p> <p>+ Nhóm 1+ 2: Làm bt1 (sgk)</p> <p>+ Nhóm 3 + 4: Làm bt2 (sgk)</p> <p>- HS hoạt động theo nhóm, suy nghĩ và trả lời.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Bài tập 1: Đảm bảo những yêu cầu sau</p> <p>- B1: Xác định đề bài: Thuyết minh về trò chơi gì?</p> <p>- B 2: Lập dàn bài.</p> <p>A. Mở bài: Giới thiệu khái quát trò chơi.</p> <p>B. Thân bài:</p> <p>* Điều kiện chơi:</p> <p>- Số người chơi.</p> <p>- Dụng cụ chơi.</p> <p>- Địa điểm, thời gian.</p> <p>* Cách chơi (Luật chơi).</p> <p>- Giới thiệu ntn thì thắng.</p> <p>- Giới thiệu ntn thì thua.</p>

	<p>- Giới thiệu ntn thì phạm luật. * Yêu cầu trò chơi.</p> <p>C. Kết bài.</p> <p>- Ý nghĩa của trò chơi.</p> <p>- Tình cảm của người thuyết minh. Lập dàn bài thuyết minh một trò chơi quen thuộc.</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>- Đặt vấn đề: “Ngày nay ... giải quyết được vấn đề... Yêu cầu thực tiễn cấp thiết buộc phải tìm cách đọc nhanh.</p> <p>“ Có nhiều cách đọc khác nhau ... có ý chí”. Giới thiệu những cách đọc chủ yếu hiện nay đọc thầm theo dòng và theo ý , những yêu cầu và hiệu quả của phương pháp đọc nhanh. “ Trong những năm gần đây.... 12.000 từ / phút” những số liệu, dẫn chứng về kết quả của phương pháp đọc nhanh. Các số liệu nêu ra nhằm chứng minh cho sự cần thiết, yêu cầu, cách thức, khả năng, tác dụng của phương pháp đọc nhanh đối với mỗi người chúng ta.</p>
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: Học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Kết quả vở bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên:*Viết một văn thuyết minh ngắn về phương pháp làm một đồ chơi đơn giản.

- *Học sinh tiếp nhận, trả lời đáp ứng đúng yêu cầu về hình thức, nội dung.*

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

=>*Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TỨC CẢNH PÁC BÓ – Hồ Chí Minh

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-Cảm nhận được tâm trạng vui, thích thú thật sự của Bác trong những ngày gian khổ ở Pác Bó, qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn của Bác, vừa là chiến sĩ say mê hoạt động cách mạng, vừa là một khách lâm tuyền ung dung hòa nhịp với thiên nhiên, thể hiện bản lĩnh của người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh.

-Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: Lời thơ bình dị, cảm xúc sâu sắc,...

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ

Năng lực cảm thụ văn học..

3. Phẩm chất: HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về một đoạn thơ của Tố Hữu viết về Bác

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: HS suy nghĩ, trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV: cho HS quan sát đoạn thơ sau, y/cầu HS đọc và TL các câu hỏi:

Ôi sáng xuân nay, xuân 41.

Trắng rừng biên giới nở hoa mơ

Bác về... im lặng con chim hót

Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ

? Những câu thơ trên trích từ bài thơ nào? Của ai?

? Những câu thơ đó ghi lại sự kiện rất quan trọng, tạo bước ngoặt cho lịch sử CM VN theo em đó là sự kiện gì?

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi của GV:

+ Trích trong bài “Theo chân Bác” của Tố Hữu.

+ Khắc đậm mốc thời gian, sự kiện lịch sử (thời điểm Bác Hồ trở về Tổ quốc)

- Giáo viên nhận xét đánh giá.

=> GV gieo vấn đề: Vậy sự kiện quan trọng là sau hơn 30 năm bôn ba ở nước ngoài để tìm đường cứu nước, đầu năm 1941, Chủ tịch HCM bí mật về Pác Bó Cao Bằng để lãnh đạo cách mạng nước ta. Từ đó hang Pác Bó đã trở thành nơi sống và hoạt động bí mật của Người. Vậy cuộc sống ở hang Pác Bó của Bác ntn chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) Mục đích: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Trình bày các nét chính về tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ “Tức	1. Giới thiệu chung + Tác giả: - Hồ Chí Minh (1890 - 1969) quê xã Kim Liên- huyện Nam Đàn- tỉnh Nghệ

<p>cảnh Pác Bó” (hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục bài thơ).</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS tiếp nhận, suy nghĩ và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.</p> <p>+ GV quan sát, hỗ trợ nếu HS cần.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh: trình bày dự án tác giả HCM và và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”</p> <p>+ Giáo viên: nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>An.</p> <p>- Là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.</p> <p>- Người còn là người chiến sĩ cách mạng, danh nhân văn hóa thế giới.</p> <p>+ Tác phẩm:</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác tháng 2/ 1941. Bác ở tại hang Pác Bó (Cao Bằng) để trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> <p>- Bài thơ được viết theo thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.</p> <p>- Bố cục: 2 phần:</p> <p>+ Phần 1: Cảnh sinh hoạt và làm việc của Bác ở Pác Bó (câu 1, 2, 3).</p> <p>+ Phần 2: Cảm nghĩ của Bác (câu 4).</p>
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu điều kiện sinh hoạt của Bác

a) **Mục đích:** Giúp Hs tìm hiểu điều kiện sinh hoạt của Bác

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập theo nhóm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên yêu cầu trả lời câu hỏi:</p> <p>1. Ở 3 câu thơ đầu Bác đã kể những gì về điều kiện sinh hoạt và làm việc của Bác?</p> <p>2. Bác đã sử dụng cách diễn đạt như thế nào và biện pháp nghệ thuật gì?</p> <p>3. Qua đó, em hình dung điều kiện sống, làm việc của Bác như thế nào?</p> <p>4. Từ đó, em hiểu gì về Bác (đời sống tâm hồn, tinh thần, tư thế...)?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: thảo luận nhóm.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs làm việc</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh: trình bày chi tiết câu trả lời của nhóm.</p> <p>+ Giáo viên: nghe Hs trình bày.</p>	<p>2. Tìm hiểu điều kiện sinh hoạt của Bác</p> <p>1. Điều kiện sống và làm việc:</p> <p>- Câu 1: Bác sống trong hang và bên cạnh suối, sáng ra bờ suối làm việc tối ngủ trong hang.</p> <p>- Câu 2: Bác ăn cháo bẹ và rau măng.</p> <p>- Câu 3: Bác làm việc dịch Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô là tài liệu học tập cho cán bộ cạnh mạng trên một chiếc bàn bằng đá kê chông chênh cạnh bờ suối.</p> <p>2. Cách diễn đạt và biện pháp nghệ thuật:</p> <p>- Câu 1: Nhịp 4/3, tạo câu thơ thành 2 vế sóng đôi tạo cảm giác cuộc sống nhịp nhàng, nền nếp, đều đặn cùng núi rừng.</p> <p>- Câu 2: + Giọng điệu vui đùa, hóm hỉnh, tự nhiên.</p> <p>+ Liệt kê các món ăn.</p> <p>- Câu 3: + Từ láy tượng hình.</p>

- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng.	+ Phép tiểu đối giữa hai vế câu. 3. Qua đó, em thấy điều kiện sống, làm việc của Bác thật khó khăn, thiếu thốn, gian khổ... nhưng vẫn vô cùng quy củ, nề nếp, hoà nhịp với núi rừng. 4. Bác là người có: + Tâm hồn hòa hợp với thiên nhiên. + Tinh thần vui tươi, sáng khoái, lạc quan. + Tư thế ung dung, lạc quan, yêu đời.
--	--

Hoạt động 3: Cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách mạng

a) Mục đích: Giúp học sinh hiểu được cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách mạng

b) Nội dung: HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: yêu cầu ? Từ “Sang” ở đây có nghĩa là gì? ? Ở đây, cuộc đời CM “thật là sang” có phải là sang giàu về mặt vật chất không? ? Câu thơ giúp ta hiểu thêm gì về phẩm chất con người Bác? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: thảo luận nhóm. + Giáo viên: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs làm việc - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh: trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng. GV: Câu thơ cuối cùng là lời tự nhận xét, biểu hiện trực tiếp tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình. Câu thơ kết đọng lại ở chữ “sang Trong những ngày ở Pác Bó, ăn, ở, làm việc đều gian khổ, khó khăn, thiếu thốn, nguy hiểm vô cùng. Nhưng người vẫn luôn cảm thấy vui, thích, giàu có và sang trọng. Niềm vui và cái sang của cuộc	3. Cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách mạng + “Sang” có nghĩa là sang trọng, giàu có, cao quý, là cảm giác hài lòng, vui thích. + “Thật là sang” từ Sang là sự sang trọng, giàu có về mặt tinh thần của người làm CM. (Ăn ở, làm việc ... đều gian khổ, khó khăn thiếu thốn nhưng Người vẫn luôn cảm thấy vui thích, giàu có, sang trọng. Việc ăn, ở không phải là sang, chỉ có việc làm (lịch sử Đảng) là sang nhất vì nó đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin về để đấu tranh giải phóng dân tộc, đem lại cơm no áo ấm và hạnh phúc cho toàn dân.

đời CM ấy xuất phát từ quan niệm sống của Người.	
--	--

Hoạt động 4: Tổng kết

- a) **Mục đích:** Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ
- b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thực hiện: + Nêu nội dung nghệ thuật của bài thơ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: suy nghĩ, động não. + Giáo viên: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở HS làm việc</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh: trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe HS trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng.</p>	<p>4. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời thơ bình dị, giọng điệu vui đùa thoải mái. - Kết hợp hài hòa giữa tính chất cổ điển và hiện đại. - Ngắn gọn, hàm súc. <p>2. Nội dung: Tâm hồn hoà hợp với thiên nhiên, tinh thần cách mạng kiên cường, tư thế ung dung, lạc quan của Bác.</p> <p>* Ghi nhớ: sgk</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** Vận dụng hiểu biết về bài thơ để làm bài tập.
- b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ
- c) **Sản phẩm:** bài làm của HS
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p><i>- GV yêu cầu HS thực hiện:</i> + Em rút ra bài học gì cho bản thân trước về đẹp trong cách sống của Bác Hồ? + Hoàn thành câu hỏi 3</p> <p><i>- HS hoạt động theo nhóm, suy nghĩ và trả lời.</i></p> <p><i>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</i></p>	<p>1. + Sống hoà hợp với thiên nhiên. + Tinh thần lạc quan....</p> <p>2. Câu hỏi 3 + Giống: Cả hai đều là những vị anh hùng, nhà tư tưởng lớn của DT. Cả hai đều có tình cảm gắn bó với thiên nhiên. + Khác: - Nguyễn Trãi lấy đá làm chiếu nằm, còn Bác thì lấy đá làm nơi làm việc. - Nguyễn Trãi tin ở thiên mệnh, thiên cơ: Khi gặp thời thế đảo điên thì không thể phò vua cứu nước đành lui về ở ẩn. Còn Bác thì nắm được quy</p>

	luật khách quan và thời cơ CM, chủ động vượt lên hoàn cảnh.
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv:* Viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ khoảng 7- 10 câu

- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

- *Dự kiến sản phẩm:* theo phần đọc hiểu, bài viết có cảm xúc, diễn đạt trôi chảy, xúc tích..

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

CÂU CẦU KHIẾN

I. MỤC TIÊU:

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu cầu khiến. Phân biệt câu cầu khiến với các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu cầu khiến, biết dùng câu cầu khiến phù hợp tình huống giao tiếp.

2. Năng lực:

HS có kĩ năng dùng câu cầu khiến phù hợp với tình huống giao tiếp. Năng lực huy động vốn từ để sử dụng đúng và hay.

3. Phẩm chất:

HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về câu cầu khiến

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu:* cho đoạn thơ:

Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non

Hãy để trẻ con nói cái ngon của kẹo.
 Hãy để cho bà nói má thơm của cháu.
 Hãy nghe tuổi trẻ ca ngợi tình yêu...

(“Đôi mắt xanh non”- Xuân

Diệu)

? Chỉ ra phó từ trong đoạn văn trên? Phó từ được thêm vào câu có ý nghĩa gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời: Từ “hãy” là phó từ, thêm vào câu có ý nghĩa cầu khiến.

- GV gieo vấn đề vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến như thế nào chúng ta đi vào tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đặc điểm hình thức và chức năng

a) Mục đích: Giúp HS nắm được hình thức và chức năng của câu

b) Nội dung: HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu HS trả lời: 1. Trong đoạn trích trên, câu nào là câu cầu khiến? 2. Dựa vào đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu cầu khiến? 3. Câu cầu khiến trong những đoạn trích trên dùng để làm gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS: làm việc nhóm + Gv: quan sát, giúp đỡ Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh: đại diện nhóm trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng. GV bổ sung thêm VD, yêu cầu học sinh xác định từ mang ý cầu khiến và nêu chức năng + Sứ giả hãy mau mau về xin nhà vua đút cho ta một con ngựa sắt !-> Yêu cầu, ra lệnh. + Bạn đọc đi! -> Yêu cầu + Bạn nên nghe lời anh ấy đi.-> Khuyến bảo. + Mẹ giặt giúp con chiếc áo này với nhé. -> Đề nghị.</p>	<p>- Các câu cầu khiến: a. Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi. b. Đi thôi con.</p> <p>- Đặc điểm hình thức: Chứa các từ mang ý cầu khiến: đừng, đi, thôi. - Kết thúc câu bằng dấu chấm.</p> <p>- Chức năng: + Khuyến bảo + Yêu cầu</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p>- GV yêu cầu HS thực hiện bt1,2,3,4,5:</p> <p>- HS hoạt động theo nhóm, suy nghĩ và trả lời.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Bài 1 :</p> <p>- Hình thức của câu cầu khiến</p> <p>a, Hãy ; b, đi ; c, đừng</p> <p>- Nhận xét về chủ ngữ:</p> <p>a, vắng chủ ngữ: chủ ngữ là Lang Liêu</p> <p>b, Chủ ngữ là ông giáo.</p> <p>c, Chủ ngữ là chúng ta.</p> <p>Thêm , bớt chủ ngữ :</p> <p>a, Con hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương. (làm cho đối tượng tiếp nhận thấy lời yêu cầu nhẹ nhàng tình cảm hơn)</p> <p>b, Hút trước đi. (ý nghĩa câu khiến dường như mạnh hơn, câu nói kém lịch sự hơn)</p> <p>c, Nay các anh đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không. (ý nghĩa câu bị thay đổi; chúng ta bao gồm cả người nói và người nghe, các anh : chỉ có người nghe)</p> <p>Bài 2 : Câu cầu khiến</p> <p>a, Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi.(vắng CN)</p> <p>b, Các em đừng khóc. (có CN)</p> <p>c, Đưa tay cho tôi mau; cầm lấy tay tôi này (vắng CN không có từ cầu khiến, chỉ có ngữ điệu cầu khiến)</p> <p>Bài 3 :</p> <p>- Câu a vắng chủ ngữ</p> <p>- Câu b có CN. Nhờ có CN ở câu b ý câu cầu khiến nhẹ hơn , thể hiện rõ hơn tình cảm của người nói đối với người nghe.</p> <p>Bài 4:</p> <p>- Dế Choắt nói với Dế Mèn (mục đích cầu khiến)</p> <p>- Dế Choắt tự coi mình là vai dưới so với Dế Mèn và lại là người yếu đuối, nhút nhát vì vậy ngôn từ của Dế Choắt thường khiêm nhường, có sự rào trước đón sau.</p> <p>- Trong lời Dế Choắt tác giả không dùng câu cầu khiến (mà dùng câu nghi vấn: hay là) làm cho ý cầu khiến nhẹ hơn, ít rõ ràng hơn. Cách dùng lời cầu khiến như thế rất phù hợp với tính cách Dế Choắt.</p>

	Bài 5: Đi đi con! -> chỉ có người con đi. Đi thôi con. -> người con và cả người mẹ cùng đi.
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** Bài viết của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV: *Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn có sử dụng câu cầu khiến?*

- HS tiếp nhận, viết đoạn văn theo đúng yêu cầu

- GV đánh giá câu trả lời của HS, chốt kết thúc.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

THUYẾT MINH MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Biết cách thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

2. **Năng lực:** Có kỹ năng làm bài văn thuyết minh. Năng lực trình bày giới thiệu về một DLTC mà HS yêu thích

3. **Phẩm chất:** Có ý tình yêu quê hương đất nước, yêu thiên nhiên, quý trọng, giữ gìn, bảo vệ, tôn tạo những danh lam thắng cảnh của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục đích:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi học về văn thuyết minh

b) **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu:

1. Kể tên những danh lam thắng cảnh mà em biết?

2. Em đã được tham quan ở nơi nào chưa? Em hãy thử làm một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu cho các bạn nghe về địa danh đó.

- HS tiếp nhận, trả lời: Đền Hùng, Vịnh Hạ Long, chùa Hương.

- GV gieo vấn đề vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến như thế nào chúng ta đi vào tìm hiểu

=> GV nêu mục đích bài học

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu một danh lam thắng cảnh

a) **Mục đích:** Giúp học sinh tìm hiểu bài văn giới thiệu một danh lam thắng cảnh

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Gv yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bài văn giới thiệu về những đối tượng nào? 2. Bài giới thiệu giúp chúng ta hiểu gì về đối tượng đó? 3. Như vậy muốn viết bài về danh lam thắng cảnh thì ta cần có những kiến thức gì ? 4. Làm thế nào để có kiến thức đó? 5. Bài viết được sắp xếp theo bố cục, trình tự nào? Theo em bài này có thiếu sót gì về bố cục? <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Hs: thảo luận.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh: đại diện nhóm trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng.</p> <p>+ GV bổ sung: Tuy bài này được chia làm 3 phần nhưng không phải là 3 phần của 1 VB là MB, TB, KL như bố cục thường gặp. Vậy để bài viết hoàn thiện, ta phải -> Bổ sung thêm MB và KB.</p>	<p>1. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng TM: Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn . 2. Bài giới thiệu giúp ta biết: <ul style="list-style-type: none"> - Hồ Hoàn Kiếm: Nguồn gốc hình thành, sự tích những tên hồ. - Đền Ngọc Sơn: Nguồn gốc hình thành, sơ lược quá trình xây dựng đền, vị trí và cấu trúc đền. 3. Kiến thức: thuộc lĩnh vực Lịch sử, địa lí văn học và nghệ thuật. 4. Phải thăm quan, tra cứu sách vở, hỏi han... 5. Bố cục: 3 phần <ul style="list-style-type: none"> + P1: Giới thiệu hồ HK + P2: Giới thiệu đền NS + P3: Giới thiệu bờ hồ. <p>-> Theo thứ tự quan sát của người viết.</p> <p>- Bài còn thiếu: Mở bài và kết bài.</p> <p>*Ghi nhớ: sgk</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Vận dụng hiểu biết về văn thuyết minh để làm bài tập.

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p>- Gv yêu cầu: Làm bài tập 1,2,3,4 sgk</p> <p>+ Bài 1,3: làm việc cá nhân</p> <p>+ Bài 2, 4 thảo luận cặp đôi</p> <p><i>* Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <p>+ Hs: làm bài cá nhân, cặp đôi</p> <p>+ Gv: quan sát, giúp đỡ Hs.</p> <p><i>* Báo cáo kết quả: Hs trình bày bài làm của mình</i></p> <p><i>* Đánh giá kết quả</i></p> <p>+ HS nhận xét, bổ sung đánh giá</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>II. Luyện tập:</p> <p>1. Bài tập 1:</p> <p>a) MB: - Giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm.</p> <p>- Vị trí của danh lam thắng cảnh.</p> <p>b) TB: - Giới thiệu vị trí của hồ, diện tích, độ sâu.</p> <p>- Giới thiệu hồ Hoàn Kiếm gồm 2 bộ phận: Hồ và đền được nổi bởi cầu Thê Húc.</p> <p>- Giới thiệu chi tiết:</p> <p>+ Hồ Hoàn Kiếm: Nguồn gốc tên gọi ở mỗi thời kì.</p> <p>+ Đền Ngọc Sơn: Tên gọi gắn với những sự kiện lịch sử khác nhau.</p> <p>Miêu tả Tháp Bút, Đài Nghiên, đền Ngọc Sơn (kiến trúc, vai trò...).</p> <p>c) KB:</p> <p>- Vị trí của thắng cảnh trong đời sống con người.</p> <p>- Cần làm gì để phát huy, giữ gìn cảnh đẹp đó.</p> <p>2. Bài tập 2:</p> <p>- Nhìn bao quát toàn cảnh: từ đường Đinh Tiên Hoàng nhìn Đài Nghiêng, Tháp Bút, qua cầu Thê Húc, vào đền. Tả bên trong đền. Từ trần Ba Đình nhìn ra hồ, về phía Thủy Tạ, phía Tháp Rùa -> giới thiệu tiếp. Từ phố Hàng Khay nhìn bao quát cảnh hồ đền để kết luận.</p> <p>3. Bài tập 3:</p> <p>- Truyền thuyết trả gương thần, cầu Thê Húc, Tháp Bút, vấn đề giữ gìn cảnh quan và sự trong sạch của Hồ Gươm.</p> <p>4. Bài tập 4:</p> <p>- Vào phần mở bài và kết bài của bài văn.</p>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk và kiến thức của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Bài viết của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv yêu cầu:* Viết một đoạn văn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử ở địa phương em.

- *HS tiếp nhận và trả lời:*

+ Đủ bố cục 3 phần

+ Giới thiệu được: tên, địa điểm, cấu trúc, vai trò ý nghĩa và cách giữ gìn phát huy vai trò của DLTC ấy.

- GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhớ lại khái niệm của kiểu bài thuyết minh
- Ôn lại vai trò, tác dụng, đặc trưng, phương pháp của văn bản thuyết minh.
- Nắm vững bố cục bài văn TM và cách làm bài văn thuyết minh.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức của mình để thực hiện

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- GV: nêu câu hỏi

? Nêu cách giới thiệu, thuyết minh một danh lam thắng cảnh ?

- HS: tiếp nhận, trả lời :

Muốn giới thiệu, thuyết minh về một danh lam thắng cảnh thì tốt nhất phải đến nơi thăm thú, quan sát hoặc tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết về nơi ấy.

=>GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Vậy bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào ôn tập củng cố kiến thức về văn thuyết minh.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập lí thuyết

- a) **Mục đích:** Nêu được vai trò, tác dụng, đặc điểm, yêu cầu và phương pháp thuyết minh
b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk và kiến thức của mình để thực hiện
c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên: nêu yêu cầu</p> <p>1. Nhắc lại khái niệm văn bản thuyết minh?</p> <p>2. Văn bản thuyết minh có vai trò tác dụng như thế nào trong đời sống?</p> <p>3. Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, cần phải chuẩn bị những gì? Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì?</p> <p>4. Những phương pháp thuyết minh nào thường được chú ý vận dụng?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm</p> <p>+ <i>Giáo viên:</i> hướng quan sát các nhóm làm việc, hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh: đại diện nhóm trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng.</p>	<p>Ôn tập lí thuyết</p> <p>1. Khái niệm: VB thuyết minh là kiểu VB thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân...của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và XH bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.</p> <p>2. Vai trò, tác dụng của văn bản thuyết minh:</p> <p>- Cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân của các sự vật, hiện tượng</p> <p>2. Tính chất :</p> <p>- Chính xác, khách quan , khoa học</p> <p>3. Yêu cầu :</p> <p>- Quan sát, tìm hiểu, nắm bắt được đặc điểm, tính chất của đối tượng</p> <p>4. Phương pháp:</p> <p>- Định nghĩa, liệt kê, ví dụ, so sánh, đối chiếu, phân tích, phân loại, dùng số liệu.....</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập
b) **Nội dung:** HS vận dụng kiến thức của mình để thực hiện
c) **Sản phẩm:** HS làm vào vở BT
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p><i>- Gv yêu cầu thực hiện:</i></p> <p>* Bài tập 1</p> <p>Hãy nêu cách lập ý và lập dàn bài một trong các đề</p> <p>a. Giới thiệu 1 đồ dùng trong học tập hoặc sinh hoạt</p> <p>b. Giới thiệu 1 danh lam</p>	<p>1. Bài tập 1:</p> <p>* Lập ý:</p> <p>- Xác định đối tượng: Chiếc bút- đồ dùng quen thuộc không thể thiếu trong cuộc sống.</p> <p>- Xác định phạm vi kiến thức: Đặc điểm, công dụng, cấu tạo, cách sử dụng, bảo quản</p> <p>* Lập dàn bài:</p>

<p>thắng cảnh ở quê hương em</p> <p>*Bài tập 2: Tập viết đoạn văn 1 trong các đề bài trong SGK T36</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân - <i>Giáo viên:</i> quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết - HS trình bày kết quả bài làm của mình - GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức. 	<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chiếc bút. <p>b. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đặc điểm, hình dáng, cấu tạo của chiếc bút. - Nêu công dụng, cách sử dụng, bảo quản. <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định vai trò của chiếc bút trong cuộc sống. - Tình cảm của em. <p>Bài tập 2:</p> <p>1) Đền Hùng là một di tích lịch sử nổi tiếng của tỉnh Phú Thọ nói riêng, của cả nước nói chung. (2) Đền Hùng là nơi thờ tự các vua Hùng, những vị vua đầu tiên của đất nước ta. (3) Đền Hùng tọa lạc trên ngọn núi Nghĩa Lĩnh hay còn gọi là núi Hùng, núi Cỏ, núi Hy Cương, cao 175m so với mực nước biển. (4) Đầu tiên, chúng ta bước đến cổng đền được xây năm 1917 với dòng chữ “Cao sơn cảnh hành”. (5) Theo những bậc đá mòn dưới những tán cây cổ thụ xanh mát, chúng ta lên đến Đền Hạ rồi đến Đền Trung và cuối cùng là Đền Thượng. (6) Men theo sườn dốc, chúng ta đến với Đền Giếng gắn liền với bao huyền tích lịch sử về những nàng công chúa xa xưa. (7) Đến thăm đền Hùng, du khách sẽ cảm nhận được không khí trang nghiêm, u tịch và huyền bí, gợi sự thiêng liêng và lòng thành kính đối với tổ tiên của chúng ta.</p>
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: HS vận dụng kiến thức của mình để thực hiện

c) Sản phẩm: Bài viết của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv yêu cầu:* Viết đoạn văn thuyết minh giới thiệu 1 loài hoa vào dịp tết đến xuân về

- *HS:* tiếp nhận, trả lời theo đúng yêu cầu:

+ Đủ bố cục 3 phần

+ Giới thiệu được: Nguồn gốc, cấu tạo, công dụng ý nghĩa, cách chăm sóc và giữ gìn.

+ GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

NGẮM TRĂNG – Hồ Chí Minh

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

-Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên đặc biệt sâu sắc của Bác dù trong hoàn cảnh tù ngục, Người vẫn mở rộng tâm hồn, tìm đến giao hòa với thiên nhiên. Thấy được phong thái ung dung, bản lĩnh cách mạng ở Bác.

- Cảm nhận được sức truyền cảm nghệ thuật của bài thơ: Bình dị, tự nhiên, mang ý nghĩa sâu sắc.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ. Năng lực cảm thụ văn học

3. Phẩm chất: HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv nêu câu hỏi :

HS quan sát tập thơ «Nhật kí trong tù » ? Nêu hiểu biết của em về tập thơ?

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi dựa theo hiểu biết của bản thân

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Giáo viên giới thiệu tập NKTT -> Hs quan sát -> Đây là tập thơ cảm hứng trữ tình duy nhất của HCM được Người sáng tác khá liên tục trong chuỗi ngày bị tù đày ở Quảng Tây (Trung Quốc). Tập thơ gồm 133 bài viết bằng chữ Hán. Trăng vốn là đề tài quen thuộc trong thơ Bác VD “Cảnh khuya, “Rằm tháng giêng”, “Ngắm trăng” là bài thơ nằm trong tập NKTT viết về một cuộc “Ngắm trăng” thật đặc biệt của Bác Hồ: ngắm trăng trong nhà tù..... Chúng ta cùng tìm hiểu bài .

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) Mục đích: Nêu được những hiểu biết của mình về bài thơ

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + GV yêu cầu HS trả lời: Nêu những hiểu biết của em về bài thơ? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + <i>Học sinh</i> : làm việc cá nhân. + <i>Giáo viên</i> : quan sát, hỗ trợ hs - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng.	Giới thiệu chung 1. Tác giả: (sgk) 2. Văn bản: a. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại: - Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù” - Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch. - Thể loại: thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản – Hai câu đầu

a) Mục đích: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ.

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Nêu những hiểu biết của em về hoàn cảnh ngắm trăng của Bác? Câu thơ sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng? 2. So sánh câu 2 với nguyên tác? 3. Qua đó, em có nhận xét gì về Người? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + <i>Học sinh</i> : thảo luận cặp đôi. + <i>Giáo viên</i> : quan sát, hỗ trợ hs - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng. - <i>GV</i> : Rượu và hoa là những thứ mà thi nhân thường có để ngắm trăng. Có rượu để có thể cất chén mời trăng sáng, có rượu để thi hứng thêm nồng và hoa làm cho cảnh thêm lãng mạn và thơ mộng. Các thi nhân xưa gặp cảnh trăng đẹp thường	Hai câu đầu - Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh: Khi Bác bị giam cầm trong nhà tù TGT: thiếu thốn đủ thứ, không rượu và cũng không có hoa. - Điệp ngữ “vô”-> Như lời khẳng định, nhấn mạnh không hề có rượu và có hoa cho cuộc thưởng ngoạn.

<p>đem rượu uống trước hoa để thưởng trăng; có rượu và hoa thì thưởng trăng mới thật mỹ mãn. Nói chung người ta chỉ ngắm trăng khi thanh thoi, tâm hồn thư thái. Nhưng ở đây, HCM ngắm trăng trong một hoàn cảnh đặc biệt: trong ngục tù! Bậc tao nhân mặc khách thưởng trăng đó đang là một tù nhân bị đày đọa vô cùng cực khổ. Điều kiện sinh hoạt của cái nhà tù tàn bạo ấy làm sao phù hợp với việc thưởng nguyệt! làm sao có rượu và hoa để thưởng trăng?</p> <p>2. 3 tiếng “nại nhược hà” (biết làm thế nào) dịch thành “khó hững hờ” đổi từ câu hỏi thành câu trần thuật làm mất đi cái xôn xang, bồi hồi rất nghệ sĩ, rất nhạy cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên của Bác Hồ. “Khó hững hờ” cho thấy hình như nhân vật trữ tình quá bình thản, có phần hững hờ chứ không rung động mạnh mẽ như trong nguyên tác.</p> <p>3. Yêu thiên nhiên, rung động mãnh liệt trước cảnh đẹp thiên nhiên dù đang là thân tù.</p>	
--	--

Hoạt động 3: Hai câu cuối

a) Mục đích: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ.

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <p>1. Nhận xét về cấu trúc và nghệ thuật của hai câu thơ? Nêu tác dụng?</p> <p>2. Qua bài thơ em hiểu gì về Bác ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: thảo luận cặp đôi.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn</p>	<p>Hai câu cuối</p> <p>1. - Cấu trúc:</p> <p>Nhân hướng song tiền khán/ minh nguyệt.</p> <p>Nguyệt/ tòng song khích khán/ thi gia.</p> <p>NT đối -> hành động cùng song song diễn ra -> một cuộc giao hòa gần gũi, thân thiết giữa người với trăng.</p> <p>- NT: + đối: nhân – nguyệt. minh nguyệt- thi gia. + nhân hóa</p> <p>=> Người tù hướng tâm hồn ra ngoài cửa sổ. Vầng trăng cũng chủ động vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ. Cả hai đều chủ động tìm đến nhau, giao hoà cùng nhau. Câu trúc đối làm nổi</p>

kiến thức, ghi bảng.	<p>bất tình cảm song phương “mãnh liệt” của cả người và trăng.</p> <p>2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu thiên nhiên, mong muốn giao hòa với thiên nhiên. - Phong thái ung dung, lạc quan vượt lên hoàn cảnh tù ngục => Đó chính là chất thép của người chiến sĩ cách mạng. <p>Bài thơ là một cuộc vượt ngục về tinh thần của Bác. Bài thơ là minh chứng sinh động cho hai câu thơ Bác viết trang bìa tập NKTT:</p> <p>“Thân thể ở trong lao Tinh thần ở ngoài lao”.</p>
----------------------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: HS làm vào vở BT

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn Bác qua bài thơ.

- Hs tiếp nhận, hoàn thành đoạn văn theo cảm nghĩ của mình.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá => Giáo viên chốt kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài viết của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Đọc diễn cảm bài thơ dịch của Nam Trân? Bài thơ ghi lại cảnh gì?

Tình cảm của bác được thể hiện ra sao?

- HS trả lời: Bài thơ ghi lại một buổi ngắm trăng bất thường

Thiếu thốn về vật chất nhưng nhà thơ vẫn chủ động ngắm trăng. Đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác cụ thể, ta nhận ra một tâm hồn có trí tưởng tượng phong phú, phóng khoáng, nhạy cảm, một tâm hồn tinh tế khoẻ khoắn, một cốt cách thanh cao, một tấm lòng yêu thiên nhiên sâu sắc, sáng ngời chất thép.

- GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

ĐI ĐƯỜNG – Hồ Chí Minh

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu được ý nghĩa tư tưởng của bài thơ Đi đường. Từ việc đi đường gian lao mà nói lên bài học đường đời, đường cách mạng.
- Cảm nhận được sức truyền cảm nghệ thuật của bài thơ: Bình dị, tự nhiên, mang ý nghĩa sâu sắc.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích thơ. Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất: HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu câu hỏi: Đọc một số bài thơ của Bác mà hs đã chuẩn bị ở nhà. Em hiểu được điều gì về Bác từ những văn đó ?

- GV nhận xét đánh giá

=> GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Giáo viên giới thiệu tập NKTT -> Hs quan sát -> Đây là tập thơ cảm hứng trữ tình duy nhất của HCM được Người sáng tác khá liên tục trong chuỗi ngày bị tù đầy ở Quảng Tây (Trung Quốc). Tập thơ gồm 133 bài viết bằng chữ Hán. Tráng vốn là đề tài quen thuộc trong thơ Bác VD “Cảnh khuya”, “Rằm tháng giêng”, “Ngắm trăng” là bài thơ nằm trong tập NKTT viết về một cuộc “Ngắm trăng” thật đặc biệt của Bác Hồ: ngắm trăng trong nhà tù..... Chúng ta cùng tìm hiểu bài .

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) Mục đích: Nêu được những hiểu biết của mình về bài thơ

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ + Nêu những hiểu biết của em về hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: làm việc cá nhân. + Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs	I. Giới thiệu chung 1. Tác giả 2. Văn bản + Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù” + Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng.	bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch. + Thể loại: - Nguyên tác: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. - Bản dịch: thơ lục bát.
---	---

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản – Hai câu đầu

a) Mục đích: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ.

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên, nêu yêu cầu: 1. So sánh nguyên tác và bản dịch xem có gì khác nhau giữa hai câu đầu? Hãy chỉ ra biện pháp nghệ thuật và tác dụng của nó ở câu thơ đầu? Nêu tác dụng của nó? 2. Hãy phân tích 2 lớp nghĩa của câu thơ này? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: thảo luận cặp đôi. + Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng.	1. Hai câu đầu 1. - So sánh nguyên tác và bản dịch: Bản dịch mất đi một chữ “tẩu lộ”. - Điệp từ : Tẩu lộ -> làm nổi bật ý tẩu lộ nan -> giọng thơ suy ngẫm thể hiện thể hiện cuộc đời của Bác : Bác bị giải hết từ nhà lao này sang nhà lao khác -> thể hiện nỗi gian lao, vất vả của người đi bộ trên đường núi. 2. – Phân tích hai lớp nghĩa câu thơ: - Nghĩa đen : Nói cụ thể cái gian lao của tẩu lộ : Vượt qua rất nhiều núi, hết dãy này đến dãy khác, liên miên bất tận ý thơ - Nghĩa bóng : Người tù Hồ Chí Minh đang cảm nhận thấm thía, suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường núi cũng như con đường cách mạng, con đường đời. + Động từ: Trùng san Làm (lớp núi) nổi bật hình ảnh thơ + Từ : Hựu -> nhấn mạnh và làm sâu sắc ý thơ - Nghĩa bóng : Người tù Hồ Chí Minh đang cảm nhận thấm thía, suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường núi cũng như con đường cách mạng, con đường đời.

Hoạt động 3: Hai câu cuối

a) Mục đích: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ.

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên: nêu yêu cầu</p> <p>1. So sánh bản dịch nghĩa, dịch thơ với phát âm chữ Hán? Nêu tác dụng của nó?</p> <p>2. Tâm trạng của người tù khi đứng trên đỉnh núi? Vì sao người có tâm trạng ấy?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: thảo luận cặp đôi.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng.</p>	<p>Hai câu cuối</p> <p>1. So sánh bản dịch nghĩa, dịch thơ với phát âm chữ Hán?</p> <p>- Điệp từ vòng “ trùng san”</p> <p>-> Làm cho mạch thơ, ý thơ nối liền tạo cảm giác những dãy núi kia cứ kéo dài mãi không hết</p> <p>Mở ra một ý mới tạo đà cho câu hợp.</p> <p>2. Tâm trạng: Vui sướng đặc biệt, bất ngờ-> niềm vui hạnh phúc hết sức lớn lao của người chiến sĩ cách mạng khi cách mạng hoàn toàn thắng lợi sau bao gian khổ hy sinh. Câu thơ hiện ra hình ảnh con người đứng trên đỉnh cao thắng lợi với tư thế làm chủ thế giới.</p>

Hoạt động 3: Tổng kết

a) Mục đích: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ

b) Nội dung: Vận dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên: nêu yêu cầu</p> <p>- Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: thảo luận cặp đôi.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến</p>	<p>Tổng kết:</p> <p>+ Nghệ thuật:</p> <p>- Kết cấu chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, bình dị, gợi cảm và giàu cảm xúc.</p> <p>- Bản dịch thơ có tác dụng nhất định.</p> <p>+ Nội dung:</p> <p>Bài thơ có 2 lớp nghĩa</p> <p>- Nghĩa đen : Nói về việc đi đường núi</p> <p>- Nghĩa bóng : Con đường cách mạng, đường đời Bác Hồ muốn</p>

thức, ghi bảng.	nêu lên một chân lý, một bài học rút ra từ thực tế : Con đường cách mạng là lâu dài, là vô vàn gian khổ, nhưng nếu kiên trì bền chí để vượt qua gian nan thử thách thì nhất định sẽ đạt tới thắng lợi rực rỡ
-----------------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập
b) **Nội dung:** Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ
c) **Sản phẩm:** HS làm vào vở bài tập
d) **Tổ chức thực hiện:**
- Gv nêu các nét nghĩa trong bài thơ “ Đi đường”?
 - Hs tiếp nhận, trả lời, bổ sung, đánh giá.
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá =>Giáo viên chốt kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục đích:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn
b) **Nội dung:** Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ
c) **Sản phẩm:** Bài viết của học sinh
d) **Tổ chức thực hiện:**
- Gv: viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về những điều em học tập được qua văn bản.
 - Hs trả lời: Bài thơ ghi lại một buổi ngắm trăng bất thường Thiếu thốn về vật chất nhưng nhà thơ vẫn chủ động ngắm trăng. Đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác cụ thể, ta nhận ra một tâm hồn có trí tưởng tượng phong phú, phóng khoáng, nhạy cảm, một tâm hồn tinh tế khoẻ khoắn, một cốt cách thanh cao, một tấm lòng yêu thiên nhiên sâu sắc, sáng ngời chất thép.
- *Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

CÂU CẢM THÁN – Thê Lữ

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán. Phân biệt câu cảm thán với các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu cảm thán; biết dùng câu cảm thán phù hợp tình huống giao tiếp.
- 2. Năng lực:** HS có kĩ năng dùng câu cảm thán phù hợp với tình huống giao tiếp. Kỹ năng sử dụng câu đúng và hay.
- 3. Phẩm chất:** HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- 1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập
- 2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) Mục đích:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh
- b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ
- c) Sản phẩm:** Trình bày miệng
- d) Tổ chức thực hiện:**

- Gv: nêu câu hỏi
 - ? Kể tên cá kiêu câu đã được học trong học kỳ 2?
 - ? Cho biết các câu sau đây thuộc kiêu câu nào ?
- a. Em nên chăm chỉ học tập.
- b. Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !
- HS tiếp nhận và trả lời, GV nhận xét đánh giá ->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đặc điểm hình thức và chức năng

- a) Mục đích:** Nêu được những hiểu biết của mình về câu cảm thán
- b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ
- c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm.
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: thảo luận cặp đôi. + Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, ghi bảng. 	<p>Đặc điểm hình thức và chức năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: + Có chứa các từ cảm thán: hỡi ơi, than ôi, trời ơi... + Thường kết thúc bằng dấu chấm than. - Chức năng: + Dùng để bộc lộ cảm xúc + Xuất hiện trong ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ văn chương.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) Mục đích:** Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập
 - b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ
 - c) Sản phẩm:** HS làm vào vở bài tập
 - d) Tổ chức thực hiện:**
- Gv yêu cầu: hoạt động cặp đôi (Bt1), nhóm (BT2), cá nhân (BT3).
 - HS tiếp nhận, trả lời bằng cách trình bày miệng:

1. Bài 1:

- a. Than ôi ! Lo thay !

Nguy thay !

b. Hồi cảnh rừng...

c. Chao ôi , có biết đâu rằng... thôi.

Những câu còn lại khụng phải là câu cảm thán vì không có các từ cảm thán.

Đặc điểm hình thức quan trọng để nhận biết

2. Bài 2:

a. Lời than thở của người nông dân dưới chế độ phong kiến.

b. Lời than thở của người chinh phụ trước nỗi truân chuyên do chiến tranh phi nghĩa gây ra.

c. Tâm trạng bế tắc của nhà thơ trước cuộc sống. (Trước Cm T8)

d. Sự ân hận của Đế Mèn trước giờ Đế Choắt chết.

- Các câu này đều bộc lộ cảm xúc tình cảm nhưng không phải là câu cảm thán được vì nó không có từ cảm thán.

3. Bài 3:

a. Bà ơi, tình cảm của bà giành cho cháu thật là quý báu biết bao !

b. Chao ôi, mặt trời lên đẹp quá !

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn trong có sử dụng câu cảm thán?

Chỉ ra câu cảm thán đó.

- HS tiếp nhận, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

CHIẾU DỜI ĐÔ – Lý Công Uẩn

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thấy được khát vọng của ND ta về một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua bài chiếu này.- Nắm được đặc điểm của thể chiếu. Thấy được sức thuyết phục to lớn của chiếu dời đô là sự kết hợp giữa lí lẽ và tình cảm. Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích văn nghị luận.Năng lực cam thụ tác phẩm VH.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
 - Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.
- 2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về triều đại đầu tiên nhà Lí và công lao của Lí Công Uẩn đối với đất nước.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv nêu câu hỏi:* Dựa vào kiến thức lịch sử cho biết: Nhà vua đầu tiên của triều Lí là ai? Ông có công gì với đất nước? Em hãy cho ví dụ?
 - *HS tiếp nhận, trả lời:* LCU là nhà vua đầu tiên triều đại nhà Lí, ông có công lao to lớn xây dựng đất nước, đầu tiên trong việc chuyển đô.
- => GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Công lao của ông được ghi dấu ấn đậm nét trong tác phẩm “Chiếu dời đô”. Vậy tác phẩm này phản ánh điều gì? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) Mục đích: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Lí Công Uẩn và văn bản Chiếu dời đô.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Lí Công Uẩn? 2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Chiếu dời đô” 3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? 4. Bài chiếu này thuộc kiểu văn bản nào mà em đã học? Vì sao em khẳng định như vậy? <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS tiếp nhận, suy nghĩ, trả lời câu hỏi + GV quan sát, hướng dẫn học sinh thực hiện.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p>	<p>I. Giới thiệu chung 1. Tác giả: (974- 1028) - Lí Công Uẩn là người thông minh, nhân ái, có chí lớn, là người sáng lập vương triều nhà Lí.</p> <p>2. Văn bản a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại : Được Lí Công Uẩn viết vào năm 1010 bày tỏ ý định dời đô ra thành Đại La (Hà Nội) - Thể loại: Chiếu b. Đọc, chú thích bố cục - Từ đầu => không thể không dời đổi: phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô.</p>

+ Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá + Giáo viên nhận xét, đánh giá => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	- Tiếp theo => muôn đời: những lí do để chọn Đại La làm kinh đô.
--	--

Hoạt động 2: Những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô

a) Mục đích:

- Thấy được khát vọng của nhân dân ta về một đất nước độc lập, thống nhất hùng cường và khí phách của dân tộc Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua Chiếu dời đô;

- Thấy được sức thuyết phục của Chiếu dời đô là sự kết hợp giữa lí lẽ và tình cảm. Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu: 1. Tác giả đã phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô bằng cách nào? Tác dụng của cách lập luận ấy? 2. Nhận xét về cách lập luận của tác giả? 3. Qua đó, em có nhận xét gì về LCU?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. + <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá</p>	<p>1. Tác giả phân tích bằng cách: - Mở đầu, nhà vua viện dẫn sử sách, nói về việc dời đô của các vua thời xưa bên TQ: - Thời nhà Thương 5 lần dời đô, nhà Chu 3 lần....nhằm mục đích mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều phồn thịnh tính kê lâu dài, vừa thuận theo mệnh trời (phù hợp quy luật khách quan), vừa thuận theo ý dân. -> Kq: làm cho đất nước được vững bền, phát triển thịnh vượng. => Tác dụng: tạo một tiền đề lý luận vững chắc. Đó đều là những chuyện đã xảy ra trong thực tế bởi vậy nếu có làm theo cũng không có gì là bất thường. Hơn nữa những việc làm đó hợp lòng trời vừa lòng dân. Hội tụ các yếu tố thiên thời địa lợi nhân hoà, có tác dụng thu phục lòng người. - Sau đó, tác giả soi sử sách vào tình hình thực tế của dân tộc để nhận xét có tính chất phê phán hai triều đại Đinh, Lê cứ đóng yên đô tại Hoa Lư gây ra những sai lầm: không theo mệnh trời (không phù hợp với quy luật khách quan), không biết học theo cái đúng của người xưa, dẫn đến hậu quả: triều đại ngắn ngủi, nhân dân khổ sở, vạn vật không thích nghi, không thể phát triển trong vùng đất chật chội. - Cuối cùng tác giả khẳng định: “Không thể</p>

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá.	không đòi hỏi” 2. Nhận xét: - Cách lập luận hợp lí, chặt chẽ. - Cùng với dẫn chứng cụ thể, sinh động, rõ ràng tác giả đan xen những câu văn biểu cảm (tình cảm chân thành của tác giả) “Trầm rất đau xót...” làm cho lời văn tác động mạnh đến tình cảm người nghe, người đọc làm tăng sức thuyết phục. - Tuy nhiên cần nhìn nhận công bằng hơn với hai triều đại này vì thực ra khi đó thế và lực của triều Đinh, Lê chưa đủ mạnh để ra nơi đồng bằng, đất phẳng để phòng thủ tốt cần phải dựa vào địa thế hiểm trở của vùng núi Hoa Lư để chống giặc ngoại xâm.
---------------------------------	--

Hoạt động 3: Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất

a) Mục đích: thấy được những lí do để LCU chọn Đại La làm kinh đô và tài năng lập luận của tác giả.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu: 1. Theo tác giả, những lí do nào để chọn thành Đại La làm kinh đô của đất nước? 2. Tác giả đã lập luận bằng cách nào? 3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho em hiểu gì về đức vua Lí Thái Tổ? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. + <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá,	Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất 1. Theo tác giả, những lí do để chọn thành Đại La làm kinh đô của đất nước: - Về vị trí địa lí: ở vào nơi trung tâm trời đất, thế rồng cuộn hổ ngồi, mở ra 4 hướng nam bắc đông tây, có núi có sông đất rộng mà bằng phẳng, cao mà bằng phẳng, tránh được lụt lội, chật chội.. - Vị thế chính trị- văn hoá: là đầu mối giao lưu, chốn hội tụ của 4 phương là mảnh đất hưng thịnh “muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi”. 2. Tác giả đã lập luận bằng cách: - Sử dụng từ “huống gì” nối kết đoạn văn: lôgic và liên mạch. - Sử dụng câu văn biền ngẫu, mỗi câu có hai vế tác động bổ sung cho nhau với NT đối rất chỉnh (đối ý, đối lời, đối thanh, đối nhịp). - Có sự kết hợp hài hoà các yếu tố nghị luận và biểu cảm “Xem khắp...”

chuẩn kiến thức.	<p>- Hình ảnh vừa tả thực vừa bay bổng tạo vẻ đẹp hào hùng cho phong cảnh Đại La.</p> <p>- Lí lẽ đưa ra rất chặt chẽ được dẫn dắt cụ thể linh hoạt. Tất cả nhấn mạnh địa thế tuyệt vời của thành Đại La.</p> <p>3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho thấy đức vua Lí Thái Tổ là một người có tầm nhìn chiến lược, có quyết định sáng suốt biết nhìn xa trông rộng, có ý chí hoài bão lớn lao, có ý thức trách nhiệm với đất nước, dân tộc.</p>
------------------	--

Hoạt động 4: Thông báo về quyết định dời đô

a) Mục đích: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu: Tác giả kết thúc bài chiếu bằng cách nào? Nêu nhận xét của em về cách kết thúc ấy?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. + <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p> <p>TỔNG KẾT + Hãy nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả?</p>	<p>Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất</p> <p>- Kết thúc chuyển từ đơn thoại sang đối thoại thể hiện sự đồng cảm sâu sắc giữa đức vua và bề tôi. => Gv: Đây là cách kết thúc hết sức lạ trong một bài chiếu. Nó không còn là lời mệnh lệnh có tính chất cưỡng chế mà là hỏi ý kiến để đặt ra sự lựa chọn. Như vậy LCU đã vượt lên những ràng buộc, quy định xã hội lúc bấy giờ để thể hiện một tinh thần dân chủ đáng quý. Nó khiến cho bài chiếu không còn là những lí lẽ khô khan mà đầy tâm huyết và dân chủ.</p> <p>1. Nghệ thuật: - Bố cục 3 phần chặt chẽ. - Giọng văn - Lựa chọn ngôn ngữ ...</p> <p>2. Nội dung: - Phản ánh khát vọng...</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: HS làm vào vở bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Sự hấp dẫn của bài “Chiều dơi đô” là ở sự kết hợp giữa lí trí và tình cảm. Hãy làm sáng rõ điều này ?

- *Dự kiến sản phẩm:*

+ Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực.

+ Biểu lộ tình cảm trực tiếp, hỏi ý kiến quần thần...

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá => Giáo viên chốt kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Bài viết của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Từ bài Chiều dơi đô, em trân trọng những phẩm chất nào của Lí Công Uẩn ? Em học được điều gì về ông?

- *Dự kiến sản phẩm:*

+ Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dơi đô về Đại La để mở mang phát triển đất nước.

+ Tâm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước.

+ Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

- *GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.*

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

CÂU TRẦN THUẬT**I. MỤC TIÊU:****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật. Phân biệt câu trần thuật với các kiểu câu khác.

2. Năng lực: HS có kĩ năng dùng câu trần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Năng lực sử dụng câu đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho HS

b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- GV treo bảng phụ ghi đoạn hội thoại của 2 HS.

Trên đường đi học về, An hỏi Quỳnh:

- Bài viết tập làm văn số 5 vừa rồi bạn được mấy điểm ?

- Mình được 9 điểm.

- Ôi, điểm cao thế!

- Điểm của bạn cũng cao mà...

? Dựa vào kiến thức đã được học về kiểu câu chia theo mđ nói, em hãy xác định kiểu câu của 4 câu hội thoại trên? Dựa vào đâu để em xác định câu trên ?

- *Dự kiến sản phẩm:*

+ Bài viết tập làm văn số 5 vừa rồi bạn được mấy điểm ?(câu nghi vấn)

+ Mình được 9 điểm. (câu trần thuật - có thể không xđ được)

+ Ôi, điểm cao thế! (câu cảm thán)

+ Điểm của bạn cũng cao mà...(câu trần thuật - có thể không xđ được)

HS có thể trả lời được câu nghi vấn và cảm thán dựa vào đặc điểm hình thức và chức năng, còn câu trần thuật có thể không...

=> GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đặc điểm hình thức và chức năng

a) Mục đích: Nêu được những hiểu biết của mình về câu trần thuật

b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p><i>Giáo viên</i> nêu yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Dựa vào đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán cho biết những VD trên câu nào có đặc điểm hình thức của câu cảm thán, câu khiến, nghi vấn? Các câu ở VD a, b, c, d có chức năng dùng để làm gì? Qua tìm hiểu VD trên em rút ra nhận xét gì về câu trần thuật? Chức năng chính của câu trần thuật là gì? Trong các kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và 	<p>Đặc điểm hình thức và chức năng</p> <p>1. Cả 3 ví dụ a, b, c, không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu khiến và cảm thán.</p> <p>VD d: C1 là câu cảm thán vì có chứa từ ngữ cảm thán “Ôi!”.</p> <p>C2, 3 mặc dù có dấu chấm than ở cuối câu nhưng không phải là câu cảm thán vì không có chứa những từ ngữ cảm thán.</p> <p>G: Vậy các câu trên gọi là câu trần thuật.</p> <p>2. Các câu ở VD a, b, c, d có chức năng dùng để:</p> <p>- VDa: C1;2 trình bày suy nghĩ của người viết về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc ta.</p> <p>C3: yêu cầu những người đang sống hôm nay phải có trách nhiệm ghi nhớ công lao ấy.</p>

<p>câu trần thuật, kiểu câu nào được dùng nhiều nhất? Vì sao?</p> <p>6. Nhận xét về dấu của các câu trần thuật trên?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Học sinh</i>: làm việc cá nhân.</p> <p>+ <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>VDb: C1: vừa kể và vừa tả.</p> <p>C2: thông báo.</p> <p>VDC: dùng để miêu tả ngoại hình của Cai Tứ.</p> <p>VD d: C2: nêu lên một nhận định, đánh giá.</p> <p>C3: bộc lộ tình cảm, cảm xúc (vốn là chức năng chính của câu cảm thán).</p> <p>3. Câu trần thuật:</p> <p>- Không có đặc điểm hình thức của kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, cảm thán.</p> <p>4. Chức năng chính của câu trần thuật là:</p> <p>- Dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p> <p>5. Câu trần thuật được dùng nhiều nhất, vì nó thoả mãn nhu cầu trao đổi thông tin và tư tưởng tình cảm của con người trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong văn bản.</p> <p>Ngoài chức năng thông tin, thông báo câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc vốn là chức năng của câu cầu khiến, nghi vấn, cảm thán. Nghĩa là gần như tất cả các mục đích giao tiếp khác nhau đều có thể thực hiện bằng câu trần thuật.</p> <p>6. Thường kết thúc bằng dấu chấm nhưng có khi kết thúc bằng dấu chấm than, dấu ba chấm.</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: HS làm vào vở bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện: hoạt động cặp đôi (Bt1,3), nhóm (BT2,4), cá nhân (BT5)

1. Bài tập 1:

Cả 3 câu đều là câu trần thuật.

+ C1: dùng để kể.

+ C2;3: bộc lộ tình cảm, cảm xúc của Dế Mèn đối với cái chết của Dế Choắt.

2. Bài tập 2 :

+ Nguyên tác : câu nghi vấn.

+ Dịch: câu trần thuật.

=> Cả hai câu đều diễn đạt một ý nghĩa, đêm trăng đẹp gây xúc động mãnh liệt cho nhà thơ, khiến nhà thơ muốn làm điều gì đó.

Nhưng câu dịch đã làm mất đi cái xốn xang, bồi rối được thể hiện ở lời tự hỏi “biết làm thế nào?”. Câu thơ dịch “Khó hững hờ” cho thấy nhân vật trữ tình quá bình thản chứ không rung cảm mạnh mẽ như trong người Bác.

3. Bài tập 3 :

- a, Câu cầu khiến.
- b, Câu nghi vấn.
- c, Câu trần thuật.

=> Cả ba câu có chức năng giống nhau dùng để cầu khiến.

- Về ý nghĩa: câu b, c thể hiện ý cầu khiến (đề nghị) nhẹ nhàng, nhã nhặn và lịch sự hơn câu (a).

4. Bài tập 4:

- Tất cả đều là câu trần thuật:
- + Câu a và 2b ý cầu khiến.
- + Câu 1b trần thuật- kể.

5. Bài tập 5 :

- + Viết bài (bảng phụ).
- + Yêu cầu: viết đúng chủ đề.
- + Sử dụng bốn kiểu câu đã học một cách chính xác, hợp lí.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Bài viết của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu bài 6: Viết 1 đoạn đối thoại ngắn (Giữa GV với hs hoặc hs với hs...) có sử dụng cả 4 kiểu câu đã học (chỉ rõ từng kiểu câu)?

VD đoạn văn:

Trên đường đi học về, Lan và An đang nói chuyện bỗng Lan reo to:

- Ôi, hoa súng nở đẹp quá ! (câu cảm thán)
- Hoa ở đâu ? (câu nghi vấn)
- Phía ao bên kia kìa. (câu trần thuật)
- Câu lợi xuống hái đi ! (câu cầu khiến)

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

CÂU PHỦ ĐỊNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định.

2. Năng lực: HS có kĩ năng dùng câu phủ định phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Năng lực dùng câu đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho HS

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv nêu câu hỏi:* GV giao nhiệm vụ đưa tình huống hỏi 2 HS

? Trong giờ sinh hoạt, có một bạn trong lớp nói rằng hôm qua em đi học muộn vì mãi chơi ở quán điện tử nhưng sự thật không phải như vậy. Em sẽ thanh minh (phản bác) lại bạn ntn?

? Câu em vừa trả lời thuộc kiểu câu gì? Kiểu câu đó có đặc điểm hình thức và chức năng có gì khác so với các kiểu câu đã học?

- *Dự kiến sản phẩm:*

+ Không phải thế ! Hôm qua mình không đi chơi điện tử. Xe mình bị hỏng nên không đến đúng giờ.

+ Đâu có ! Mình không đi chơi điện tử. Mình bị ngã xe nên không đến đúng giờ.

+ Câu em vừa trả lời thuộc kiểu câu phủ định. Kiểu câu đó có đặc điểm hình thức có từ phủ định ... và chức năng phủ định, phản bác lại ý kiến ...

=> *GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:* Câu phủ định là gì? Đặc điểm hình thức và chức năng của nó là gì khác so với các kiểu câu đã học chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đặc điểm hình thức và chức năng

a) Mục đích: Nêu được những hiểu biết của mình về câu phủ định

b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu: 1. Các câu (b,c,d) có đặc điểm hình thức gì khác so với câu (a)? 2. Những câu này có gì khác với câu (a) về chức năng? 3. Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định? 4. Mấy ông thầy bói xem voi dùng những	Đặc điểm hình thức và chức năng 1. Các câu (b,c,d) khác với câu (a) ở các từ: không, chưa, chẳng. 2. Câu (a) dùng để khẳng định việc Nam đi Huế là có thể diễn ra. Câu (b,c,d) phủ định việc đó

<p>câu có từ ngữ phủ định để làm gì?</p> <p>5. Vậy câu phủ định là gì? Nó có những chức năng gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: làm việc cá nhân.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p> <p>=> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>sẽ không diễn ra.</p> <p>G: Những câu (b,c,d) chứa từ ngữ phủ định người ta gọi đó là câu phủ định.</p> <p>3. Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định?</p> <p>- Không phải, nó trần trần như cái đòn càn.</p> <p>- Đâu có!</p> <p>4. Để phản bác một ý kiến, một nhận định của người đối thoại.</p> <p>5. HS rút ra từ phần ghi nhớ/ 53.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu thực hiện: hoạt động cặp đôi (Bt2,4), nhóm (BT3,5), cá nhân (BT1).

- HS tiếp nhận, trả lời kiến thức:

1. Bài tập 1:

a) Bằng hành động đó...cho tương lai -> Câu phủ định miêu tả

b) Cụm từ tương...gì đâu! -> Câu phủ định bác bỏ: Ông giáo phản bác lại suy nghĩ của lão Hạc về con chó Vàng.

c) Không, chúng con không đói nữa đâu -> Câu phủ định bác bỏ: cái Tí phản bác lại điều mà mẹ nó đang nghĩ là nó đói.

2. Bài tập 2:

Cả ba câu đều là câu phủ định vì đều có từ ngữ phủ định. Nhưng nó lại kết hợp với:

a. 1 từ phủ định khác: “không phải là không”

b. 1 từ nghi vấn: “ai chẳng”

c. 1 từ phủ định khác và một từ bất định: “không ai không”

-> Khi đó ý của câu phủ định là khẳng định chứ không phải phủ định.

- Những câu không có từ phủ định mà ý tương đương:

a. Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường xong có ý nghĩa (nhất định)

b. Tháng 8, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng ai cũng (mọi người đều) từng ăn trong tết trung thu, ăn...

c. Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai cũng có 1 lần...

3. Bài tập 3:

- Nếu thay thì câu văn này phải viết lại: “Choắt chưa dậy được...”.

ý Nghĩa câu thay đổi

“chưa”: sau đó có thể dậy được.

“không”: không thể dậy được

=> Có thể chết.

=> Câu văn của Tô Hoài thích hợp với mạch của câu chuyện hơn.

4. Bài tập 4:

Các câu đó không phải là câu phủ định (vì không có từ ngữ phủ định) nhưng cũng dùng để biểu thị ý phủ định (phủ định bác bỏ, phản bác ý kiến, nhận định trước đó).

a, Ngôi nhà này không đẹp!

b, Không có chuyện đó!

c, Bài thơ này không hay!

c, Tôi cũng chẳng sợ hơn lão.

5. Bài tập 5:

- Nếu thay như vậy ý nghĩa của câu sẽ thay đổi hẳn.

- “Quên”: không nghĩ tới, không để tâm => không phải từ phủ định

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Yêu cầu hs thực hiện bài 6:* Viết 1 đoạn đối thoại ngắn có sử dụng câu phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ ?

- *Dự kiến sản phẩm:*

VD đoạn văn

An gặp Hải nói to:

- Hôm qua tớ không trông thấy cậu ở trận đấu bóng. Đạo này cậu không còn ham mê bóng đá nữa à?

- Đâu có! Mẹ mình bị ốm nên mình không tham gia được.

- GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

HỊCH TƯỚNG SĨ – Trần Quốc Tuấn

I. MỤC TIÊU:

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- **Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược**

- **Nắm được đặc điểm cơ bản của thể văn hịch và đặc sắc nghệ thuật của văn chính luận Hịch tướng sĩ.**

- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích văn nghị luận. Năng lực cảm thụ TP văn học nghị luận Trung đại.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Liên hệ với tư tưởng yêu nước và độc lập dân tộc ở Bắc Hồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về tác phẩm tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.

- Hợp tác khi làm việc.

b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv nêu câu hỏi:* Em hãy kể tên những danh tướng của nhà Trần? Ai là danh tướng kiệt xuất nhất có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287)?

- *Dự kiến sản phẩm:* Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải...

Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287). Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”.

=>GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287). Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) Mục đích: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Trần Quốc Tuấn và văn bản Hịch tướng sĩ.

b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	Giới thiệu chung

<p>Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Trần Quốc Tuấn? 2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Hịch tướng sĩ” 3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? 4. Văn bản này thuộc kiểu văn bản nào mà em đã học? Vì sao em khẳng định như vậy? <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: làm việc cá nhân, suy nghĩ</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p> <p>=> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>1. Tác giả:</p> <p>- T.Q.Tuấn (1231? – 1300)</p> <p>- Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên 1285 và 1288.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>- HCST: Khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai</p> <p>- Văn bản được viết bằng chữ Hán.</p> <p>- Thể loại: hịch.</p> <p>- Bố cục: 3 phần</p> <p>3. Thể hịch</p> <p>+ Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.</p> <p>+ Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe -> Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đánh thép.</p> <p>4. Kiểu văn bản nghị luận vì nó dùng lập luận để thuyết phục người nghe về vấn đề</p>
--	--

Hoạt động 2: Nêu gương sáng trong sử sách

a) Mục đích:

- Nắm được lòng yêu nước của vị chủ tướng -> khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ.

- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b) Nội dung: Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tác giả biểu dương mấy tấm gương trung thần nghĩa sĩ xả thân vì nước nổi tiếng ở Trung Quốc? 2. Những tấm gương này có điểm chung nào? Tác giả đã lập luận như thế nào? Nêu tác dụng của phép lập 	<p>Nêu gương sáng trong lịch sử</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. 6 tấm gương, họ có điểm chung không sợ hiểm nguy sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng trở thành gương sáng cho mọi người mọi thời đại noi theo? 2. Lập luận: liệt kê gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách Trung Quốc.

<p>luận ấy?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: suy nghĩ trả lời.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p> <p>=>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>Đây là những d/c tiêu biểu toàn diện như một luận cứ</p> <p>-> từ những tấm gương đó kêu gọi tướng sĩ nhà Trần suy nghĩ về nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với chủ tướng, cũng là đối với đất nước => khích lệ lòng trung quân ái quốc, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng, vì nước của các tướng sĩ đời Trần.</p>
--	--

Hoạt động 3: Tình thế đất nước và lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn

a) **Mục đích:** Thấy được tình thế của đất nước và lòng căm thù giặc của tác giả.

b) **Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <p>1. “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời kì lịch sử nào của nước ta?</p> <p>2. Hình ảnh kẻ thù được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng?</p> <p>3. Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua thái độ, hành động ntn? Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã sử dụng NT gì? Tác dụng?</p> <p>4. Đoạn văn này có tác dụng gì trong bài hịch?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: làm việc cá nhân</p> <p>+ Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p>	<p>Tình thế đất nước và lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn</p> <p>1. “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời Trần, quân Mông - Nguyên lấn le xâm lược nước ta.</p> <p>2. Tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù được tác giả lột tả bằng hành động thực tế: đi lại nghênh ngang ngoài đường, bắt nạt tể phụ. Tham lam tàn bạo: đòi ngọc lụa, hạch sách bạc vàng, vét kiệt của kho.</p> <p>- NT: Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm.</p> <p>- NT ẩn dụ. Giọng văn mỉa mai, châm biếm.</p> <p>-> Làm nổi bật sự bạo ngược tham lam của kẻ thù.</p> <p>3. + Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua:</p> <p>- Qua hành động: quên ăn, mất ngủ, đau đớn thất tim thất ruột.</p> <p>- Qua thái độ: uất ức chưa xả thịt lột da....</p> <p>+ Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã:</p>

+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe HS trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	- Sử dụng các động từ mạnh chỉ trạng thái tâm lí và hành động quên ăn, vỗ gối; xả thịt, lột da, nuốt, uống -> Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng. 4. Đoạn văn có tác dụng: - Nêu tấm gương yêu nước bất khuất. - Chính chủ tướng trực tiếp bày tỏ tình cảm có tác dụng động viên to lớn đối với các tướng sĩ.
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** HS vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b) **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** HS làm vào vở bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:**

- Gv: Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua bài hịch?

- Dự kiến sản phẩm:

Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1285, 1287). Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”.

- GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

HỊCH TƯỚNG SĨ – Trần Quốc Tuấn (tiếp)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- **Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược**

- **Nắm được đặc điểm cơ bản của thể văn hịch và đặc sắc nghệ thuật của văn chính luận Hịch tướng sĩ.**

- **Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.**

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích văn nghị luận. Năng lực cảm thụ TP văn học nghị luận Trung đại.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Liên hệ với tư tưởng yêu nước và độc lập dân tộc ở Bác Hồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc hiểu bài

a) **Mục đích:** Hs thấy được cách lập luận của tác giả về mối ân tình chủ tướng, phân tích đúng - sai, phải- trái.

b) **Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <p>1. theo dõi đoạn; “Các người ở... kém gì”. Trong đoạn văn này, các câu văn có cấu tạo đặc biệt ntn? Việc dùng các câu văn này có tác dụng gì trong việc diễn tả mối quan hệ chủ tướng?</p> <p>2. Nhận xét về giọng điệu, lời văn của đoạn văn “Nay các người.... có được không”? TQT đã phê phán những hành động nào của tướng sĩ? Ông đã phê phán những hành động đó như thế nào?</p> <p>3. Theo dõi đoạn : “Nếu có....được không?”, chỉ ra cách lập luận của tác giả? Tác dụng?</p> <p>4. Theo dõi tiếp đoạn: “Nay ta bảo thật ... không”. Nhận xét về giọng điệu, cách lập luận của đoạn văn? Cùng với việc phê phán những thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ, TQT còn chỉ ra điều gì?</p>	<p>Đọc hiểu bài</p> <p>1. Đoạn văn có các câu có hai vế song hành đối xứng gọi là câu văn biền ngẫu.</p> <p>- Sử dụng liệt kê, so sánh</p> <p>-> Mối quan hệ chủ tướng và quan hệ cùng cảnh ngộ.</p> <p>Nói lên mối quan hệ đó, TQT nhằm mục đích:</p> <p>- Quan hệ chủ tướng để khích lệ tinh thần trung quân ái quốc, còn quan hệ cùng cảnh ngộ để khích lệ lòng ân nghĩa thủy chung của những người chung hoàn cảnh.</p> <p>-> Khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi cũng như tình cốt nhục.</p> <p>2.</p> <p>- Phê phán nghiêm khắc, nói thẳng, gần như sỉ mắng.</p> <p>- TQT đã phê phán những hành động:</p> <p>+ Thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước (nhìn thấy chủ...).</p> <p>+ Hưởng lạc: ham thú vui tầm thường, nhỏ nhặt: chơi gà, cờ bạc.</p> <p>- Ông chỉ rõ những việc làm của tướng sĩ tương chừng như nhỏ nhặt: vui chơi gà, cờ bạc, ham thích săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát...</p> <p>3. Đoạn “Nếu có....được không?”:</p> <p>- Sử dụng các kiểu câu: câu ghép (quan hệ điều kiện- kết quả, tăng tiến) câu cảm thán,</p>

<p>5. Việc T.Q.Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm có dụng ý gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: làm việc cá nhân, nhóm</p> <p>+ Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>ngghi vấn.</p> <p>=> Ông chỉ ra các hậu quả nặng nề, khôn lường: thái ấp, bổng lộc không còn, vợ con khốn cùng, tan nát... ô nhục, chủ và tướng, riêng và chung... tất cả đều đau xót biết chừng nào.</p> <p>- Ông còn chỉ rõ thái độ bàng quan không chỉ là tội thờ ơ nông cạn mà còn là vong ơn bội nghĩa trước mối ân tình chủ tướng. Sự ham chơi hưởng lạc đâu chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm đến tâng tận lương tâm khi vận mệnh đất nước đang ngàn cân treo sợi tóc.</p> <p>- Có khi tác giả dùng cách nói thẳng thắn gần như sỉ mắng: “k biết lo”, “k biết thẹn” “k biết tức” “k biết căm”. Có khi tác giả dùng cách nói mĩa mai chế giễu “cựa gà trống... điếc tai”. Điều đơn giản ấy trẻ con cũng biết được vậy mà các tướng lại hình như không biết... làm cho các tướng tức khí, muốn mau chóng chứng minh tài năng, phẩm chất của mình bằng việc làm thực.</p> <p>4.</p> <p>- Giọng văn vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ => Cách nói có khi nghiêm khắc mang tính chất sỉ mắng, răn đe nhưng có khi lại chân thành tình cảm.</p> <p>- Sử dụng câu văn biến ngẫu cân đối, nhịp nhàng.</p> <p>- NT so sánh, điệp ngữ điệp ý tăng tiến, liệt kê.</p> <p>Cùng với việc phê phán những thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ, TQT còn:</p> <p>- Chỉ ra các việc làm đúng :</p> <p>+ Nêu cao tư tưởng cảnh giác</p> <p>+ Tăng cường luyện tập, học tập binh thư yêu nước</p> <p>5. Việc T.Q. Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm có dụng ý:</p> <p>- Vừa nghiêm khắc răn đe để tướng sĩ nhận ra sai lầm, khẳng định lại mình bằng những việc làm thiết thực. Vừa ân cần chỉ bảo (những việc nên làm) => Tất cả đều xuất</p>
--	--

	<p>phát từ mục đích quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.</p> <p>- So sánh 2 viễn cảnh: đầu hàng thì sẽ thất bại, mất tất cả, chiến đấu thắng lợi thì được cả chung và riêng.</p> <p>- Ông sử dụng những từ mang tính chất phủ định” không còn, cũng mất, bị tan”. Còn khi nêu viễn cảnh chiến đấu thắng lợi thì dùng những từ mang tính chất khẳng định “mãi mãi vững bền”, đòi hỏi hưởng thụ, không bị mai một”...</p> <p>=> Nêu bật vấn đề từ nhạt đến đậm, từ nông đến sâu. Cứ từng bước, từng bước chỉ cho người nghe thấy rõ đúng sai, nhận ra phải trái.</p>
--	---

Hoạt động 2: Tổng kết

a) Mục đích: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.

b) Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV yêu cầu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: làm việc cá nhân, nhóm</p> <p>+ Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>+ Nghệ thuật:</p> <p>- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén. Luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác.</p> <p>- Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ...) chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức; tập trung vào một hướng từ nhiều phương diện).</p> <p>- Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành, gây xúc động người đọc</p> <p>+ Nội dung: HTS nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân rồi làm vào vở bài tập.

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

1. Bài tập 1(sgk t61) ? CM: bài hịch vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén, giàu hình ảnh, cảm xúc?
2. Bài tập 2? So sánh điểm giống và khác nhau giữa thể chiếu và hịch ?
- Hs tiếp nhận , trả lời:

Từ nd sâu sắc của bài Hịch, chúng ta cảm nhận được truyền thống quý báu của dt ta. Chính nhờ lòng yêu nước... mà dt VN nhỏ bé đã chiến thắng biết bao kẻ thù xl dù chúng có vũ khí...Bác Hồ đã từng viết: “ Dân tộc ta có một lòng nồng nàn...Mỗi khi Tổ Quốc bị xâm lăng...cướp nước”. Khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm thì “ Giặc đến nhà... đánh”...Một nhà thơ đã từng ca ngợi “ Ôi Việt Nam xứ sở lạ lùng...anh hùng”. Chúng ta cần trân trọng, giữ gìn và phát huy...bằng những việc làm cụ thể thiết thực. . Ngày hôm qua , huyện Kim Bảng t/c tiễn đưa tân binh... Dù chúng ta mong muốn sống trong HB nhưng... chúng ta phải luôn nhớ lời khuyên dạy của TQT- Đề cao tinh thần cảnh giác, tăng cường luyện tập võ nghệ, sẵn sàng lên đường chiến đấu khi TQ cần

- Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực.
- Biểu lộ tình cảm trực tiếp, hỏi ý kiến quần thần...

=> Giáo viên chốt kiến thức

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục đích:** HS mở rộng vốn kiến thức đã học để áp dụng vào kiến thức.
- b) **Nội dung:** Về nhà hoạt động cá nhân và thực hiện.
- c) **Sản phẩm:** Bài sưu tầm của học sinh.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
 - Gv sưu tầm tư liệu về Trần Quốc Tuấn
 - Dự kiến sản phẩm: bài sưu tầm của Hs
 - GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

*Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

HÀNH ĐỘNG NÓI

1. **Kiến thức:** Giúp HS hiểu nói cũng là một hành động. Số lượng hành động nói khá lớn nhưng chỉ qui lại một số kiểu khái quát nhất định. Có thể dùng nhiều kiểu câu đã học để thực hiện một hành động nói.
2. **Năng lực:** HS có kĩ năng dùng kiểu câu phù hợp để giao tiếp đạt hiệu quả.Năng lực thực hiện hành động nói.
- 3.**Phẩm chất:** HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết, giúp học sinh nhận ra
- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về tác phẩm tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.
- Hợp tác khi làm việc.

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân, vận dụng kiến thức để áp dụng.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- GV ra tình huống thực tế:
+ Bạn Lan cho cô mượn quyển sách?
+ Bạn Lan đứng dậy
? Cô dùng cách nói để y/c bạn đứng lên, ngồi xuống, mượn sách hay dùng h/đ bằng tay để cầu khiến bạn?

=> Cô dùng cách nói → Vậy đó chính là cô đã thực hiện một hành động nói.

- HS trả lời câu hỏi, GV nhận xét, đánh giá.

- GV: Giao tiếp là hoạt động quan trọng của con người. Thực hiện được mục đích giao tiếp là chúng ta đã thực hiện được hành động nói. Vậy hành động nói là gì? Chúng ta thường sử dụng những kiểu hành động nói nào? Ta cùng vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hành động nói là gì

a) Mục đích: Giúp HS nắm được thế nào là hành động nói

b) Nội dung: Hoạt động nhóm, tìm hiểu sgk và vận dụng kiến thức.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <i>GV giao nhiệm vụ:</i> 1. Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm mục đích chính là gì? Câu nào thể hiện rõ nhất mục đích ấy? 2. Lí Thông có đạt được mục đích của mình không? Chi tiết nào nói lên điều đó? 3. Lí Thông đã thực hiện mục đích của mình bằng phương tiện gì?	1. - Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm mục đích chính là để Thạch Sanh sợ hãi phải đi trốn để mình cướp công, hưởng lợi. - Câu thể hiện mục đích ấy là: Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì anh ở nhà lo liệu. 2. - Lí Thông đã đạt được mục đích của

<p>4. Nếu hiểu hành động là “việc làm cụ thể của con người nhằm mục đích nhất định” thì việc làm của Lí Thông có phải là một hành động không? Vì sao?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS: hoạt động cặp đôi</p> <p>+ Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>mình.</p> <p>- Câu thể hiện điều này là: Chàng vội vã từ giã mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc đa, kiên củi nuôi thân.</p> <p>3. Lí Thông đã thực hiện mục đích của mình bằng phương tiện lời nói.</p> <p>4. Việc làm của Lí Thông là một hành động (hành động nói) vì đó là một việc làm có mục đích.</p>
--	---

Hoạt động 2: Một số kiểu hành động nói thường gặp

a) Mục đích: Giúp HS nắm các kiểu hành động nói thường gặp.

b) Nội dung: Hoạt động nhóm, tìm hiểu sgk và vận dụng kiến thức.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Gv yêu cầu HS thực hiện:</p> <p>1. Trong đoạn trích ở mục “Hành động nói là gì?”, ngoài câu đã phân tích, mỗi câu còn lại trong lời nói của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định. Những mục đích ấy là gì?</p> <p>2. Chỉ ra các hành động nói trong đoạn trích và cho biết mục đích của mỗi hành động. (SGK, t.2, tr. 63)</p> <p>3. Liệt kê các kiểu hành động nói mà em đã biết qua phân tích hai đoạn trích ở mục “Hành động nói là gì?” và mục “Một số kiểu hành động nói thường gặp”.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS: hoạt động cặp đôi</p> <p>+ Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến</p>	<p>1. Các câu còn lại trong lời nói của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định :</p> <p>- "Con chần tinh ấy là của vua nuôi đã lâu" dùng để trình bày.</p> <p>- "Nay em giết nó, tất không khỏi bị hỏi tội chết" dùng để đe dọa.</p> <p>- "Có chuyện gì anh ở nhà lo liệu" dùng để hứa hẹn.</p> <p>2. - Trong lời cái Tí, các câu: "VẬY thì bữa sau con ăn ở đâu?", "U nhất định bán con đấy ư?", "U không cho con ở nhà nữa ư?" là những câu dùng để hỏi các câu: "Khốn nạn thân con thế này!", "Trời ơi !...." dùng để bộc lộ cảm xúc.</p> <p>- Câu nói của chị Dậu : "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài." dùng để báo tin.</p> <p>3. Các kiểu hành động nói :</p>

thức.	trình bày, đe dọa, hứa hẹn, hỏi, bộc lộ cảm xúc.
-------	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập.

b) Nội dung: HS chia nhóm thực hiện, HĐ cá nhân (bài 2), HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài 3).

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên:* quan sát, hướng dẫn hs

- *HS trình bày sản phẩm:*

1. Bài tập 1:

- Trần Quốc Tuấn viết bài “Hịch tướng sĩ” nhằm mục đích khích lệ tướng sĩ học tập “Bình thư yếu lược” do ông biên soạn, đồng thời khích lệ lòng tự tôn dân tộc.

- Các câu văn thể hiện rõ mục đích: “Nếu các người biết chuyên... tức là kẻ nghịch thù”.

2. Bài tập 2:

N1: a, Bác trai đã khá...? (hỏi).

- Cảm ơn cụ nhà cháu.... (cảm ơn).

- Nhưng xem ý hãy còn.... (trình bày).

- Này, bảo bác ấy... (cầu khiến).

- Chứ cứ nằm đấy...(cảm thán, bộc lộ cảm xúc).

- Vâng, cháu cũng...(tiếp nhận).

- Những để cháo nguội... (trình bày).

- Nhịn sưng từ sáng (cảm thán, bltcx).

- Thế thì giục anh ấy.... (cầu khiến).

N2: b, - Đây là Trời có ý ... (nhận định).

- Chúng tôi nguyện.... (hứa hẹn, thề).

N3: c, - Cậu Vàng đi đời, rồi.... (báo tin).

- Cụ bán rồi ? (hỏi).

- Bán rồi ! (xác nhận).

- Họ vừa bắt xong. (báo tin).

- Thế nó cho bắt à ? (hỏi).

- Khôn nạn !....Ông giáo ơi! (cảm thán).

- Nó có biết gì đâu ! (cảm thán)

- Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. (kể, tả)

- Tôi cho nó ăn cơm. (kể).

- Nó đang ăn thì....(kể).

3. Bài tập 3:

- Anh phải hứa với em.... (ra lệnh).

- Anh hứa đi... (ra lệnh).

- Anh xin hứa. (hứa).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: HĐ cá nhân, vận dụng kiến thức để thực hiện.

c) Sản phẩm: Bài viết của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv hs viết đv(3-5câu) đối thoại, xác định kiểu h/đ nói được thực hiện trong mỗi câu.

- HS tiếp nhận, trình bày kết quả => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

NƯỚC ĐẠI VIỆT TA – Nguyễn Trãi

1. Mục tiêu:

- Thấy được đoạn văn có ý nghĩa như lời tuyên ngôn của dân tộc ta ở thế kỉ XV;

- Thấy được phần nào sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận Nguyễn Trãi

- Lập luận chặt chẽ kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn.

2. Năng lực : Rèn cho HS có năng đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận chính trị.Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất:

- HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, chân dung Nguyễn Trãi.

- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài.

b) Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv nêu câu hỏi:* Trong chương trình văn học lớp 7, em đã được học các tác phẩm nào của Nguyễn Trãi?

- *HS nhận xét, bổ sung đánh giá, GV nhận xét đánh giá*

=> GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Trong chương trình ngữ văn 7, các em đã được làm quen với tác giả Nguyễn Trãi qua văn bản “Bài ca Côn Sơn”- được ông sáng tác trong thời gian ông lui về Côn Sơn ở ẩn.

Hôm nay, chúng ta sẽ lại 1 lần nữa được gặp lại ông trong 1 cương vị, một

sứ mạng lịch sử vô cùng quan trọng và mới mẻ qua việc tìm hiểu VB: “Nước Đại Việt ta”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) **Mục đích:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Trãi và văn bản Nước Đại Việt ta.

b) **Nội dung:** HĐ giao dự án, cả lớp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập của học sinh.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên: nêu yêu cầu</p> <p>1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Trãi?</p> <p>2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Nước Đại Việt ta”</p> <p>3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? So sánh với các thể loại trước.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS: hoạt động cặp đôi</p> <p>+ Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở</p> <p>Hs Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>+ Nguyễn Trãi (1380-1442)</p> <p>+ Quê: Chí Linh, Hải Dương.</p> <p>+ Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>- Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại : Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi.</p> <p>- Thể loại: Cáo</p> <p>- Bố cục: 3 phần</p> <p>+ P1: Hai câu đầu - Nêu nguyên lí nhân nghĩa.</p> <p>+ P2: 8 câu tiếp - chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc.</p> <p>+ P3: còn lại - sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc.</p>

Hoạt động 2: Đọc hiểu - Nguyên lí nhân nghĩa

a) **Mục đích:**

+ Thấy được ý nghĩa tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta ở thế kỷ XV và bước đầu hiểu được một vài nét đặc sắc nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo qua đoạn trích đầu tiên sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của Nguyễn Trãi; lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữ lí lẽ và thực tiễn.

+ Nhận ra và hiểu được sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của tác giả.

+ Lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn.

b) **Nội dung:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi, hoạt động nhóm thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập của nhóm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
-----------------------	------------------

<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu: 1. Em hiểu nhân nghĩa ở đây ntn? Cốt lõi tư tưởng ấy trong bài cáo là gì ? 2. Em hiểu thế nào “yên dân”, “trừ bạo”? Dân ở đây là ai? Kẻ bạo ngược là ai ? Qua đó cho ta hiểu tư tưởng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi muốn nói ở đây là gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS: hoạt động cặp đôi + Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>1. - Nhân nghĩa: tình thương giữa con người với con người, lòng nhân ái. - Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân, trừ bạo”.</p> <p>2. - Yên dân: giữ yên cuộc sống cho dân, làm cho nhân dân được hưởng thái bình, hạnh phúc. - Trừ bạo: diệt trừ kẻ thù độc ác, tàn bạo - Dân: là người dân nước Đại Việt. - Kẻ bạo ngược: chính là giặc Minh cướp nước. => Trừ giặc Minh bạo ngược để làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, thái bình.</p>
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu: a. Những câu bạn vừa đọc khẳng định điều gì? b. Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta? Em có nhận xét gì về những yếu tố được đưa ra? c. Những chứng cứ này đã tạo nên điều gì? Những chứng cứ đó có sức thuyết phục không? d. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì đặc sắc? Tác dụng của nó?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS: hoạt động cặp đôi + Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức => Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc a . Quyền độc lập: b. + Quốc hiệu + Nền văn hiến lâu đời. + Lãnh thổ riêng + Phong tục riêng + Lịch sử riêng + Chế độ, chủ quyền riêng + Nhân tài c. Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa. d. Liệt kê, so sánh đối lập => Rất cơ bản và chủ đạo để khẳng định 1 quốc gia độc lập. => Có. Vì dựa vào lịch sử có sẵn, không hề mang tính hão huyền.</p>

Hoạt động 2: Đọc hiểu – Những chứng cứ lịch sử

a) Mục đích: HS nắm được sức mạnh của những chứng cứ lịch sử khẳng định sự thất bại của kẻ thù.

b) Nội dung: Hoạt động chung, cặp đôi thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Vở ghi HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối:</p> <p>? Nguyễn Trãi đã dẫn ra những sự kiện và chứng cứ lịch sử nào?</p> <p>? Kết quả của các sự kiện đó?</p> <p>nhục nhã.</p> <p>? Việc dẫn ra một loạt các chứng cứ như trên nhằm mục đích gì?</p> <p>? Sức mạnh ấy, lòng tự hào ấy đã được thể hiện qua biện pháp nghệ thuật nào?</p> <p>? Hai câu cuối của trích đoạn này tiếp tục khẳng định với chúng ta điều gì?</p> <p>? Từ nội dung VB “Nước Đại Việt ta”, em hiểu được điều gì về tác giả Nguyễn Trãi?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS: hoạt động cặp đôi</p> <p>+ Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở</p> <p>Hs Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Những chứng cứ lịch sử</p> <p>- Lưu Cung -> thất bại</p> <p>- Triệu Tiết -> tiêu vong</p> <p>- Toa Đô -> bắt sống</p> <p>- Ô Mã -> giết tươi</p> <p>=> Quân ta đều đại thắng. Bọn giặc đều thất bại.</p> <p>* Ở đây có 2 câu văn biền ngẫu, mỗi câu có 2 vế sóng đôi rất tương xứng. Các câu văn biền ngẫu này đã làm nổi bật các chiến công của ta và thất bại của địch; tạo sự cân đối nhịp nhàng cho câu văn.</p> <p>=> Tiếp tục khẳng định độc lập của nước ta và tự hào về truyền thống đấu tranh vẻ vang được ghi lại đầy đủ trong sử sách nước ta.</p> <p>=> Một DT có quốc hiệu, có nền văn hiến, lãnh thổ, phong tục, lịch sử...đều riêng biệt, tồn tại ngang hàng với các quốc gia, lãnh thổ khác. Điều hiển nhiên đó đã được tuyên bố 1 cách đầy tự hào. Vì vậy VB như 1 bản TNDL</p> <p>=> Yêu nước</p> <p>Có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ</p> <p>Giàu tình cảm và lòng tự hào DT....</p>

Hoạt động 2: Tổng kết

a) Mục đích: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân, thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối:</p> <p>- Nêu được những đặc sắc trong cách</p>	<p>Tổng kết</p> <p>- Nghệ thuật: Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ</p>

kết thúc vấn đề của tác giả. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS: hoạt động cá nhân + Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở HS - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe HS trình bày. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	thể, giàu chứng cứ lịch sử, cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang. - Nội dung: Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày l.sử đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dựng trên cơ sở nhân nghĩa vì dân.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân, thực hiện hoạt động

c) Sản phẩm: HS làm bài vào vở

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Hãy so sánh hai văn bản « Sông núi nước Nam » LTK và « Nước Đại Việt ta » NT ?

- Dự kiến sản phẩm:....

So sánh	Sông núi nước Nam	Nước Đại Việt ta
Nước có chủ quyền	Vua Nam ở	Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ.
Sức mạnh của nhân nghĩa	Bị đánh toi bời	Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong.
Quan điểm tiến bộ		Nhân nghĩa cốt ở yên dân Làm nên đất nước là hào kiệt đời nào cũng có.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân, thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài viết của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: “Nước Đại Việt ta” đã cho em cảm nhận gì?

- Dự kiến sản phẩm, trả lời:

+ Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dõng dạc về Đại La để mở mang phát triển đất nước.

- + Tâm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước.
- + Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.
- GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

HÀNH ĐỘNG NÓI (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Giúp HS hiểu nói cũng là một hành động. Số lượng hành động nói khá lớn nhưng chỉ quy lại một số kiểu khái quát nhất định. Có thể dùng nhiều kiểu câu đã học để thực hiện một hành động nói.
- 2. Năng lực:** HS có kỹ năng dùng kiểu câu phù hợp để giao tiếp đạt hiệu quả. Năng lực thực hiện hành động nói.
- 3. Phẩm chất:** HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Sách giáo khoa, sách giáo viên, chân dung Nguyễn Trãi.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: HS hiểu mỗi hành động nói đều hướng đến một mục đích nhất định.

- + Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- + Kích thích HS tìm hiểu

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân, HĐ cả lớp, hs phân công thực hiện.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv nêu câu hỏi:* Chỉ ra sự khác nhau về hành động nói giữa hai câu:
 a, Em hãy học bài đi!
 b, Em đang học bài à?

- *GV nhận xét đánh giá:*

=> Mỗi hành động nói đều hướng đến một mục đích nhất định. Vậy để thực hiện hành động nói ntn cho có hiệu quả, phù hợp với nội dung giao tiếp chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Các thực hiện hành động nói

a) Mục đích:

- Giúp HS nắm được: Mỗi kiểu câu thực hiện một hành động nói, cách thực hiện một hành động nói.

b) Nội dung: Hoạt động nhóm, vận dụng kiến thức thực hiện.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS		SẢN PHẨM DỰ KIẾN					
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu: 1. Đánh số thứ tự trước mỗi câu trần thuật trong đoạn trích sau đây. Xác định mục đích nói của những câu ấy bằng cách đánh dấu (+) vào ô thích hợp và đánh dấu (-) vào ô không thích hợp theo bảng tổng hợp kết quả bên dưới. 2. Dựa theo cách tổng hợp kết quả ở bài tập trên, hãy lập bảng trình bày quan hệ giữa kiểu câu nghi vấn, câu khiến, cảm thán, trần thuật với những kiểu hành động nói mà em đã biết. Cho ví dụ minh họa. 3. Rút ra kết luận có mấy kiểu hành động nói thường gặp?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS: hoạt động nhóm + Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>		* Cách thực hiện hành động nói					
		Câu	1	2	3	4	5
		Mục đích					
		Hỏi					
		Trình bày	+	+	+		
		Điều khiển				-	-
		Hứa hẹn					
		Bộc lộ cảm xúc					
<div>Mục đích</div> <div>Kiểu câu</div>	Hỏi	Trình bày (báo tin, kể, tả...)	Điều khiển (câu khiến, đe dọa...)	Hứa hẹn	Bộc lộ tình cảm cảm xúc		
	Nghi vấn	Cách dùng trực tiếp		Cách dùng gián tiếp		Cách dùng gián tiếp	

	- Bạn có mệt không?		- Em có nghén đi không thì bảo?		- Sao bình mình lại đẹp thế nhỉ?
Cầu khiến			Cách dùng trực tiếp - Bạn đừng ham chơi nữa !		
Cảm thán					Cách dùng trực tiếp - Chao ôi, bông hoa này đẹp biết bao!
Trần thuật		Cách dùng trực tiếp - Tôi có một đứa em gái học lớp năm.		Cách dùng gián tiếp - Minh hứa sẽ không đánh cậu nữa.	Cách dùng gián tiếp - Tôi rất ân hận về việc làm của mình.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của hành động nói để làm bài tập.

b) Nội dung: HĐ cá nhân (bài 2, 4). HĐ cặp đôi (bài 1,3), HĐ nhóm (bài 5), thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Bài tập 1,2,3,4,5

- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

a. Từ xưa các bậc trung thân... đòi nào không có? (Khẳng định).

b. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi... có được không? (Hành động phủ định).

c. Lúc bấy giờ, được không? (Hành động khẳng định).

d. Vì sao vậy? (hỏi gây sự chú ý).

e. Nếu vậy, rồi đây,.....trời đất nữa? (Hành động phủ định.)

=> Câu a tạo tâm thế cho các tướng sĩ.

Câu b, c, d thuyết phục, động viên, khích lệ tướng sĩ.

Câu e: khẳng định chỉ có một con đường là chiến đấu đến cùng bảo vệ đất nước.

2. Bài tập 2:

a, Tất cả các câu trần thuật đều thực hiện hành động cầu khiến, kêu gọi.

b, Điều mong muốn.... cách mạng thế giới.

=> Dùng câu trần thuật để kêu gọi như vậy làm cho quần chúng thấy gần gũi với lãnh tụ và thấy nhiệm vụ mà lãnh tụ giao cho chính là nguyện vọng của mình.

3. Bài tập 3:

Dế Choắt: - Song anh cho phép....

- Anh đã nghĩ thương em như thế này.....

Dế Mèn: Được, chú mình cứ nói.....

- Thôi, im cái điệu hát dầm sùi sụt ấy đi.

Nhận xét:

- Dế Choắt yếu đuối nên cầu khiến nhã nhặn, mềm mỏng, khiêm tốn.

- Dế Mèn ỉ thế là kẻ mạnh nên giọng điệu ra lệnh ngạo mạn, hách dịch.

4. Bài tập 4:

- Có thể dùng cả năm cách

- Cách (b) và (e) nhã nhặn, lịch sự hơn.

5. Bài tập 5:

- Hành động (a) hơi kém lịch sự.

- Hành động (b) dí dỏm, hài hước.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân, thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: chuyển giao nhiệm vụ

- Hành động trình bày, bộc lộ cảm xúc gồm những hành động cụ thể nào?
- Hành động giao kết, tuyên bố gồm những hành động cụ thể nào?
- So sánh giữa hành động điều khiển và hành động tuyên bố.
- Hs: tiếp nhận, trình bày, GV đánh giá, nhận xét =>GV chốt kiến thức

***Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

ÔN TẬP VỀ LẬP LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Khái niệm luận điểm.
- Quan hệ giữa luận điểm với vấn đề nghị luận, quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- HS hiểu luận điểm, cách lập luận, bố cục...), luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận.
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu

b) Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp, hs thực hiện.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Dựa vào kiến thức về văn nghị luận đã học ở lớp 7, hãy xác định câu văn luận điểm trong đoạn văn sau:

“Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào về những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung.....Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, võ các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.

(Hồ Chí Minh - “Tinh thần yêu nước của nhân dân

ta)

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

Ở lớp 7 chúng ta đã được tìm hiểu về văn nghị luận (Luận điểm, cách lập luận, bố cục...), vậy luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận, mối quan hệ giữa luận điểm và vấn đề nghị luận, mối quan hệ giữa các luận điểm với nhau như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Khái niệm luận điểm

a) Mục đích: Giúp HS nắm được luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương cơ bản mà người viết nêu ra trg bài văn nghị luận.

b) Nội dung: Hoạt động nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xác định những luận điểm trong bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”? Một bạn cho rằng bài “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn gồm có hai luận điểm. <p>- LD1: Lí do cần phải dời đô.</p> <p>- LD2: Lí do có thể coi thành Đại La là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.</p> <p>? Xác định luận điểm như vậy có đúng không? Vì sao?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS: hoạt động nhóm</p> <p>+ Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Khái niệm luận điểm</p> <p>1.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dân ta có một lòng yêu nước nồng nàn (luận điểm cơ sở, luận điểm xuất phát). Những biểu hiện lòng yêu nước của nhân dân ta trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Những biểu hiện cụ thể trong lĩnh vực chiến đấu, sản xuất, học tập...trong hiện tại. Nhiệm vụ của Đảng là làm cho tinh thần yêu nước của nhân dân được phát huy mạnh mẽ trong công việc kháng chiến (luận điểm chính dùng để kết luận => Là cái đích hướng tới của văn bản). <p>2. Các luận điểm trong bài “Chiếu dời đô”:</p> <ul style="list-style-type: none"> Lđ1: Nêu sử sách làm tiền đề: Các triều đại trước đây đã từng nhiều lần dời đô và đạt được kết quả tốt đẹp.(luận điểm cơ sở, xuất phát) Lđ2: Soi sáng tiền đề vào thực tế: Hai triều đại Đinh, Lê không chịu dời đô nên triều đại ngắn ngủi, muôn vật không được thích nghi. Lđ3: Khẳng định : thành Đại La là nơi tốt nhất để chọn làm kinh đô - nhà vua sẽ rời đô đến đó.(luận điểm chính – kết luận).

Hoạt động 2:

a) Mục đích: Giúp HS nắm được, mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận.

b) Nội dung: Hoạt động nhóm, hs thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu</p> <p>1. Vấn đề được đặt ra trong bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là gì? Nếu trong bài văn HCM chỉ nêu ra luận điểm “Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn”, có thể làm sáng tỏ được vấn đề không?</p> <p>2. Quan sát hệ thống luận điểm “Chiếu dời đô”. Nếu Lí Công Uẩn chỉ đưa ra luận điểm “Các triều đại trước đây đã nhiều lần thay đổi kinh đô” thì mục đích của nhà vua khi ban chiếu có đạt được không? Tại sao?</p> <p>3. Qua việc tìm hiểu em rút ra kết luận gì về mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS: hoạt động nhóm + Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>1. Vấn đề được đặt ra trong bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là :</p> <p>- Vấn đề đặt ra là: tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam. G cho h/s quan sát lại hệ thống luận điểm của bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”. Nếu trong bài văn HCM chỉ nêu ra luận điểm “Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn”, thì luận điểm đó không đủ để là rõ vấn đề một cách toàn diện tinh thần yêu nước của đồng bào ta. (Tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày xưa như thế nào ?)</p> <p>2. Luận điểm trên cũng không đủ làm sáng tỏ vấn đề cần phải dời đô đến Đại La. Bởi vì người nghe chưa hiểu tại sao phải dời đô một cách cụ thể và thuyết phục.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về Luận điểm, các mối quan hệ của luận điểm trong bài văn nghị luận giải quyết các bài tập.

b) Nội dung: HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài 2), HS tiến hành thực hiện.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV bài tập 1, 2 và yêu cầu HS thực hiện:

- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

- Không phải là luận điểm. Nguyễn Trãi là người anh hùng dân tộc, vì đoạn văn không giải thích, chứng minh và làm rõ ý đó.

- Không phải luận điểm “Nguyễn Trãi như một ông tiên....” vì tác giả đã đưa ra lời bác bỏ.

=> Luận điểm: “ Nguyễn Trãi là tinh hoa của dân tộc và thời đại lúc bấy giờ”.

2. Bài tập 2:

a, Nếu phải viết bài tập làm văn giải thích vì sao có thể nói “Giáo dục là chìa khoá của tương lai” :

- Chọn luận điểm 1,2,3,4,6,7

- Bỏ luận điểm 5: “Nước ta là một nước văn hiến có truyền thống giáo dục lâu đời” vì vấn đề nghị luận (luận điểm trung tâm) của bài văn là : Giáo dục mở ra tương lai của loài người trên Trái Đất mà luận điểm này không có mối quan hệ chặt chẽ với vấn đề trên.

b, Điều chỉnh và sắp xếp:

- Giáo dục trang bị kiến thức và nhân cách, trí tuệ và tâm hồn cho trẻ em hôm nay, những người sẽ làm nên thế giới ngày mai.

- Giáo dục là yếu tố quyết định đến việc điều chỉnh chế độ gia tăng dân số ; thông qua đó quyết định môi trường sống, mức sống ... trong tương lai.

- Do đó, giáo dục là chìa khoá cho sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai.

- Bởi vậy giáo dục là chìa khoá cho sự phát triển chính trị và cho tiến bộ xã hội sau này.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) **Nội dung:** Hđ cá nhân, HS cùng thực hiện.

c) **Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

d) **Tổ chức thực hiện:**

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

VIẾT ĐOẠN VĂN TRÍNH BÀY LUẬN ĐIỂM

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:Nhận thức được tầm quan trọng của việc trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận. Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo các cách diễn dịch, qui nạp.

2.Năng lực:Rèn kĩ năng phân tích đoạn văn nghị luận, xây dựng luận điểm, luận cứ, lập luận, viết hai đoạn văn nghị luận: Diễn dịch, qui nạp.Năng lực viết đoạn văn trình bày luận điểm.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức, kĩ năng làm bài TLV.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- HS hiểu luận điểm, cách lập luận, bố cục..., luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận.
- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu.

b) Nội dung:

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Luận điểm là gì? có mấy cách trình bày đoạn văn thường gặp?

Câu 2: Trong “ Nước Đại Việt ta”, Nguyễn Trãi đã đưa ra quan điểm xác định chủ quyền của một quốc gia, một dân tộc như thế nào? Hãy phân tích làm rõ điều đó.

- Xác định độc lập, chủ quyền:

+ Văn hiến: lâu dài

+ Cương vực lãnh thổ: Núi sông, bờ cõi ..

+ Phong tục tập quán: Phong tục Bắc - Nam ...

+ Lịch sử, chế độ: Triệu, Đinh, Lý, Trần – Hán, Đường, Tống, Nguyên – phép đối xứng.

- Lập luận:

+ Từ ngữ: Từng nghe, như, vốn, đã lâu, từ, cùng, tuy, song;

+ Dùng biện pháp so sánh đối chiếu tương ứng.

=> Bằng lập luận, phép đối chiếu tác giả vạch rõ thế nào là đất nước độc lập có chủ quyền.

- GV nhận xét đánh giá

Luận điểm có thể nằm ở đầu hoặc ở những vị trí khác trong đoạn văn. Khi viết câu văn mang luận điểm ta thường sử dụng những cách nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trình bày luận điểm thành một đoạn văn – Ví dụ

a) Mục đích:

- Giúp HS nắm được
- + Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn nghị luận.
- + Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo hai phương pháp diễn dịch và quy nạp.

b) Nội dung:

c) Sản phẩm:

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	Ví dụ 1. Câu chủ đề (câu nêu luận điểm) trong

<p>- Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <p>1. Xác định câu chủ đề (câu nêu lđ) trong mỗi đoạn văn?</p> <p>2. Nhận xét vị trí các câu chủ đề trong mỗi đoạn văn (đầu đoạn hay cuối đoạn)?</p> <p>3. Trong hai đoạn văn trên, đoạn nào được viết theo cách diễn dịch, đoạn nào được viết theo cách quy nạp? Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn?</p> <p>4. Từ hai VD trên, em hãy nhận xét có mấy cách trình bày đoạn văn ? Đó là những cách nào?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS: hoạt động nhóm</p> <p>+ Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>mỗi đoạn văn:</p> <p>a, Thật là chốn hội tụmuôn đời.</p> <p>b, Đồng bào ta ngày nayngày trước.</p> <p>2. Vị trí các câu chủ đề trong mỗi đoạn văn :</p> <p>- Đ1: Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn văn.</p> <p>- Đ2: Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn.</p> <p>3. * - Đ1: được viết theo cách quy nạp.</p> <p>- Đ2: được viết theo cách diễn dịch.</p> <p>* Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn:</p> <p>+ Để làm sáng tỏ luận điểm “Thành Đại La thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của các đế vương muôn đời”, tác giả đưa ra những luận cứ :</p> <p>- Thành Đại La vốn là kinh đô cũ của Cao Vương.</p> <p>- Vị trí: trung tâm trời đất.</p> <p>- Thế đất quý hiếm: rồng cuộn, hổ ngồi.</p> <p>- Dân cư: đông đúc, muôn vật phong phú tốt tươi.</p> <p>- Nơi thắng địa (Chỗ đất có phong cảnh và địa thế đẹp).</p> <p>+ Ở đoạn văn (b) để làm sáng tỏ cho luận điểm “Đồng bào ...ngày trước” tác giả đưa ra những luận cứ :</p> <p>- Theo lứa tuổi: cụ già, nhi đồng trẻ thơ.</p> <p>- Theo không gian, vùng miền: kiều bào ở nước ngoài – vùng bị tạm chiếm trong nước; miền xuôi – miền ngược.</p> <p>- Theo vị trí công tác, ngành nghề: chiến sĩ ngoài mặt trận – công chức ở hậu phương – công nhân – nông dân - điều chủ.</p>
--	---

Hoạt động 2: Trình bày luận điểm thành một đoạn văn – Nhận xét

a) Mục đích: Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo hai phương pháp diễn dịch và quy nạp.

b) Nội dung: Hoạt động nhóm, HS tiến hành thực hiện.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao	Nhận xét:

<p>nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Xác định câu chủ đề (câu nêu lý) trong mỗi đoạn văn? 2. Nhận xét vị trí các câu chủ đề trong mỗi đoạn văn (đầu đoạn hay cuối đoạn)? 3. Trong hai đoạn văn trên, đoạn nào được viết theo cách diễn dịch, đoạn nào được viết theo cách quy nạp? Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn? 4. Từ hai VD trên, em hãy nhận xét có mấy cách trình bày đoạn văn? Đó là những cách nào? <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS: hoạt động nhóm + Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở HS <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe HS trình bày. <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. 	<p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>1. Câu chủ đề (câu nêu luận điểm) trong mỗi đoạn văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> a, Thật là chốn hội tụmuôn đời. b, Đồng bào ta ngày nayngày trước. <p>2. Vị trí các câu chủ đề trong mỗi đoạn văn :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đ1: Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn văn. - Đ2: Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn. <p>3. *</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đ1: được viết theo cách quy nạp. - Đ2: được viết theo cách diễn dịch. <p>* Phân tích cách diễn dịch và quy nạp trong mỗi đoạn văn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Để làm sáng tỏ luận điểm “Thành Đại La thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của các đế vương muôn đời”, tác giả đưa ra những luận cứ : - Thành Đại La vốn là kinh đô cũ của Cao Vương. - Vị trí: trung tâm trời đất. - Thế đất quý hiếm: rồng cuộn, hổ ngồi. - Dân cư: đông đúc, muôn vật phong phú tốt tươi. - Nơi thắng địa (Chỗ đất có phong cảnh và địa thế đẹp). + Ở đoạn văn (b) để làm sáng tỏ cho luận điểm “Đồng bào ...ngày trước” tác giả đưa ra những luận cứ : - Theo lứa tuổi: cụ già, nhi đồng trẻ thơ. - Theo không gian, vùng miền: kiều bào ở nước ngoài – vùng bị tạm chiếm trong nước; miền xuôi – miền ngược. - Theo vị trí công tác, ngành nghề: chiến sĩ ngoài mặt trận – công chức ở hậu phương – công nhân – nông dân - điều chủ.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về Luận điểm, các mối quan hệ của luận điểm trong bài văn nghị luận giải quyết các bài tập.

b) Nội dung: HĐ cá nhân (bài 3,4), HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (b2), HS thực hiện.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Bài tập 1, 2, 3, 4

- Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

- N1: Cần tránh lối viết dài dòng khiến người đọc khó hiểu.
- N2: Nguyên Hồng thích truyền nghề cho bạn trẻ.
- Niềm say mê đào tạo nhà văn trẻ của Nguyên Hồng.

2. Bài tập 2:

- Luận điểm: Tế Hanh là một người rất tinh tế (tinh lắm).
 - Luận cứ:
 - + Tế Hanh đã ghi được đôi nét thân tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương.
 - + Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần....
- => Nhận xét: các luận cứ được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, luận cứ sau biểu hiện mức độ tinh tế cao hơn so với luận cứ trước. Nhờ vậy, độc giả càng đọc càng thấy hứng thú.

3. Bài tập 3:

- * Luận điểm 1: Học phải kết hợp với làm
 - Luận cứ:
 - + Làm bài tập là thực hành bài học lí thuyết -> Hiểu kiến thức sâu hơn.
 - + Làm bài tập giúp ta nhớ kiến thức dễ dàng hơn.
 - + Làm bài tập là rèn kĩ năng tư duy, phân tích, tổng hợp, so sánh, chứng minh
- => Vì vậy, nhất thiết học phải kết hợp với làm bài tập thì mới đầy đủ vững chắc.
- * Luận điểm 2: Học vẹt không phát.....
 - Luận cứ:
 - + Học vẹt là học thuộc lòng giống như con vẹt học nói tiếng người, không hiểu hoặc hiểu lơ mơ, chóng quên.
 - + Học vẹt chỉ mất thời gian, công sức mà không đem lại hiệu quả gì.
 - + Bởi vậy, không thể theo cách học vẹt. Học phải dựa trên cơ sở hiểu, gắn với nhận thức về vấn đề.

4. Bài tập 4:

- Văn giải thích cần phải viết cho dễ hiểu.
- Các luận cứ được sắp xếp theo thứ tự sau :
 - + Mục đích của văn giải thích: văn giải thích viết ra là nhằm làm cho người đọc hiểu.
 - + Giải thích dễ hiểu thì người đọc dễ hiểu, giải thích khó hiểu thì người viết càng xa mục đích đề ra.
 - + Bởi vậy văn giải thích phải viết cho dễ hiểu.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: HĐ cá nhân, HS thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Bài viết của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: chuyển giao nhiệm vụ

Hãy sắp xếp các luận cứ của bài 4 (Phần luyện tập) thành đ.văn hoàn chỉnh.

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

 Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC (Luận học pháp)**1. Kiến thức:**

- Thấy được mục đích, tác dụng của việc học chân chính: Học để làm người, để góp phần làm cho đất nước hưng thịnh; đồng thời HS thấy được tác hại của lối học chuộng hình thức, cầu danh lợi.
- Nhận thức được phương pháp học tập đúng đắn kết hợp với thực hành. Học tập cách lập luận của tác giả. Biết cách viết bài văn nghị luận theo chủ đề nhất định. Năng lực cảm thụ văn học.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận cổ.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống hiếu học, lòng tự hào dân tộc.

II. CHUẨN BỊ**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy, sơ đồ nội dung bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- So sánh sự khác nhau về đối tượng sử dụng của hịch, chiếu, cáo với tấu.
- Chuẩn bị bài theo yêu cầu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****a) Mục đích:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu phương pháp học sao cho hiệu quả

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân, cả lớp thực hiện

c) Sản phẩm: HS trả lời miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv yêu cầu thực hiện:

? Theo em học có quan trọng không?

? Em thích học môn nào nhất? Vì sao? Em thường học tập như thế nào để có kết quả?

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:

+ Thời nào cũng vậy học rất quan trọng với chúng ta

+ Em thích học môn Ngữ văn nhất

+ Vì môn học cho em nhiều kiến thức hay về cuộc sống bồi dưỡng cho em tình cảm cao quý: tình yêu thương con người, tình yêu với quê hương đất nước...

+ Em thường học từ cái dễ đến cái khó, đọc ngữ liệu, tìm hiểu ngữ liệu, vận dụng làm bài tập...

=> Vậy người xưa đã có quan niệm như thế nào về học tập, phương pháp học ra sao chúng ta sẽ trả lời câu hỏi này qua phần tìm hiểu văn bản: Bàn về phép học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

- a) **Mục đích:** HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản Bàn về phép học.
b) **Nội dung:** HS thực hiện hoạt động cá nhân
c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm.
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Gv: Giới thiệu vài nét về Nguyễn Thiếp và văn bản “Bàn về phép học” mà các em đã chuẩn bị?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS: hoạt động nhóm</p> <p>+ Gv: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Nguyễn Thiếp (1723-1804) tự Khải Xuyên, hiệu Lạp Phong cư sĩ,</p> <p>- Quê ở làng Mật thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>- Ông là người học rộng, hiểu sâu, làm quan dưới triều Lê, nhưng sau đó từ quan về dạy học.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>a. Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, thể loại:</p> <p>- Là phần trích từ bài tấu gửi vua Quang Trung của Nguyễn Thiếp và tháng 8/1791.</p> <p>- Thể loại: cáo</p> <p>b. Đọc, chú thích, bố cục</p> <p>- Bố cục: 3 phần:</p> <p>+ P1: Từ đầu ... tề hại ấy” -> mục đích chân chính của việc học</p> <p>+ P2: Cúi xin... chớ bỏ qua - > Bàn luận về phép học</p> <p>+ P3. Còn lại</p> <p>=> Tác dụng của việc học chân chính (Đạo học).</p>

Hoạt động 2: Mục đích chân chính của việc học

- a) **Mục đích:** Học sinh thấy được mục đích chân chính của việc học mà tác giả đề cập.
b) **Nội dung:** HS hoạt động nhóm và thực hiện.
c) **Sản phẩm:** Phiếu hoạt động của nhóm
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>a. Phần đầu tác giả nêu khái quát mục</p>	<p>Mục đích chân chính của việc học</p>

<p>đích của việc học bằng cách nào? Tác dụng của cách nêu đó?</p> <p>b. “Đạo” là gì? Mục đích việc học đó là gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi</p> <p>+ Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Đưa câu châm ngôn vào => tăng tính thuyết phục, dễ hiểu, tạo tiền đề để bàn về việc học (Bằng cách nêu hình ảnh so sánh, ẩn dụ quen thuộc nhưng nhấn mạnh bằng cách nói phủ định 2 lần để thành khẳng định. Giống như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong)</p> <p>- Đạo là lẽ sống đúng, đẹp và là mối quan hệ XH giữa người với người. Đối với tác giả, kẻ đi học trước hết là phải biết, hiểu đạo, tức là biết cách làm người</p> <p>=> mục đích chân chính của việc học</p>
---	---

Hoạt động 3: Bàn luận về phép học

a) **Mục đích:** HS thấy được thái độ của tác giả về việc học

b) **Nội dung:** HS hoạt động cặp đôi và thực hiện.

c) **Sản phẩm:** Phiếu hoạt động của nhóm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>a. Soi vào sử sách, tác giả đã chỉ ra những lỗi học lệch lạc, sai trái nào? Hậu quả của lỗi học sai trái đó là gì?</p> <p>b. Tác giả đã đề xuất cách học và phương pháp học như thế nào? Học như thế sẽ đạt mục đích gì?</p> <p>c. Em có suy nghĩ gì về những PP học tác giả đề ra?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi</p> <p>+ Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Bàn luận về phép học</p> <p>- Soi vào thực tế đương thời phê phán những biểu hiện lệch lạc sai trái của việc học đó là:</p> <p>+ học hình thức</p> <p>+ cầu danh lợi.</p> <p>+ Học mà không hiểu nội dung chỉ có cái danh mà không thực chất.</p> <p>- Tác hại của việc học đó làm cho “chúa tầm thường, thần nịnh hót”, người trên kẻ dưới đều thích sự chạy chọt, luồn cúi, không có thực chất dẫn đến cảnh “nước mất, nhà tan”</p> <p>- PP học: lấy Chu Tử làm chuẩn, lấy tiểu học làm căn bản, học tuần tự từ thấp lên cao, phải học rộng ra rồi tóm gọn, theo điều học mà làm.</p> <p>=> Đào tạo được người tài giỏi, giữ vững được nước nhà</p> <p>-> Có thể nói đây là những PP dạy học tích cực nó còn nguyên giá trị đến ngày nay.</p>

Hoạt động 4: Tác dụng của phép học

a) **Mục đích:** Hs nắm được Tác dụng của phép học chân chính

b) **Nội dung:** HS hoạt động cá nhân và thực hiện.

c) **Sản phẩm:** Câu Trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>a. Mục đích chân chính và cách học đúng đắn được tác giả gọi là đạo học. Theo tác giả đạo học thành có tác dụng ntn?</p> <p>b. Đăng sau những lí lẽ bàn về tác dụng của phép học, người viết đã thể hiện thái độ gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân.</p> <p>+ Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Tác dụng của phép học</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Có được nhiều người tốt.</p> <p>+ Triều đình ngay ngắn.</p> <p>+ Thiên hạ thịnh trị, xã hội, đất nước phồn vinh</p> <p>- Thái độ của tác giả:</p> <p>+ Đề cao tác dụng của việc học chân chính.</p> <p>+ Tin tưởng ở đạo học chân chính.</p> <p>+ Kỳ vọng về tương lai đất nước.</p> <p>TỔNG KẾT:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>- Lập luận chặt chẽ</p> <p>- Luận điểm rõ ràng, lí lẽ xác đáng</p> <p>- Lời văn khúc chiết, thẳng thắn</p> <p>2. Nội dung: Văn bản nêu nên quan niệm tiến bộ của tác giả về sự học.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài

b) **Nội dung:** HĐ cặp đôi và tiến hành thực hiện

c) **Sản phẩm:** Phiếu thảo luận nhóm

d) **Tổ chức thực hiện:**

+ *GV chuyển giao nhiệm vụ:*

? Đọc những lời tâu trình của Nguyễn Thiếp về phép học, em thu nhận

được những điều sâu xa nào về đạo học của cha ông ta ngày trước?

? Các em có nhận xét gì về quan niệm của Nguyễn Thiếp đối với sự học (so với thời đại của ông và hiện tại)?

+ *HS trả lời, trình bày kết quả:*

- Mục đích là học để biết, làm người tốt,... Học để góp phần làm hưng thịnh đất nước

- Nguyễn Thiếp nêu lên quan niệm tiến bộ của ông về sự học. Quan niệm tiến bộ vẫn còn có ý nghĩa với chúng ta hôm nay, nó là nền tảng cho những quan điểm học đúng đắn ngày nay.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

b) **Nội dung:** HĐ cá nhân, HS cùng thực hiện

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

1. GV chuyển giao nhiệm vụ:

? Sau khi học xong văn bản này em có suy nghĩ gì về Nguyễn Thiệp.

? Em có nhận xét gì về cách học của học sinh hiện nay? Từ đó em sẽ rút ra cho mình được bài học gì về cách học?

2. HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

- Là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, quan tâm đến vận mệnh của đất nước, trọng chữ nghĩa, trọng hiền tài

- HS học hình thức, học cốt chỉ để lên lớp lấy cái bằng tốt nghiệp, học không sâu, không rộng không biết cách tóm lại kiến thức...

- Bài học: Học theo tuần tự từ cơ bản đến nâng cao, học đi đôi với hành, học phải vận dụng vào thực tế cuộc sống.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG VÀ TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Giúp HS củng cố chắc hơn những hiểu biết về cách xây dựng và trình bày luận điểm.

2. **Năng lực:** HS có kĩ năng tìm, sắp xếp, trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận có đề tài gần gũi, quen thuộc. Năng lực viết bài văn nghị luận.

3. **Phẩm chất:** HS có ý thức bồi dưỡng kĩ năng làm bài văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục đích:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS

b) **Nội dung:** HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng

d) **Tổ chức thực hiện:**

- Gv: nêu câu hỏi

1. Thế nào là luận điểm? *Chiếu dời đô* của Lí Công Uẩn có mấy luận điểm? Hãy nêu các luận điểm đó!

2. Khi trình bày luận điểm trong đoạn văn cần chú ý những điều gì?

- HS tiếp nhận, trả lời miệng => GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Luyện tập xây dựng hệ thống luận điểm

a) **Mục đích:** Vận dụng kiến thức về văn bản để làm bài

b) Nội dung: Hoạt động cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên nêu đề bài và yêu cầu: Đề bài: Hồ Chủ tịch có dạy: “Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài là người vô dụng”. Em hãy giải thích câu nói trên. + Xây dựng luận điểm cho đề văn trên?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu, xây dựng luận điểm cho đề văn trên? - <i>Hs:</i> tiếp nhận</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Luyện tập xây dựng hệ thống luận điểm</p> <p>a) Hiểu thế nào là đức, tài: - Đức là gì? - Tài là là gì?</p> <p>b) Mỗi quan hệ giữa tài và đức: - Vì sao “Có tài mà không có đức là người vô dụng” - Vì sao “Có đức mà không có tài l việc gì cũng khó” - Tài và đức có mối quan hệ như thế nào?</p> <p>c. Hiểu như thế ta phải làm gì?</p>

Hoạt động 2: Luyện tập trình bày luận điểm

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức về văn bản để làm bài

b) Nội dung: Hoạt động nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên nêu yêu cầu ? Viết đoạn văn trình bày các luận điểm của đề văn trên?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu, xây dựng đoạn văn. + <i>Hs:</i> tiếp nhận</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p>	<p>Luyện tập trình bày luận điểm</p> <p>a) Khái niệm về đức, tài: - Đức là đạo đức phẩm chất, nhân cách của con người. Đạo đức cao đẹp của mỗi người được xây dựng trên cơ sở của một lẽ sống đúng đắn. - Tài là tài năng trí tuệ, trình độ học vấn, sự tinh thông nghề nghiệp... là sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành.</p> <p>b) Mỗi quan hệ giữa tài và đức: - “Có tài mà không có đức là người vô dụng” vì cái tài đó không phục vụ cho mục đích cao cả, “tài” trở nên hoài phí, thậm chí cái tài đó nhằm phục vụ cho những mưu đồ ích kỷ có hại cho cộng đồng. - “Có đức mà không có tài làm việc gì cũng</p>

<p>+ Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>khó” vì không có kỹ năng hoàn thành được công việc, hiệu quả lao động thấp thậm chí còn gây hậu quả xấu.</p> <p>=> Qua câu nói này Bác muốn khẳng định Tài và đức có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời. Đức là gốc. Có đạo đức thì tài năng có điều kiện phát huy, ngược lại tài năng là biểu hiện cụ thể của đạo đức. Cho nên với tài và đức, nếu thiếu cả 2 thứ này thì đều là vô dụng .</p> <p>c. Hiểu như thế chúng ta phải làm gì</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học tập tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người vừa có tài vừa có đức - Làm được như vậy không chỉ khẳng định được bản thân mà còn góp phần để xây dựng quê hương đất nước.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** Vận dụng hiểu biết về cách làm bài văn nghị luận

b) **Nội dung:** hoạt động cá nhân, hs thực hiện.

c) **Sản phẩm:** hs làm vào vở bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:**

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv nêu yêu cầu:

? Vận kiến thức đã học thực hiện tìm hiểu đề lập dàn ý đại cương cho đề bài sau:

Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ: *Lá lành đùm lá rách*

- Học sinh: làm việc cá nhân, giáo viên quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.

=>Giáo viên chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

LUYỆN VIẾT VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** củng cố chắc hơn những kiến thức về văn nghị luận.

2. **Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. **Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Tích cực học tập, bồi dưỡng lòng yêu thích say mê môn học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Đề, biểu điểm, đáp án.

2. Chuẩn bị của học sinh: ôn bài.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1 Ma trận:

Lĩnh vực ND	Mức độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao		Tổng số	
		T N	T L	T N	T L	T N	T L	T N	TL	T N	T L
Văn nghị luận									1c âu		1c âu
									10 đ		10 đ
Tổng số câu											1
Tổng số điểm											câ u 10 đ

2. Đề bài:

Đề bài: Từ bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ mối quan hệ giữa “học” và “hành”.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3. Đáp án và biểu điểm chấm

a. Yêu cầu kĩ năng (1điểm)

- Đúng đặc trưng của bài văn nghị luận
- Trình bày rõ ràng rành mạch các luận điểm luận cứ, dẫn chứng cụ thể xác thực.
- Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt.
- Bố cục ba phần rõ ràng.

b. Kiến thức: (9điểm)

I. Mở bài: 1đ

- "Bàn luận về phép học" là một phần trong bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi cho vua Quang Trung để bàn bạc, tìm cách đổi mới cho phương thức học tập thời bấy giờ. Văn bản nghị luận này không chỉ có giá trị đương thời mà còn ảnh hưởng đến cách học của chúng ta sau này.
- Học phải đi đôi với hành. Học phải kết hợp với hành là luận điểm tiến bộ trong bài tấu mà ngày nay chúng ta còn làm theo.

- Vậy giữa học và hành có quan hệ như thế nào? Chúng ta cần làm rõ vấn đề trên.

II. Thân bài: 7đ

1. Giải Thích: (2đ)

- Học: là hoạt động của trí óc để tiếp thu những cái mới, những điều chưa biết, học còn là bắt chước những cái hay, cái đẹp của người khác.

- Hành: là thực hành, là ứng dụng những gì đã học.

=> Tác giả khuyên học phải có hành, nghĩa là học và hành phải đi đôi với nhau. Không thể học mà không đi đôi với hành và ngược lại: hành mà không học.

2. Tại sao học lại phải đi đôi với hành?(3đ)

- Nếu học chỉ để nhồi nhét 1 mớ kiến thức, sách vở vào đầu thì có ích lợi gì nếu không biết đem những điều đã học ra áp dụng. Học mà không hành như vậy thật là vô ích. Phải biết đem cái học áp dụng vào thực tế thì cái học ấy mới có giá trị. Ngược lại: chỉ hành mà không học theo kiểu: "Trăm hay không bằng hay quen" thì rõ ràng là cực đoan và nguy hiểm.

- Hành mà không học thì làm sao biết được đầy đủ kiến thức về sự vật, sự việc ấy để ứng phó trong mọi trường hợp, mọi lĩnh vực.

- Hành mà không học thì chỉ là sự mò mẫm chẳng khác nào người đi trong đêm tối. Vừa mất thời gian, vừa hỏng việc.

- Rõ ràng kiến thức không phải tự nhiên mà có, tất cả là từ những kinh nghiệm quý báu đã được rút ra từ thực tiễn, có giá trị đúng đắn và được nhiều người chấp nhận. Cho nên hành không thể không học. ý thức được điều này, ông cha ta thường xuyên "học hành, học hỏi, học tập".

- Học, hỏi, hiểu, hành là phương châm mà mọi người cần hướng tới và làm theo nó.

3. Tác dụng(2 đ)

- Phải gắn liền học và hành. Cần hiểu hành ở đây không chỉ là những bài tập áp dụng trong sách vở mà hành còn là những điều đã học phải đem ra áp dụng vào thực tế cuộc sống(Ví dụ: 1 kỹ sư học lý thuyết trong trường, khi về công xưởng anh ta phải biết áp dụng những điều đã học vào thực tế sản xuất, vào cuộc sống.)

- Học để cung cấp kiến thức cho thực hành, giúp cho thực hành dễ dàng hơn.

- Học để đem áp dụng kiến thức đã học vào thực tế. Hành còn củng cố, hoàn chỉnh cho học.

- Là học sinh còn ngồi ghế nhà trường phải biết áp dụng tốt phương châm học này để việc học ngày càng đạt kết quả tốt hơn. Lời khuyên này còn có tác dụng chỉ ra con đường học tập đúng đắn, nhất là đối với 1 số người lười nhác, không chịu thực hành, chỉ muốn rập khuôn theo lý thuyết.

III. Kết bài: 1đ

- Tóm lại qua tư tưởng tiến bộ, Nguyễn Thiếp đã chỉ cho ta thấy được học và hành phải là 2 mặt đồng thời của 1 quá trình học tập. Không được coi nhẹ mặt nào, coi nặng mặt nào.

- Bài học cho bản thân em về vấn đề nghị luận trên.

*** Lưu ý**

- **Điểm 9-10:** Bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu về nội dung cũng như cách thức diễn đạt, lỗi viết giản dị, chân thành tạo được sự đồng cảm và thuyết phục trong người đọc. Biết kết hợp nhiều yếu tố diễn đạt.
- **Điểm 7-8:** Bài viết đảm bảo khá tốt các yêu cầu trên. Biết kết hợp các yếu tố diễn đạt ở mức độ khá
- **Điểm 5-6:** Bài viết có thực hiện các yêu cầu trên. Chủ yếu liệt kê các luận điểm. Việc kết hợp các yếu tố diễn đạt và phân tích còn lúng túng
- **Điểm 3-4:** Bài viết chưa đảm bảo các yêu cầu trên. Nêu các luận điểm chưa chính xác, chưa đầy đủ.
- **Điểm 1-2:** Bài viết quá yếu về cả nội dung và diễn đạt.

IV. củng cố- dặn dò

1. Thu bài.
2. Thống kê số lượng và nhận xét giờ kiểm tra.
3. Chuẩn bị bài.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

HỘI THOẠI**I. MỤC TIÊU:**

- 1. Kiến thức:** Giúp HS nắm khái niệm vai XH, lượt lời và biết vận dụng hiểu biết về những vấn đề ấy vào quá trình hội thoại nhằm đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- 2. Năng lực:** HS có kĩ năng tìm hiểu, vận dụng những kiến thức về hội thoại vào đời sống giao tiếp. Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- 3. Phẩm chất:** HS có ý thức lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp hoàn cảnh giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.
 - Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.
- 2. Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG****a) Mục đích:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về **Hội thoại**

b) Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp thực hiện nhiệm vụ.**c) Sản phẩm:** Trình bày miệng.**d) Tổ chức thực hiện:**

- Gv: nêu câu hỏi

1. Hoạt động nói có những kiểu hoạt động nói nào? Cách thực hiện hoạt động nói đó như thế nào? Cho ví dụ?

2. Chỉ ra và gọi tên các hành động nói trong ví dụ sau:

Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão ôn tồn bảo:

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phần này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sung sướng.

- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

- Nói đùa thế, chứ ông giáo để cho khi khác.

(*Nam Cao, Lão Hạc*).

- HS tiếp nhận, trả lời miệng, GV nhận xét đánh giá

=>GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Đoạn trích trên là cuộc trò chuyện giữa ông giáo và lão Hạc. Cuộc trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người, gọi là hội thoại. Mỗi người khi tham gia hội thoại đều có vai xã hội riêng. Vậy làm thế nào để xác định được vai xã hội trong hội thoại? Chúng ta vào bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Vai xã hội trong hội thoại

a) **Mục đích:** Giúp HS tìm hiểu và nắm được : vai xã hội trong hội thoại

b) **Nội dung:** Hoạt động nhóm, hs tiến hành thực hiện.

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập của học sinh

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên: nêu yêu cầu</p> <p>1. Trong đoạn trích có những nhân vật nào? Quan hệ giữa các nhân vật tham gia hội thoại trong đoạn trích trên là quan hệ gì? Ai là vai trên, ai là vai dưới?</p> <p>2. Cách xử sự của người cô có gì đáng chê trách?</p> <p>3. Lấy ví dụ về các vai theo quan hệ xã hội thường gặp?</p> <p>4. Tìm những chi tiết cho thấy nhân vật chú bé Hồng đã cố gắng kìm nén sự bất bình của mình để giữ thái độ lễ phép? Giải thích vì sao Hồng phải làm như vậy?</p> <p>5. Khi tham gia hội thoại cần lưu</p>	<p>1. Trong đoạn trích có những nhân vật :</p> <p>- Bà cô Hồng và Hồng</p> <p>- Quan hệ giữa hai nhân vật tham gia trong đoạn trích trên thuộc quan hệ gia tộc.</p> <p>Người cô của Hồng là người vai trên, bé Hồng là người vai dưới.</p> <p>2. Cách đối xử của người cô là thiếu thiện chí vừa không phù hợp với quan hệ ruột thịt, vừa không thể hiện thái độ đúng mực của người trên đối với người dưới.</p> <p>3. Lấy ví dụ về các vai theo quan hệ xã hội thường gặp:</p> <p>- Vai theo quan hệ tuổi tác :</p> <p>VD: Lão Hạc và ông Giáo trong truyện “Lão Hạc”.</p> <p>- Vai theo quan hệ chức vụ trong xã hội:</p>

<p>ý điều gì?</p> <p>- Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Giáo viên</i>: nêu yêu cầu, xây dựng đoạn văn.</p> <p>+ <i>Hs</i>: tiếp nhận</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đứng tại chỗ trả lời</p> <p>+ <i>Giáo viên</i>: hướng dẫn, nghe <i>Hs</i> trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ <i>Giáo viên</i> nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>VD: Giám đốc nói với nhân viên.</p> <p>- Vai theo quan hệ bạn bè:</p> <p>VD cuộc đối thoại giữa hai người bạn cùng lớp.</p> <p>Ngoài ra quan hệ xã hội của còn được xác định bằng mối quan hệ thân thiết hay không (thân- sơ)</p> <p>4. Những chi tiết cho thấy nhân vật chú bé Hồng đã cố gắng kìm nén sự bất bình của mình để giữ thái độ lễ phép: “...tôi cúi đầu không đáp”</p> <p>“..Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất...cổ họng đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng”</p> <p>=> Hồng phải kìm nén sự bất bình vì Hồng là người thuộc vai dưới, có bổn phận tôn trọng người trên.</p> <p>5. Khi tham gia hội thoại cần lưu ý: Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.</p>
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.

b) Nội dung: HĐ cá nhân (bài 3). HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài2), thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv yêu cầu thực hiện bài tập 1,2,3

- HS tiếp thu, thực hiện yêu cầu:

1. Bài tập 1:

- Các chi tiết:

+ *Nghiêm khắc*: Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục....

+ *Khoan dung*: Nếu các người biết chuyên tậpTa viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

2. Bài tập 2:

- Xét về địa vị xã hội: ông Giáo là người có địa vị cao hơn một người nông dân nghèo như lão Hạc.

- Xét về tuổi tác thì lão Hạc có địa vị cao hơn.

a, Ông Giáo nói với lão Hạc bằng lời lẽ ôn tồn, thân mật nắm lấy vai lão, mời lão hút thuốc, uống nước, ăn khoai.

Ông Giáo gọi lão Hạc là “cụ” (thể hiện sự kính trọng), xưng là “tôi” (thể hiện quan hệ bình đẳng).

b, Lão Hạc gọi người đối thoại với mình là ông Giáo, xưng hô gộp hai người là chúng mình, cách nói xuề xòa (nói đùa thể) thể hiện sự thân tình.

=> Qua cách nói của lão ta thấy vẫn có một nỗi buồn, một sự giữ khoảng cách: cười đưa đà, thoái thác chuyện ở lại ăn khoai, uống nước với ông Giáo.

=> Phù hợp tâm trạng của lão Hạc lúc đó.

3. Bài tập 3:

Lên bảng kể lại một cuộc trò chuyện (chủ đề tùy chọn)

=> Chỉ ra vai xã hội của người tham gia hội thoại.

Yêu cầu: kể ngắn gọn, diễn cảm, chú ý lời nói, ngôn ngữ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: ? Viết đoạn hội thoại ngắn (chủ đề tự chọn). Phân tích vai xã hội của những người tham gia cuộc thoại. Cách đối xử của họ với nhau thể hiện qua lời thoại và qua cử chỉ, thái độ kèm lời nói.

- HS tiếp nhận, thực hiện yêu cầu, trình bày bài viết.

- GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TÌM HIỂU YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết được biểu cảm là một yếu tố không thể thiếu trong những bài văn nghị luận có sức thuyết phục cao.

- Nắm được những yêu cầu cần thiết của việc đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận để việc nghị luận đạt hiệu quả thuyết phục cao.

2. Năng lực: HS có kĩ năng vận dụng những yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận. Năng lực tìm hiểu các yếu tố BC trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về **yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận**

b) Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv nêu câu hỏi :

Hãy chỉ ra các chi tiết biểu thị thái độ , tình cảm của Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn trong văn bản “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ”. Tác dụng của các yếu tố này trong bài văn?

- Hs tiếp nhận, trả lời câu hỏi, GV nhận xét, đánh giá.

=>GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Đây chính là các yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận. Vậy làm thế nào để đưa yếu tố biểu cảm vào bài nghị luận, và yếu tố biểu cảm đóng vai trò gì trong bài nghị luận. Chúng ta cùng vào bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận

a) Mục đích: Giúp HS tìm hiểu và nắm được : vai trò của yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận

b) Nội dung: Hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên nêu yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xác định kiểu văn bản , mục đích của văn bản? 2. Hãy tìm những từ ngữ bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả? 3. Tìm một số câu văn, từ ngữ biểu cảm trong bài “ Hịch tướng sĩ” ? 4. Văn bản “ Hịch tướng sĩ và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” có điểm gì giống nhau? 5. Hai văn bản mặc dù yếu tố biểu cảm tràn ngập sâu sắc và mãnh liệt, rất rung động lòng người nhưng vẫn là văn nghị luận chứ không phải biểu cảm? Vì sao? 6. Hãy so sánh câu văn ở bảng 1 và 2, câu nào hay hơn, vì sao? Tác dụng của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận? 7. Có ý kiến cho rằng : Thiếu yếu tố biểu cảm, sức thuyết 	<p>Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nghị luận => HCM viết bài văn trên để kêu gọi toàn thể nhân dân VN đứng lên chống thực dân Pháp để giành nền độc lập dân tộc. <p>G: Văn bản trên ra đời 19.12.1946. Sau CMT8, miền Bắc được hoàn toàn độc lập (Bác đọc bản Tuyên ngôn độc lập 2.9.1945), nhưng sau một thời gian Pháp quay trở lại xâm lược nước ta Bác đã viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.....</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. * Câu cảm thán: <ul style="list-style-type: none"> - Hỡi đồng bào toàn quốc!. - Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!. - Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!.....thắng lợi nhất định về dân tộc ta! VN độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm! * Từ ngữ biểu cảm: hỡi, muốn, phải, nhân nhượng, lần tới, không, thà, nhất định không chịu, phải đứng lên, hễ là, thì, ai có, ai cũng phải..... 3. Một số câu văn, từ ngữ biểu cảm trong bài “ Hịch tướng sĩ” :

<p>phục của văn nghị luận nhất định bị giảm đi? Nhưng cứ có yếu tố biểu cảm – bất kì yếu tố đó ntn – là sức biểu cảm của văn bản nghị luận sẽ cao hơn điều đó, có đúng không ? Vì sao?</p> <p>8. “Hịch tướng sĩ” và “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” là văn bản nghị luận có sức thuyết phục cao, tác động mạnh mẽ tới tình cảm con người. Để làm được điều này, người viết cần phải có những phẩm chất gì?</p> <p>9. Có ý kiến cho rằng: Càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, câu cảm thán thì giá trị biểu cảm trong văn nghị luận càng tăng? ý kiến đó có đúng không? Vì sao?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ GV chia nhóm ra để thực hiện</p> <p>+ HS tiếp nhận và suy nghĩ trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày kết quả của nhóm, HS khác nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, bổ sung kiến thức và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Ta viết bài hịch này để các người biết bụng ta.</p> <p>- Lúc bấy giờ đâu các người muốn vui vẻ phỏng có được không?</p> <p>- Ta thường tới bữa quên....vui lòng.</p> <p>- Không có mặc thì ta cho áo....</p> <p>4. Văn bản “ Hịch tướng sĩ và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” có điểm gì giống nhau : có nhiều từ ngữ và câu văn có giá trị biểu cảm cao.</p> <p>5. Hai văn bản mặc dù yếu tố biểu cảm tràn ngập sâu sắc và mãnh liệt, rất rung động lòng người nhưng vẫn là văn nghị luận chứ không phải biểu cảm vì : Không phải là văn biểu cảm vì các tác phẩm ấy viết ra không nhằm mục đích nghị luận (bộc lộ tình cảm) mà nhằm mục đích nghị luận nêu luận điểm, trình bày luận cứ để bàn luận phải trái, đúng sai, nên xác định hành động và cách sống ntn?</p> <p>=> Ở đây biểu cảm không đóng vai trò chủ đạo mà chỉ là yếu tố phụ trợ cho quá trình nghị luận.</p> <p>6.- Câu văn ở cột (2) hay hơn vì: cột (1) không có yếu tố biểu cảm, câu văn chỉ đúng mà chưa hay. Cột (2) có yếu tố biểu cảm không chỉ đúng mà còn hay, gợi tình cảm ở người nghe.</p> <p>-> Biểu cảm có thể gây xúc động, truyền cảm hấp dẫn người đọc, người nghe, tăng sức thuyết phục cho bài văn.</p> <p>Gọi h/s đọc điểm 1- ghi nhớ?</p> <p>HS đọc ghi nhớ.</p> <p>7. Trong văn nghị luận, yếu tố biểu cảm chỉ đóng vai trò phục vụ cho công việc nghị luận. Bởi thế, yếu tố biểu cảm phải được dùng sao cho phù hợp, nó phải hoà vào luận cứ, luận chứng, làm nổi bật và khắc sâu luận điểm trong lòng người nghe.</p> <p>-> Không làm phá vỡ mạch lập luận của bài văn hoặc quá trình nghị luận bị đứt đoạn.</p> <p>8. - Cả hai tác giả đều có lòng yêu nước căm thù giặc sâu sắc. Điều quan trọng</p>
--	--

	<p>hơn bài văn ấy được viết ra không chỉ bằng sự sáng suốt, mạch lạc, chặt chẽ của trí tuệ mà còn bằng cả lòng nhiệt tình, sự tha thiết trong tâm hồn, cảm xúc mãnh liệt, chân thực của lòng mình.</p> <p>G: Thực tế cũng cho thấy, người đọc khẳng định đó là bài nghị luận hay khi nó không chỉ làm đầu óc mình sáng tỏ mà còn làm cho trái tim mình rung động. Do đó, biểu cảm là yếu tố không thể thiếu trong bài văn nghị luận.</p> <p>9. Không phải càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, câu cảm thán thì giá trị biểu cảm trong bài văn nghị luận càng tăng, biểu hiện tình cảm, cảm xúc phải phù hợp, không phá vỡ mạch lập luận của bài văn và đủ làm sáng tỏ luận điểm.</p> <p>- Tình cảm, cảm xúc phải chân thành, sâu sắc, tự nhiên (không hơi hợt, thờ ơ) mới tạo ra hiệu quả thuyết phục.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập.

b) Nội dung: HĐ cá nhân (bài 3). HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài 2), HS dựa theo sự phân công để thực hiện.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv yêu cầu HS làm bài tập 1,2,3
- HS tiếp nhận, HS trả lời câu hỏi:

1. Bài tập 1:

- Nhưng họ đã phải trả...chiến trường châu Âu.
- Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi...
- ...nhiều người bản xứ...ngài thống chế.
- Những kẻ khốn khổ ấy cũng đã....

+ Tác giả sử dụng NT châm biếm, mỉa mai qua việc dùng từ ngữ, dùng hình ảnh.

“ tên da đen bản thủ, con yêu, bạn hiền, chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do”, thể hiện thái độ khinh bỉ sâu sắc đối với giọng điệu tuyên truyền của bọn thực dân và cả sự chế nhạo, cười cợt.

=> Tác dụng: Phơi bày bản chất dối trá, lừa bịp của bọn TDP một cách rõ ràng, gây cười, mỉa mai, châm biếm.

2. Bài tập 2:

- Trong đoạn văn, tác giả không chỉ phân tích điều hơn lẽ thiệt cho học trò để thấy được tác hại của việc “ học tử, học vẹt”. Người thầy ấy còn bộc lộ

nỗi buồn và sự khổ tâm của một nhà giáo chân chính trước sự xuống cấp trong lối học văn và làm văn của h/s.

Những tình cảm ấy được biểu hiện rõ ở cả ba mặt: từ ngữ, câu văn, giọng điệu lời văn.

3. Bài tập 3:

Yêu cầu: Yếu tố biểu cảm: cần bày tỏ tình cảm đáng tiếc cho lối học vô bổ, không có tác dụng mở mang trí tuệ, trau dồi kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân.

c) Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: Viết đoạn văn trình bày luận điểm: “ Chúng ta không nên học vẹt và học tủ”

- Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá, GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

ĐI BỘ NGAO DU

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Hiểu rõ đây là VB nghị luận với cách lập luận chặt chẽ có sức thuyết phục; tác giả là nhà văn; bài này trích trong một tiểu thuyết nên các lí lẽ luôn hòa quyện với thực tiễn cuộc sống của riêng ông, khiến VB nghị luận không những sinh động mà qua đó còn thấy được ông là người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận hiện đại.

3. Phẩm chất: HS biết yêu tự do,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về văn bản *Đi bộ ngao du*.

b) Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp hoạt động thực hiện.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- *Gv nêu câu hỏi* : Em có đi bộ không? Em thấy nó có tác dụng gì?
- *HS tiếp nhận, thực hiện trả lời câu hỏi.*
- *Dự kiến sản phẩm:* khỏe mạnh, khoan khoái...
- *GV nhận xét đánh giá*

=> GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Trong thời đại ngày nay, khi các phương tiện giao thông vận tải ngày một phát triển, hiện đại, đã có không ít người ngại đi bộ. Nhưng cũng có rất nhiều người vẫn sáng sủa, tối tối cần mẫn luyện tập thể thao bằng cách đi bộ đều đặn. Nhưng đi bộ trong bài văn chúng ta sắp tìm hiểu : “Đi bộ ngao du”. Vậy đi bộ ngao du có ý nghĩa là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung của bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung

a) Mục đích: HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản “Đi bộ ngao du”.

b) Nội dung: Cả lớp thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Bài làm của Hs.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Gv: Giới thiệu vài nét về Ru-xô và văn bản “Đi bộ ngao du” mà các em đã chuẩn bị?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Học sinh đại diện nhóm lên trình bày...</i></p> <p>+ <i>Giáo viên, HS quan sát, lắng nghe...</i></p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Các nhóm đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, bổ sung kiến thức và chuẩn kiến thức.</p>	<p>Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Ru-xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học có tư tưởng tiến bộ ở nước Pháp TK XVIII.</p> <p>- Là tác giả của nhiều bộ tiểu thuyết lớn.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>- Đoạn trích “Đi bộ ngao du” được trích trong quyển V của tác phẩm “E-min hay Về giáo dục” (1762)</p> <p>Bố cục: 3 phần</p> <p>- “Từ đầu ...bàn chân nghỉ ngơi”: Đi bộ ngao du là hoàn toàn được tự do, không bị lệ thuộc vào bất cứ ai.</p> <p>- “Tiếp theo...không thể làm tốt hơn”: Đi bộ ngao du – trau dồi vốn tri thức.</p> <p>- Còn lại: Đi bộ ngao du rèn luyện sức khỏe và tinh thần của con người.</p>

Hoạt động 2: Đi bộ ngao du hoàn toàn tự do-không lệ thuộc vào bất cứ ai

a) Mục đích: Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du.

b) Nội dung: Hoạt động nhóm, thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Phiếu hoạt động của nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Tác giả đã quan niệm như thế nào về vấn đề đi bộ ngao du?</p> <p>2. Tác giả đã liệt kê những điều thú vị khi đi bộ? Nhận xét cách lập luận của tác giả ở luận điểm này? Nhận xét ngôi kể ở đoạn này?</p> <p>3. Các cụm từ : “ta ưa đi, ta thích, ta muốn hoạt động, tôi ưa thích, tôi hưởng thụ” xuất hiện liên tục, có ý nghĩa gì ? Qua đó tác giả muốn thuyết phục người đọc tin vào những lợi ích nào của người đi bộ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi</p> <p>+ Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, bổ sung kiến thức và chuẩn kiến thức.</p>	<p>Đi bộ ngao du hoàn toàn tự do- không lệ thuộc vào bất cứ ai</p> <p>1. Tác giả đã quan niệm: Đi bộ ngao du thú vị hơn đi ngựa.</p> <p>2. Tác giả đã liệt kê những điều thú vị khi đi bộ:</p> <p>- Đi bộ ngao du ta hoàn toàn tự do “ưa đi lúc nào thì đi, thích dừng lúc nào thì dừng”.</p> <p>- Quan sát khắp nơi....xem xét tất cả...một dòng sôngmột khu rừng rậm...một hang động...một mỏ đá, các khoáng sản ...=> tùy theo ý thích của mình.</p> <p>- Không lệ thuộc ai: “ những con ngựa hay những gã phu trạm..”</p> <p>- Không lệ thuộc bất cứ cái gì: “thời gian, đường sá. Hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ”.</p> <p>Nhận xét :</p> <p>- Dẫn chứng và lí lẽ trình bày xen kẽ, tiếp nối một cách tự nhiên. Đi bộ ngao du đem lại cảm hứng tự do cho người đi: tùy thích, đói ăn, khát uống, đêm nghỉ, ngày đi, đi để chơi, để học, để rèn luyện.</p> <p>- Kể theo ngôi kể thứ nhất “tôi, ta”. Cách xưng hô “ tôi – ta” xen kẽ chính là dụng ý nghệ thuật của tác giả. Khi xưng “tôi” là khi tác giả muốn nói về những kinh nghiệm riêng mang tính chất cá nhân. Khi xưng “ta” là khi lí luận chung => Cách xưng hô thay đổi bài văn trở nên sinh động, gắn cái riêng với cái chung -> gần gũi, thân mật.</p> <p>3. Các cụm từ : “ta ưa đi, ta thích, ta muốn hoạt động, tôi ưa thích, tôi hưởng thụ” xuất hiện liên tục: Nhấn mạnh sự thoả mãn cảm giác tự do cá nhân của người đi bộ ngao du.</p> <p>Qua đó tác giả muốn thuyết phục người đọc đi bộ đem lại cảm giác tự</p>

do thường ngoạn cho con người.

Hoạt động 3: Đi bộ ngao du trau dồi vốn kiến thức, hiểu biết**a) Mục đích:** Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du.**b) Nội dung:** Tiến hành thực hiện cặp đôi**c) Sản phẩm:** Phiếu hoạt động của nhóm**d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Theo tác giả đi bộ ngao du ta sẽ thu nhận được những kiến thức gì?</p> <p>2. Nhận xét gì về cách lập luận của tác giả? Tác dụng của cách lập luận ấy?</p> <p>3. Tại sao tác giả lại quan niệm rằng đi bộ ngao du là đi như: Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go?</p> <p>4. Để nói về sự hơn hẳn của các kiến thức thu được khi đi bộ ngao du, tác giả đã dụng so sánh kèm theo lời bình luận nào?</p> <p>5. Qua đó giúp ta hiểu thêm những lợi ích nào của việc đi bộ ngao du?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi.</p> <p>+ Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận</p> <p>+ HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, bổ sung kiến thức và chuẩn kiến thức.</p>	<p>1. Theo tác giả đi bộ ngao du ta sẽ thu nhận được những kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét tài nguyên phong phú trên miền đất. - Tìm hiểu các sản vật nông nghiệp và cách trồng trọt chúng. - Suu tầm các mẫu vật phong phú, đa dạng của thế giới tự nhiên... <p>2. Nhận xét gì về cách lập luận của tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu dẫn chứng dồn dập liên tiếp bằng các kiểu câu khác nhau. - So sánh kiến thức linh tinh trong các phòng sưu tập, thậm chí của vua chúa với sự phong phú trong phòng tập của người đi bộ ngao du. - Xen kẽ các lời bình luận (nêu cảm xúc) của tác giả. <p>=> Đề cao kiến thức của thực tế khách quan. Xem thường kiến thức sách vở giáo điều.</p> <p>3. Tác giả lại quan niệm rằng đi bộ ngao du là đi như: Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ta-let, Pla-tông, Pi-ta-go là những nhà triết học và toán học nổi tiếng. Họ luôn quan sát, nghiên ngẫm khi đi dạo chơi. <p>=> Đề cao kiến thức của các nhà khoa học am hiểu đời sống thực tế. Đồng thời khích lệ mọi người hãy đi bộ để mở mang kiến thức.</p> <p>4. Để nói về sự hơn hẳn của các kiến thức thu được khi đi bộ ngao du, tác giả sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh: Kiến thức linh tinh... trong các phòng sưu tập (vua chúa) với sự phong phú trong phòng sưu tập của người đi bộ ngao du (là cả trái đất), hơn cả nhà tự

	nhiên học Đô - Băng – Tông . 5. Qua đó giúp ta hiểu thêm những lợi ích nào của việc đi bộ ngao du giúp mở mang năng lực khám phá đời sống, mở rộng vốn hiểu biết và làm giàu trí tuệ.
--	--

Hoạt động 3: Đi bộ ngao du rèn luyện sức khoẻ tinh thần con người

a) **Mục đích:** Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du

b) **Nội dung:** Tiến hành hoạt động cá nhân

c) **Sản phẩm:** câu trả lời của Hs

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: 1. Cách chứng minh luận điểm thứ ba này có gì đặc sắc? 2. Việc sử dụng các câu cảm thán ở đây có tác dụng gì? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi. + Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh tự đánh giá. + Học sinh đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, bổ sung kiến thức và chuẩn kiến thức.	1. Cách chứng minh: So sánh hai trạng thái tinh thần khác nhau: người đi bộ ngao du (vui vẻ, hân hoan, khoan khoái). người ngồi trên xe ngựa (mơ màng, buồn bã, cáu kỉnh, đau khổ). Tính từ được sử dụng liên tiếp. 2. Khẳng định lợi ích tinh thần của đi bộ ngao du, đó là nâng cao sức khoẻ và tinh thần, khơi dậy niềm vui sống và tính tình được vui vẻ. TỔNG KẾT: - Nghệ thuật: + Đưa dẫn chứng vào bài tự nhiên, sinh động, gắn với thực tiễn đời sống. + Xây dựng các nhân vật của hoạt động giáo dục, một thầy giáo và một HS. + Sử dụng đại từ nhân xưng “tôi”, “ta” hợp lí, gắn kết được nội dung mang tính khái quát và kiến thức mang tính trải nghiệm cá nhân, kinh nghiệm của bản thân người viết, làm cho lập luận thêm thuyết phục. - Nội dung: Những lợi ích của việc đi bộ: + Thoả mãn nhu cầu thưởng ngoạn tự do. + Mở rộng tầm hiểu biết về cuộc sống. + Tạo niềm vui cho con người.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động cá nhân

c) **Sản phẩm:** hs làm vào vở bài tập

d) **Tổ chức thực hiện:**

- Gv: Nhận xét về cách đặt tên văn bản của tác giả?

- Hs tiếp nhận, hs trả lời câu hỏi, giáo viên nhận xét, đánh giá => Giáo viên chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Thực hiện HĐ cá nhân

c) Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: *Viết đoạn văn trình bày luận điểm: “Đi bộ ngao du tốt cho sức khỏe”*

- Hs tiếp nhận, hs trả lời câu hỏi: *Bài viết của HS.*

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

ÔN TẬP VĂN HỌC

1. Kiến thức: hệ thống lại các văn bản đã học ở lớp 8.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...

- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Giáo dục tinh thần rèn luyện thân thể, ý thức đi bộ và quan sát....

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục đích: HS nắm vững tác giả, khái quát nội dung và nghệ thuật của các văn bản đã học ở HKII.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động nhóm.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

I. Thơ trữ tình:**1. Nhớ rừng:**

a. Tác giả:

- Thế Lữ (1907 – 1989) – tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ – quê ở Bắc Ninh.

- Là nhà thơ tiêu biểu trong pt Thơ mới (1932 – 1945).

- Được Nhà nước tặng giải thưởng HCM về VHNT.

- Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ: Giọng thơ biền hoá du dương, lời cuốn. í thơ rộng mở, giọng thơ mượt mà đầy màu sắc. hình tượng thơ đa dạng,

chan hoà tình thơ, đạt dào về cái đẹp, cái đẹp của âm nhạc, mỹ thuật, vẻ đẹp của nhan sắc thiếu nữ và tình yêu...

Thế Lữ (1907-1989) là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào thơ mới.

Xuất xứ: Viết năm 1934, in trong tập “Mấy vần thơ” (1935).

Thơ mới: một phong trào thơ có tính chất lãng mạn của tầng lớp trí thức trẻ từ năm 1932 đến năm 1945. Ngay từ giai đoạn đầu, Thơ mới đã có nhiều đóng góp cho văn học, nghệ thuật của nước nhà. *Nhớ rừng* là bài thơ viết theo thể thơ 8 chữ hiện đại. Sự ra đời của bài thơ góp phần mở đường cho sự thắng lợi của phong trào Thơ mới.

b. Giá trị về nội dung & NT:

- “Nhớ rừng” là bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và của phong trào Thơ mới, được sáng tác vào năm 1934, lần đầu đăng báo, sau đó in trong tập “Mấy vần thơ”.

- Mượn lời con hổ ở vườn bách thú với nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do, được sống đúng với bản chất của mình, tác giả đã thể hiện tâm sự u uất và niềm khao khát tự do mãnh liệt, cháy bỏng của con người bị giam cầm nô lệ. Bài thơ đã khơi dậy tình cảm yêu nước, niềm uất hận và lòng khao khát tự do của con người VN khi đang bị ngoại bang thống trị. Phảng phất trong bài thơ có nỗi đau thầm kín của Thế Lữ và cũng là của những người thanh niên thuở ấy trước cảnh nước mất nhà tan.

2. *Quê hương*:

a. Tác giả:

- Tế Hanh – tên khai sinh là Trần tế Hanh, sinh 1921, quê Quảng Ngãi, hiện đang sống ở Hà Nội.

- Ông tham gia cách mạng từ tháng 8/1945, tham gia nhiều khoá Ban Chấp Hành Hội Nhà văn...

- Xuất bản nhiều tập thơ, tiểu luận, thơ viết cho thiếu nhi, dịch nhiều tập thơ của các nhà thơ lớn trên thế giới.

- Ông nhận nhiều giải thưởng về văn học.

Tế Hanh (1921- 2009) đến với Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu. Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật của thơ Tế Hanh.

Quê hương được in trong tập *Nghẹn ngào* (1939), sau in lại ở tập *Hoa niên* (1945).

Ý nghĩa văn bản:

Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển

b. Giá trị về nội dung & NT:

- Sáng tác khi Tế Hanh sống xa quê. Những h/a về làng chài và những người dân chài đều được tái hiện từ nỗi nhớ của nhà thơ nên rất gợi cảm và sinh động.

- Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở chất thơ bình dị nhưng tràn ngập cảm xúc. Nhà thơ viết về quê hương với tình cảm thiết tha, từ niềm tự hào về 1 miền

quê tươi đẹp, có những đoàn thuyền, những người trai mạnh mẽ đầy sức sống, đương đầu với sóng gió trùng dương vì c/s, niềm vui và hp của làng chài.

3. *Khi con tu hú:*

a. Tác giả:

- Tố Hữu – tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành – quê Thừa Thiên.
- Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, từ sáu, bảy tuổi đã làm thơ. Giác ngộ và tham gia cách mạng từ rất sớm.
- Tố Hữu đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và chính quyền: Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư BCH TƯ Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.
- Xuất bản nhiều tập thơ, tiểu luận.
- Nhận nhiều giải thưởng về VHNT.

Tố Hữu (1920 – 2002) quê Thừa Thiên – Huế. Được giác ngộ trong phong trào học sinh, sinh viên. Với nguồn cảm hứng lớn là lí tưởng cách mạng, thơ Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

Khi con tu hú ra đời khi tác giả đang bị giam cầm trong nhà lao Thừa Phủ, được in trong tập *Từ ấy*- tập thơ đầu tiên của Tố Hữu (1939).

b. Giá trị về nội dung & NT:

- Bài thơ lục bát được sáng tác khi ông đang bị địch giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế) 7. 1939, sau đó được in trong tập: *Từ ấy*.
- Bài thơ nói lên nỗi nhớ quê nhà khi mùa hè đã đến, đồng thời thể hiện niềm uất hận và lòng khao khát tự do của người chiến sĩ cách mạng đang bị cùm trói trong nhà tù đế quốc.

4. *Tức cảnh Pác Bó:*

a. Tác giả: Hồ Chí Minh (1890 – 1969): nhà văn, nhà thơ, chiến sĩ cách mạng, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

b. Tác phẩm:

- Hoàn cảnh sáng tác: Tháng 2. 1941, sau 30 năm bôn ba hoạt động cm ở nước ngoài, Bác Hồ trở lại Trung Quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Người sống và làm việc trong hoàn cảnh hết sức gian khổ: ở trong hang Pác Bó – một hang núi nhỏ sát biên giới Việt – Trung (Hà Quảng – Cao Bằng); thường phải ăn cháo ngô, măng rừng thay cơm; bàn làm việc là một phiến đá bên bờ suối cạnh hang được người đặt tên là suối Lê-nin. Bài thơ được Bác sáng tác trong hoàn cảnh này. *Tức cảnh Pác Bó*: được viết theo thể thơ tứ tuyệt, ra đời tháng 02 – 1941.
- Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút vui đùa hóm hỉnh, tất cả toát lên một cảm giác vui thích, sảng khoái. (- Có tính chất ngắn gọn, hàm súc.- Vừa mang đặc điểm cổ điển, truyền thống vừa có tính chất mới mẻ.- Có lời thơ bình dị pha giọng đùa vui, hóm hỉnh.- Tạo được tứ thơ độc đáo, bất ngờ, thú vị và sâu sắc.)

Ý nghĩa văn bản: Bài thơ thể hiện cốt cách, tinh thần Hồ Chí Minh luôn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng.

5. *Ngắm trăng, Đi đường:*

a. Tác giả: Hồ Chí Minh.

b. Tác phẩm:

* *Giới thiệu: “Ngục trung nhật kí” (Nhật kí trong tù):*

- Gồm 133 bài thơ chữ Hán, phần lớn là thơ thất ngôn tứ tuyệt. Tập nhật kí bằng thơ được HCM viết trong một hoàn cảnh đặc biệt từ tháng 2/1942 đến 9/1943 khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ, đầy đoạ khắp các nhà tù ở tỉnh Quảng Tây – TQ.

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện

Mười tám nhà lao đã ở qua.

(Đến phòng chính trị chiến khu IV)

- Nhật kí trong tù phản ánh một dũng khí lớn, một tâm hồn lớn, một trí tuệ lớn của người chiến sĩ vĩ đại. Nó cho thấy một ngòi bút vừa hồn nhiên giản dị, vừa hàm súc sâu sắc. Chất thép và chất tình, màu sắc cổ điển và tính chất hiện đại, bình dị kết hợp một cách hài hoà.

- Nhật kí trong tù có tác dụng bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần và nhân sinh quan cách mạng cho thế hệ trẻ chúng ta.

- Trong bài “Độc thơ Bác”, thi sĩ Hoàng Trung Thông viết:

Ngục tối trong tim càng cháy lửa

Xích xiềng không khoá nổi lời ca.

Trăm sông ngòi núi chân không ngã,

Yêu nước, yêu người, yêu cỏ hoa...

...Vẫn thơ của Bác vẫn thơ thép

Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình.

* **Ngắm trăng:**

- Là bài thứ 21 trong tập NKTT, được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút vui đùa hóm hỉnh, tất cả toát lên 1 cảm giác vui thích, sảng khoái.

- Bài thơ ghi lại cảnh ngắm trăng, qua đó thể hiện tình yêu trăng, yêu thiên nhiên, tinh thần lạc quan yêu đời và phong thái ung dung của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.

Bài thơ được sáng tác trong ngục tù của Tưởng Giới Thạch, in trong tập “*Nhật kí trong tù*”.

Bài thơ được viết bằng chữ Hán, thể thơ tứ tuyệt, thể hiện tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung của Hồ Chí Minh.

Nghệ thuật :

- Nhà tù và cái đẹp, ánh sáng và bóng tối nhà tù, vàng trăng và người nghệ sĩ lớn, thế giới bên trong và ngoài nhà tù,... sự đối sánh tương phản vừa có tác dụng thể hiện sức hút của những vẻ đẹp khác nhau ở bài thơ này, vừa thể hiện sự hô ứng, cân đối thường thấy trong thơ truyền thống.

- Tài năng Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn ngôn ngữ thơ.

Ý nghĩa văn bản:

Tác phẩm thể hiện sự tôn vinh cái đẹp của tự nhiên, của con người bất chấp hoàn cảnh tù ngục.

* **Đi đường:**

- Là bài số 30 trong tập thơ NKTT.

- Bài thơ nói lên những suy ngẫm của tác giả về đường đời vô cùng gian lao vất vả, luôn luôn đứng trước bao thử thách khó khăn, phải có dũng khí và quyết tâm vượt lên để giành thắng lợi. Con đường ở đây mang hàm nghĩa là con đường c/m

Hoàn cảnh ra đời: trong thời gian Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ (từ tháng 8 – 1942 đến tháng 9 – 1943).

Ý nghĩa triết lí .

- Con đường cách mạng nhiều thử thách chông gai nhưng chắc chắn sẽ có kết quả tốt đẹp.

- Người cách mạng phải rèn luyện ý chí kiên định, phẩm chất kiên cường.

Nghệ thuật :

- Kết cấu chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, bình dị, gợi hình ảnh và giàu cảm xúc.

- Tác dụng nhất định của bản dịch thơ trong việc chuyển dịch một bài thơ viết bằng chữ Hán sang tiếng Việt.

Ý nghĩa văn bản:

Đi đường viết về việc đi đường gian lao, từ đó nêu lên triết lí về bài học đường đời, đường cách mạng: vượt qua gian lao sẽ tới thắng lợi vẻ vang.

II. Văn nghị luận:

1. *Chiếu dời đô*:

a. Tác giả: Lý Công Uẩn (974-1028) – tức Lý Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang – Nay là xã Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh. Thuở nhỏ ông được học chữ, học võ nghệ ở các chùa nổi tiếng vùng Kinh Bắc. Sau đó ông trở thành võ tướng của triều Lê, từng lập được nhiều chiến công, làm đến chức Tả thận vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Ông là người tài trí, đức độ, kín đáo, nhiều uy vọng, được quân sĩ và tầng lớp sư sãi tín phục.

Năm 1009, Lê Ngọa Triều chết, ông được quần thần và nhiều vị Thiền sư ủng hộ, tôn lên làm vua, mở đầu triều đại nhà Lý (1009-1225)

Lý Công Uẩn(974-1028) tức Lý Thái Tổ, vị vua khai sáng triều Lý, là vị vua anh minh, có chí lớn và lập nhiều chiến công.

b. Tác phẩm:

***Chiếu:** là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh cho thần dân biết về 1 chủ trương lớn, chính sách lớn của nhà vua và triều đình. Chiếu có ngôn từ trang trọng, tôn nghiêm, được viết bằng thể văn xuôi cổ, thường có đối và có vần (văn biên ngẫu).

Chiếu dời đô được viết bằng chữ Hán, ra đời gắn liền với sự kiện lịch sử trọng đại: thành Đại La(Hà Nội ngày nay) trở thành kinh đô của nước Đại Việt dưới triều Lý và nhiều triều đại phong kiến Việt Nam. Chiếu: là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.

*** Chiếu dời đô (viết bằng chữ Hán – Bản dịch của Nguyễn Đức Vân):**

Năm 1010, Lý Công Uẩn – tức vua Lý Thái Tổ, viết *Thiên đô chiếu* trong h/c đất nước thái bình thể hiện mong muốn dời đô từ Hoa Lư – Ninh Bình ra thành Đại La rộng lớn, thuận tiện cho việc mở mang và củng cố, bảo vệ đất nước, sau đổi tên là Thăng Long.

Chiếu dời đô là 1 văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn. Nó đánh dấu sự vươn dậy, ý chí tự cường của dt ta. Nó thể hiện sự lớn mạnh của đất nước ta,

nhân dân ta trên con đường xây dựng 1 chế độ phong kiến tập quyền hùng mạnh để bảo vệ nền độc lập, tự chủ của Đại Việt. Nó mở ra 1 kỉ nguyên mới, kỉ nguyên Thăng Long huy hoàng.

Tuy là 1 bài chiếu có ý nghĩa ban bố mệnh lệnh nhưng *Chiếu dời đô* lại có sức thuyết phục bởi nó hợp với lẽ trời, lòng dân. Tác giả đã sử dụng 1 hệ thống lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, giọng điệu mạnh mẽ, khoẻ khoắn để thuyết phục dân chúng tin và ủng hộ kế hoạch dời đô của mình.

Hình thức :

- Gồm có bố cục 3 phần chặt chẽ.
- Giọng văn trang trọng, thể hiện suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của tác giả về một vấn đề hết sức quan trọng của đất nước.
- Lựa chọn ngôn ngữ có tính chất tâm tình, đối thoại:
- + Là mệnh lệnh nhưng *Chiếu dời đô* không sử dụng hình thức mệnh lệnh.
- + Câu hỏi cuối cùng làm cho quyết định của nhà vua được người đọc, người nghe tiếp nhận, suy nghĩ và hành động một cách tự nguyện.

Ý nghĩa văn bản:

Ý nghĩa lịch sử của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long và nhận thức về vị thế, sự phát triển đất nước của Lí Công Uẩn.

2. *Hịch tướng sĩ*:

a. Tác giả: Trần quốc Tuấn (1231 ? – 1300), là con của An Sinh Vương Trần Liễu, tước Hưng Đạo Vương. Năm 1257, lần đầu tiên quân Mông cổ sang đánh nước ta, ông đã được cử cầm quân trấn giữ biên thủy phía Bắc. Hai lần sau, năm 1285 và 1287, quân Mông cổ nguyên lại đem quân sang XL nước ta, ông lại được Trần Nhân Tông cử làm tiết chế thống lĩnh các đạo quân, cả 2 lần đều thắng lợi vẻ vang. Trần Quốc Tuấn yêu người hiền, trọng kẻ sĩ, môn khách của ông có những người nổi tiếng như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu... Đời Trần Anh Tông, ông về trí sĩ ở Vạn Kiếp (Nay là xã Hưng Đạo - Chí Linh – Hải Dương) rồi mất ở đó. Nhân dân tôn thờ ông là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1231?-1300) là một danh tướng đời Trần có công lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

Hịch là thể văn chính luận trung đại, có kết cấu chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dùng để khích lệ tình cảm, tinh thần đấu tranh chống kẻ thù .

- “*Hịch tướng sĩ*” được Trần Quốc Tuấn viết để kêu gọi tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược, sẵn sàng đối phó với âm mưu của giặc Mông- Nguyên xâm lược nước ta lần hai (1285).

Hình thức :

- Lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác .
- Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ ...) chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức ; tập trung vào một hướng nhiều phương diện).
- Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành, gây xúc động trong người đọc .

Ý nghĩa văn bản:

“Hịch tướng sĩ” nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.

b. Tác phẩm:

***Hịch tướng sĩ** là bài văn nghị luận bằng chữ Hán, được viết trước khi xảy ra cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 2 (1285). TQT viết bài hịch này để thức tỉnh lòng yêu nước và lòng căm thù giặc, đồng thời khích lệ tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược, cổ vũ tinh thành hăng say luyện tập quân sự, quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.

3. Nước Đại Việt ta:

a. Tác giả:

Nguyễn Trãi là bậc anh hùng dân tộc, một nhân vật toàn tài hiếm có nhưng lại phải chịu những oan khiên thảm khốc.

Nhà thơ, nhà văn kiệt xuất, danh nhân văn hoá thế giới, có những đóng góp lớn cho sự phát triển của văn hoá, văn học dân tộc.

- Nguyễn Trãi (1380 – 1442), hiệu Ức Trai, quê ở Chi Ngại (CL-HD), cha là Nguyễn Phi Khanh, mẹ là Trần Thị Thái – con Trần Nguyên Đán – 1 quý tộc đời Trần.

- Là người có công lớn trong cuộc kn Lam Sơn.

- Đất nước thái bình, ông hăng hái giúp vua thì xảy ra việc vua chết đột ngột ở Trại Vải (Lệ Chi Viên – Bắc Ninh). Bọn gian thần trong triều vu cho ông âm mưu giết vua, khép vào tội chu di tam tộc năm 1442. Nỗi oan tày trời ấy, hơn 20 năm sau, năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải toả, cho sưu tầm lại thơ văn ông và tìm người con trai sống sót cho làm quan.

- Dâng *Bình Ngô sách* với chiến lược tâm công.

- Thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo công văn giấy tờ, thư từ giao thiệp với quân Minh; cùng Lê Lợi và các tướng lĩnh bàn bạc quân mưu.

- Kháng chiến thắng lợi, thừa lệnh Lê Lợi viết *Bình Ngô sách*.

- Là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, văn võ song toàn, danh nhân văn hoá thế giới.

b. Tác phẩm:

- Văn chính luận có vị trí quan trọng trong sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Trãi.

- Năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. *Bình Ngô đại cáo* đã được Nguyễn Trãi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428)

Cáo : Thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sự nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục 4 phần, đoạn trích thuộc phần đầu của bài *Bình Ngô đại cáo*.

"*Nước Đại Việt ta*" là một đoạn trích tiêu biểu trong áng thiên cổ hùng văn *Bình Ngô đại cáo* có nội dung tư tưởng sâu sắc.

Hình thức :

Đoạn văn tiêu biểu cho nghệ thuật hùng biện của văn học trung đại:

- Viết theo thể văn biền ngẫu.

- Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn, lời văn trang trọng, tự hào.

Ý nghĩa văn bản:

Nước Đại Việt ta thể hiện qua niệ̣m tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về Tổ quốc, và có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập.

Bình Ngô đại cáo: Do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo đầu năm 1428, công bố cuộc kháng chiến chính nghĩa của quân LS chống giặc Minh đã kết thúc thắng lợi, mở ra 1 kỉ nguyên thanh bình độc lập của đất nước.

- Nước Đại Việt ta: Là đoạn văn trích phần mở đầu bài cáo.
- Đoạn văn trích có ý nghĩa nêu tiêu đề chính nghĩa cho toàn bài. Nguyễn Trãi đã khẳng định 2 chân lí làm nền tảng để phát triển nội dung bài cáo: Tư tưởng nhân nghĩa và chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền củ dt Đại Việt.
- Với cách lập luận chặt chẽ và hùng hồn, đoạn trích có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là 1 nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có phong tục riêng, có chủ quyền riêng, có truyền thống lịch sử; kẻ XL là phản nhân nghĩa, nhất định thắng lợi.

4. Bàn luận về phép học:

a. Tác giả:

- Nguyễn Thiếp (1723 – 1804) – Hà Tĩnh. Tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ – La Sơn Phu Tử.
- Là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, từng đỗ đạt, làm quan dưới triều Lê, sau từ quan về dạy học.
- *La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp* (1723 – 1804) quê ở Hà Tĩnh, là người học rộng, hiểu sâu, đỗ đạt dưới triều Lê và được người đời kính trọng.
- Đoạn trích là một phần bản tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung khi ông vào Phú Xuân hội kiến với nhà vua.
- Giống với các thể loại khác (khải, sớ ...) tấu là thể loại văn thư của bề tôi được viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc biền ngẫu, trình lên vua chúa kiến nghị, đề nghị của mình.

b. Tác phẩm:

- Trích trong bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung 8-1791.
- Tấu là 1 loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.
- Với cách lập luận chặt chẽ, bài “Bàn luận về phép học” giúp ta hiểu được mục đích của việc học để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải cầu danh lợi. Muốn học tốt, phải có phương pháp học đúng đắn, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, học phải đi đôi với hành.

Nghệ thuật:

- Lập luận: đối lập hai quan niệm về việc học, lập luận của Nguyễn Thiếp bao hàm sự lựa chọn. Quan niệm, thái độ phê phán ấy cho thấy trí tuệ, bản lĩnh, nhận thức tiến bộ của người trí thức chân chính. Quan niệm ấy vẫn còn có ý nghĩa đối với chúng ta hôm nay.
- Có luận điểm rõ ràng, lí lẽ chặt chẽ, lời văn khúc chiết, thể hiện tấm lòng của người trí thức chân chính đối với đất nước.

Ý nghĩa văn bản:

Bằng hình thức lập luận chặt chẽ, sáng rõ, Nguyễn Thiệp nêu lên quan niệm tiến bộ của ông về sự học.

II. Văn học nước ngoài:

1. Đi bộ ngao du:

a. Tác giả: Ru – xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học có tư tưởng tiến bộ nước Pháp ở thế kỷ XVIII.

- Giảng Giấc Ru-xô (1712 – 1778) là nhà văn, nhà tư tưởng lớn của nước Pháp TK 18.

b. Tác phẩm:

Văn bản trích trong tác phẩm “Ê-min hay về giáo dục” và nêu quan điểm muốn ngao du học hỏi, cần phải đi bộ.

- Tác phẩm Ê-min hay Về giáo dục (1762), Ru-xô bàn về chuyện giáo dục một em bé từ lúc sơ sinh cho đến lúc trưởng thành qua câu chuyện về chú bé Ê-min.

- Để chứng minh muốn ngao du cần phải đi bộ, tg dùng những lí lẽ và thực tiễn c/s mà bản thân đã trải qua để tạo nên lập luận chặt chẽ, sinh động, có sức thuyết phục. Qua bài văn, có thể thấy rõ tác giả là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu mến thiên nhiên.

Nghệ thuật:

- Đưa dẫn chứng vào bài tự nhiên, sinh động, gắn với thực tiễn cuộc sống .

- Xây dựng các nhân vật của hoạt động giáo dục : một thầy và một học.

- Sử dụng đại từ nhân xưng “tôi”, “ ta” hợp lí, gắn kết được nội dung mang tính khái quát và kiến thức mang tính chất trải nghiệm cá nhân, kinh nghiệm của bản thân người viết, làm cho lập luận thêm thuyết phục.

Ý nghĩa văn bản:

Từ những điều mà “đi bộ ngao du” đem lại như tri thức, sức khỏe, cảm giác thoải mái, nhà văn thể hiện tinh thần tự do dân chủ - tư tưởng tiến bộ của thời đại.

*Rút kinh nghiệm:

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

HỘI THOẠI (tiếp)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm khái niệm vai XH, lượt lời và biết vận dụng hiểu biết về những vấn đề ấy vào quá trình hội thoại nhằm đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2. Năng lực: HS có kĩ năng tìm hiểu, vận dụng những kiến thức về hội thoại vào đời sống giao tiếp. Năng lực sử dụng ngôn ngữ

3. Phẩm chất: HS có ý thức lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp hoàn cảnh giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về **Hội thoại**

b) Nội dung: Thực hiện HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

c) Sản phẩm: Trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu câu hỏi :

Vai xã hội được xác định bởi những quan hệ nào? Để giao tiếp tốt chúng ta phải lưu ý điều gì?

- HS tiếp nhận, trả lời:

- Quan hệ trên- dưới, ngang hàng.
 - + Thứ bậc trong gia đình.
 - + Thứ bậc xã hội.
 - + Tuổi tác.
- Quan hệ thân- sơ.
- Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.

=>GV nhận xét, gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Trong tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu vai xã hội. Xác định được vai xã hội ta sẽ có cách cư xử cho phù hợp. Khi tham gia hội thoại, ai cũng được nói nhưng nói ntn để thể hiện mình là người lịch sự. Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Lược lời trong hội thoại

a) Mục đích: Giúp HS tìm hiểu và nắm được: lược lời trong hội thoại

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động nhóm

c) Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Giáo viên nêu yêu cầu:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong cuộc thoại trên mỗi nhân vật nói bao nhiêu lượt? 2. Em thấy cuộc đối thoại giữa Hồng và bà cô có ai không được nói không? 3. Vậy em hiểu lược lời là gì? 4. Trong cuộc thoại bao nhiêu lần lẽ ra Hồng được nói nhưng không nói? Sự im lặng ấy thể hiện thái độ 	<p>Lược lời trong hội thoại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong cuộc thoại trên mỗi nhân vật nói: <ol style="list-style-type: none"> a. Các lược lời của bà cô: <ol style="list-style-type: none"> 1. Hồng! Mà có muốn vào ...không? 2. Sao lại không vào? Mợ mà phát tài lắm...đâu!. 3. Mà đại quá... em bé chứ. 4. Vậy mà hỏi cô Thông – tên người. 5. Mà lại rằm tháng tám này... b. Lược lời của Hồng: <ol style="list-style-type: none"> 1. Không ! Cháu không muốn vào.

<p>của Hồng đối với lời nói của người cô ntn?</p> <p>5. Vì sao Hồng không cắt lời bà cô nói những điều Hồng không muốn nghe</p> <p>6. Qua đó ta rút ra chú ý gì khi tham gia hội thoại?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Học sinh</i>: làm việc cá nhân.</p> <p>+ <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, bổ sung kiến thức và chuẩn kiến thức.</p>	<p>2. Sao cô biết mẹ con có con.</p> <p>2. - Trong cuộc thoại ai cũng được nói.</p> <p>3. - Mỗi lần có một người tham gia lượt lời hội thoại nó được gọi là một lượt lời.</p> <p>4.- Trong cuộc thoại, lẽ ra Hồng được nói:</p> <p>Lần 1: sau lượt lời (1) của người cô.</p> <p>Lần 2: sau lượt lời (3) của bà cô.</p> <p>- Sự im lặng ấy thể thái độ bất bình của Hồng trước những lời nói thiếu thiện chí của bà cô.</p> <p>5. - Hồng không cắt lời người cô vì Hồng ý thức được rằng Hồng là người thuộc vai dưới cho nên phải kìm chế để giữ thái độ lễ phép của người dưới đối với người trên.</p> <p>6. Qua đó ta thấy: Khi tham gia hội thoại phải tôn trọng lượt lời của người đối thoại, cần tránh nói tranh lượt của người khác hoặc “cướp lời” khi người khác chưa kết thúc lượt lời của họ.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.

b) Nội dung: Thực hiện HĐ cá nhân (bài 4). HĐ cặp đôi (bài 3), HĐ nhóm (bài 1,2)

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: *Bài tập 1,2,3*

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:

1. Bài tập 1:

HS đọc – h/s khác theo dõi.

a, Số lượt lời tham gia hội thoại:

- Người nói nhiều lượt nhất đó là cai lệ và chị Dậu.

- Người nhà Lí trưởng nói ít hơn.

- Anh Dậu nói với vợ sau khi cuộc xung đột giữa chị Dậu với cai lệ và người nhà Lí trưởng đã kết thúc.

- Cai lệ là kẻ duy nhất cắt lời người khác trong hội thoại.

b, Cách thể hiện vai xã hội:

- Chị Dậu từ chỗ nhún nhường (xưng cháu, gọi cai lệ là “ông”) đã vùng lên kháng cự (xưng tao, gọi cai lệ là mày, đe dọa cai lệ ...).

- Cai lệ lời nói hống hách.

- Người nhà Lí trưởng có phần giữ gìn hơn (gọi vợ chồng anh Dậu là anh, chị xưng tôi). => Tính cách mỗi nhân vật:

- Chị Dậu là người phụ nữ đảm đang, yêu thương chồng con, nhẫn nhịn nhưng khi cần vẫn vùng lên quyết liệt.

- Anh Dậu là người cam chịu, bạc nhược.
- Cai Lệ: là kẻ tiểu nhân không có chút tình người.
- Người nhà Lí trưởng: là tên tay sai, theo đám ăn tàn.

2. Bài tập 2:

- Thoạt đầu cái Tí nói rất nhiều, rất hồn nhiên, còn chị Dậu chỉ im lặng. Về sau, cái Tí nói ít hẳn đi, còn chị Dậu nói nhiều hơn.
 - Việc miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật trong cuộc thoại như vậy rất phù hợp : Thoạt đầu, cái Tí rất vô tư vì nó chưa biết sắp bị bán đi, còn chị Dậu thì đau lòng vì buộc phải bán con nên chỉ im lặng.
 - Về sau, cái Tí biết là bị bán nên sợ hãi và đau buồn, ít nói hẳn đi, còn chị Dậu phải nói để thuyết phục cả hai đứa con nghe lời mẹ.
 - Cái Tí hồn nhiên kể lể với mẹ nó những việc nó đã làm, khuyên bảo thằng Dần để phân củ khoai to cho bố mẹ, hỏi thăm mẹ ... càng làm cho chị Dậu thêm đau lòng khi gạt nước mắt bảo đứa con ngoan hiền.
- => Tô đậm nổi bật hạnh đang giáng xuống đầu cái Tí

3. Bài tập 3:

Trong đoạn trích có hai lần nhân vật “tôi” im lặng

- Lần 1 : Im lặng vì ngỡ ngàng, hãnh diện, xấu hổ
- Lần 2 : Im lặng vì xúc động trước tâm hồn và lòng nhân hậu của cô em gái

4. Bài tập 4:

- Trong trường hợp phải giữ bí mật, thể hiện sự tôn trọng người đối thoại thì “im lặng là vàng”
- trong trường hợp cần phải phát biểu chứng kiến để ủng hộ cái đúng, phê phán cái sai thì im lặng... sẽ đồng nghĩa với hèn nhát.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) **Nội dung:** Thực hiện HĐ cá nhân

c) **Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

d) **Tổ chức thực hiện:**

- Gv: Viết một đoạn văn hội thoại ngắn (chủ đề tự chọn), sau đó chỉ rõ lượt lời của các nhân vật.
- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi, GV đánh giá câu trả lời của HS => GV chốt kiến thức.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ BIỂU CẢM VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về văn nghị luận.
- Cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục ý thức về việc viết văn nghị luận

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Đề bài: Sự bổ ích của những chuyến tham quan, du lịch đối với học sinh.

I. Tìm hiểu đề và tìm ý

? Để viết được bài văn nghị luận hay, chặt chẽ, logic, chúng ta cần trải qua những bước nào?

- Tìm hiểu đề và tìm ý.
- Lập dàn ý.
- Viết bài.
- Sửa bài.

? Bài làm cần sáng tỏ vấn đề gì? Cho ai? Cần làm theo kiểu lập luận nào?

- Thể loại: Nghị luận chứng minh.
- Vấn đề: Sự bổ ích của những chuyến tham quan, ...
- Phạm vi dẫn chứng: thực tế.

? Để làm sáng tỏ vấn đề trên, cách sắp xếp các luận điểm theo trình tự dưới đây đã hợp lí chưa? Vì sao?

- Các luận điểm đưa ra khá toàn diện, phong phú nhưng thiếu mạch lạc, sắp xếp các ý còn lộn xộn.

? Hãy sắp xếp lại hệ thống luận điểm trên cho hợp lí?

- e -> d -> a -> c -> b.

II. Lập dàn bài

a. Mở bài:

Nêu lợi ích của việc đi tham quan.

b. Thân bài:

* Về thể chất: những chuyến tham quan, du lịch giúp chúng ta thêm khỏe mạnh.

* Về tình cảm: những chuyến tham quan du lịch giúp chúng ta:

- Tìm thêm được thật nhiều niềm vui mới cho bản thân.
- Có thêm tình yêu đối với thiên nhiên, với quê hương đất nước.

* Về kiến thức: những chuyến tham quan du lịch giúp chúng ta:

- Hiểu sâu hơn, cụ thể hơn những điều được học trong trường lớp qua những điều mắt thấy, tai nghe.

- Dem lại nhiều bài học còn chưa có trong sách vở của nhà trường.

c. Kết bài:

Khẳng định tác dụng của hoạt động tham quan (Tham quan du lịch quả thật là hoạt động bổ ích, mọi người cần tích cực tham gia).

III. Luyện tập

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	NỘI DUNG
<p>? Xác định các yếu tố biểu cảm trong đoạn văn? Cảm xúc ấy được biểu hiện ntn trong đoạn văn?</p> <p>? Xác định luận điểm trong đoạn văn trên? Đoạn văn ấy nằm ở vị trí nào trong bài văn?</p> <p>? Nếu phải viết đoạn văn cho luận điểm ấy, em cần bày tỏ tình cảm gì?</p> <p>? Vậy đoạn văn trên đã biểu hiện đúng, đủ những tình cảm chưa? Có cần thiết tăng cường yếu tố biểu cảm cho đoạn văn nữa không?</p> <p>? Nếu đưa các từ ngữ biểu cảm: biết bao nhiêu, diệu kì thay, có ai...lại, làm sao có được...có được không? Nên đưa vào chỗ nào trong đoạn văn?</p> <p>GV chép đoạn văn (b) ra bảng phụ. Đọc đoạn văn.</p> <p>? Có thể thay đổi một số câu văn để đoạn văn có thêm sức truyền cảm không? Viết lại đoạn văn cho hợp lí hơn?</p> <p>GV chép đoạn văn (b) ra bảng phụ. Đọc đoạn văn.</p> <p>HS viết đoạn văn.</p> <p>? Gọi h/s đọc đoạn văn? (2-3h/s).</p> <p>HS khác nhận xét. (Đoạn văn có yếu tố biểu cảm chưa? Tình cảm biểu hiện chân thành hay khuôn sáo?).</p> <p>G: Tổng kết những ưu, nhược điểm đã đạt được hoặc đề khắc phục sửa chữa.</p>	<p>- Niềm vui sướng, hạnh phúc tràn ngập vì được đi bộ.</p> <p>- Cảm xúc ấy được biểu hiện ở giọng điệu, ở các từ n ngữ biểu cảm, câu cảm thán.</p> <p>VD: Biết bao hứng thú, thú vị, vui vẻ, ta hân hoan biết bao, ta thích thú biết bao, ta ngủ ngon giấc biết bao!</p> <p>- Luận điểm: Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta thật nhiều niềm vui. Đoạn văn nằm ở phần thân bài của bài văn (luận điểm 2).</p> <p>- Cảm xúc trước khi đi, trong khi đi, sau khi về (hồi hộp, náo nức chờ đợi, ngạc nhiên, thích thú, cảm động, hài lòng, nuối tiếc...) nhưng cảm xúc phải chân thật.</p> <p>- Yếu tố biểu cảm đã được thể hiện khá rõ trong đoạn văn qua các từ ngữ và cách xưng hô.</p> <p>VD: Chắc các bạn vẫn chưa quên, không ai trong chúng ta kìm nổi một tiếng reo, tôi để ý thấy, rạng rỡ dần lên, niềm sung sướng ấy</p> <p>-> Tuy nhiên vẫn có thể gia tăng yếu tố biểu cảm trong từng câu, từng đoạn thêm phong phú.</p> <p>- Để biểu đạt được tình cảm của mình ta có thể sử dụng các từ ngữ biểu cảm.</p> <p>Không chỉ tăng cường sức mạnh tâm hồn. Bạn còn nhớ cái lần cả lớp mình cùng đến thăm Vịnh Hạ Long không? Hôm ấy, có ai trong chúng ta lại kìm nổi một tiếng reo, khi sau một chặng đường dài,Nỗi buồn</p>

	kia, điều kì thay, đã tan đi hẳn như có một phép màu. Làm sao có được niềm sung sướng ấy khi chúng ta suốt năm chỉ quần quanh trong căn nhà, nơi góc phố hay trên con đường mòn quen thuộc?
--	---

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

I. MỤC TIÊU: hs tiếp tục nắm được

1. Kiến thức: Có một số hiểu biết sơ giản về trật tự từ trong câu, cụ thể: Khả năng thay đổi trật tự từ và hiệu quả diễn đạt của những trật tự từ khác nhau.

2. Năng lực: HS có kĩ năng lựa chọn trật tự từ khi nói, viết. Năng lực lựa chọn trật tự từ đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý thức lựa chọn trật tự từ khi nói, viết phù hợp với yêu cầu phản ánh thực tế và diễn tả tư tưởng, tình cảm của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về **Lựa chọn trật tự từ trong câu**

b) Nội dung: Thực hiện HĐ cá nhân, HĐ cả lớp.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv: nêu câu hỏi

? Nếu lập luận nêu lợi ích của việc đi bộ thì em sẽ chọn trình bày các dẫn chứng nào trước, dẫn chứng nào sau? Vì sao em chọn cách đó?

- HS tiếp nhận, trả lời đáp án:

- + Đi bộ có rất nhiều lợi ích
- + Đi bộ giúp ta thư giãn, thích đi thì đi, thích dừng thì dừng
- + Đi bộ giúp ta có thời gian quan sát những thứ xung quanh nhiều hơn. Ta nhìn sang trái, ta nhìn sang phải, ta nhìn lên cao

-> Đó là trình tự của hành động

=> GV nhận xét đánh giá , gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Vậy việc sắp xếp thứ tự như vậy có đúng không -> chúng ta sẽ tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận xét chung

- a) **Mục đích:** Hs hiểu trật tự từ có nhiều cách sắp xếp, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng
- b) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động nhóm
- c) **Sản phẩm:** phiếu học tập của học sinh
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Giáo viên</i> nêu yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có thể thay đổi trật tự từ trong câu in đậm theo cách nào để ý nghĩa cơ bản không thay đổi? 2. Vì sao tác giả lựa chọn trật tự từ như trong đoạn? 3. Hãy thử chọn một trật tự từ khác và nhận xét? <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>+ <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, HS ghi vào vở.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có thể thay đổi: 2. Cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ. 3. Cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, gõ đầu..... 4. Thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ..... 5. Bằng giọng khàn khàn của người hút ...cũ, cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét..... 6. Bằng giọng khàn khàn củaxái cũ, gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét. 7. Gõ đầu roi xuống đất, bằng giọngxái cũ, cai lệ thét. <p>2.</p> <p>- Việc lặp lại từ “roi” ở ngay đầu câu có tác dụng liên kết câu ấy với câu trước.</p> <p>- Từ “ thét” tạo sự liên kết với câu sau.</p> <p>- Việc mở đầu bằng cụm từ “gõ đầu roi xuống đất” nhấn mạnh vị thế xã hội và thái độ hung hãn của cai lệ.</p>

Hoạt động 2: Một số tác dụng của sự sắp xếp trật tự

- a) **Mục đích:** Hs một số tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu
- b) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động cặp đôi
- c) **Sản phẩm:** phiếu học tập của học sinh
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	Một số tác dụng của sự sắp xếp trật tự

<p>vụ:</p> <p>- <i>Giáo viên</i> nêu yêu cầu:</p> <p>1. Trật tự từ trong những câu in đậm thể hiện điều gì?</p> <p>2. So sánh tác dụng của những cách sắp xếp trật tự từ trong các VD trên?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Học sinh</i>: làm việc cặp đôi.</p> <p>+ <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá.</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức, HS ghi vào vở.</p>	<p>1. Trật tự từ trong những câu in đậm thể hiện:</p> <p>VD a: Thể hiện thứ tự trước sau của hoạt động.</p> <p>VD b: “Cai lệ và người nhà Lí trưởng”: thể hiện thứ bậc cao thấp của các nhân vật. (Cai lệ có địa vị xã hội cao hơn người nhà Lí trưởng).</p> <p>- Phản ánh thứ tự xuất hiện của các nhân vật: cai lệ đi trước, người nhà Lí trưởng theo sau.</p> <p>* “Roi song, thước và dây thừng tương ứng với trật tự của cụm từ đứng trước: cai lệ mang roi song, người nhà lí trưởng mang tay thước và dây thừng.</p> <p>2.</p> <p>- Thể hiện thứ tự của sự việc, hành động.</p> <p>- Thể hiện vị thế xã hội của nhân vật.</p> <p>- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.</p> <p>- Tạo liên kết câu.</p> <p>- Tạo nhịp điệu cho câu.</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.

b) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động nhóm.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

d) **Tổ chức thực hiện:**

- *GV* giao bài tập, *HS* tiếp nhận, trả lời:

a, Kể tên các vị anh hùng dân tộc theo thứ tự xuất hiện của các vị ấy trong lịch sử.

b, Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi! Cụm từ “đẹp vô cùng” đặt trước hô ngữ “Tổ quốc ta ơi!” để nhấn mạnh vẻ đẹp của đất nước mới được giải phóng.

- Hô ô: đưa lên trước để bắt vần lưng với “sông Lô”: tạo cảm giác kéo dài, thể hiện sự mệnh mang của sông nước; đồng thời đảm bảo cho câu thơ bắt vần với câu trước (ngạt, hát)

-> Tạo ra sự hài hoà về ngữ âm cho khổ thơ.

c. Lặp cụm từ “mặt thám” và “đội con gái” tạo sự liên kết với câu đứng trước.

- *HS* nhận xét, bổ sung đánh giá

- *GV* nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục đích:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

b) **Nội dung:** Thực hiện HĐ cá nhân

c) **Sản phẩm:** Bài viết của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:
- + Viết đv 4- 6 câu sd trật tự từ(đề tài tự chọn)
- + Giải thích cách sắp xếp trật tự từ.
- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:
- + Đi bộ có lợi ích thật là to lớn đối với sức khỏe.
- + Đi bộ giúp thư giãn cơ thể, lưu thông khí huyết, ăn ngon, ngủ ngon, giảm một số bệnh tật ...

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TRẢ BÀI LUYỆN TẬP VIẾT TẬP LÀM VĂN SỐ 6

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức: Nhận rõ những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình về nội dung, về hình thức trình bày, qua đó củng cố thêm một bước về thể loại văn thuyết minh.

2. Năng lực:

Năng lực: Phát triển các năng lực như:

- + Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...
- + Năng lực chuyên biệt: Khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Lập kế hoạch dạy học, chấm bài

2. Chuẩn bị của học sinh: Nghiên cứu bài học, chuẩn bị theo sự phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề, xây dựng đáp án ? Gọi h/s đọc lại đề bài? ? Yêu cầu h/s xác định y/c của đề bài? Yêu cầu: Xác định đúng thể loại: Nghị luận.	I. Đáp án Đề bài: Từ bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ mối quan hệ giữa “học” và “hành”. Biểu điểm chấm I. Mở bài: 1đ - "Bàn luận về phép học" là một phần trong bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi cho vua Quang Trung để bàn bạc, tìm cách đổi mới cho phương thức học tập thời bấy giờ. Văn bản nghị luận này không chỉ

<ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng đối tượng nghị luận: quann điểm về mối quan hệ giữa học và hành. - Diễn đạt trong sáng, sinh động. - Câu văn đúng chính tả, đúng ngữ pháp, viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp. - HS lập dàn ý, nhận xét, bổ sung và tự chữa bài <p>HS lắng nghe -> Tự rút ra kinh nghiệm trong bài viết của mình.</p>	<p>có giá trị đương thời mà còn ảnh hưởng đến cách học của chúng ta sau này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học phải đi đôi với hành. Học phải kết hợp với hành là luận điểm tiến bộ trong bài tấu mà ngày nay chúng ta còn làm theo. - Vậy giữa học và hành có quan hệ như thế nào? Chúng ta cần làm rõ vấn đề trên. <p>II. Thân bài: 7đ</p> <p>1. Giải Thích: (2đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học: là hoạt động của trí óc để tiếp thu những cái mới, những điều chưa biết, học còn là bắt chước những cái hay, cái đẹp của người khác. - Hành: là thực hành, là ứng dụng những gì đã học. <p>=> Tác giả khuyên học phải có hành, nghĩa là học và hành phải đi đôi với nhau. Không thể học mà không đi đôi với hành và ngược lại: hành mà không học.</p> <p>2. Tại sao học lại phải đi đôi với hành?(3đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu học chỉ để nhồi nhét 1 mớ kiến thức, sách vở vào đầu thì có ích lợi gì nếu không biết đem những điều đã học ra áp dụng. Học mà không hành như vậy thật là vô ích. Phải biết đem cái học áp dụng vào thực tế thì cái học ấy mới có giá trị. Ngược lại: chỉ hành mà không học theo kiểu: "Trăm hay không bằng hay quen" thì rõ ràng là cực đoan và nguy hiểm. - Hành mà không học thì làm sao biết được đầy đủ kiến thức về sự vật, sự việc ấy để ứng phó trong mọi trường hợp, mọi lĩnh vực. - Hành mà không học thì chỉ là sự mò mẫm chẳng khác nào người đi trong đêm tối. Vừa mất thời gian, vừa hỏng việc. - Rõ ràng kiến thức không phải tự nhiên mà có, tất cả là từ những kinh nghiệm quý báu đã được rút ra từ thực tiễn, có giá trị đúng đắn và được nhiều người chấp nhận. Cho nên hành không thể không học. ý thức được điều này, ông cha ta thường xuyên "học hành, học hỏi, học tập". - Học, hỏi, hiểu, hành là phương trâm mà mọi người cần hướng tới và làm theo nó. <p>3. Tác dụng(2 đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải gắn liền học và hành. Cần hiểu hành ở đây không chỉ là những bài tập áp dụng trong sách vở mà hành còn là những điều đã học phải đem ra áp
---	--

	<p>dụng vào thực tế cuộc sống(Ví dụ: 1 kỹ sư học lý thuyết trong trường, khi về công xưởng anh ta phải biết áp dụng những điều đã học vào thực tế sản xuất, vào cuộc sống.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học để cung cấp kiến thức cho thực hành, giúp cho thực hành dễ dàng hơn. - Học để đem áp dụng kiến thức đã học vào thực tế. Hành còn củng cố, hoàn chỉnh cho học. - Là học sinh còn ngồi ghế nhà trường phải biết áp dụng tốt phương châm học này để việc học ngày càng đạt kết quả tốt hơn. Lời khuyên này còn có tác dụng chỉ ra con đường học tập đúng đắn, nhất là đối với 1 số người lười nhác, không chịu thực hành, chỉ muốn rập khuôn theo lý thuyết. <p>III. Kết bài: 1đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tóm lại qua tư tưởng tiến bộ, Nguyễn Thiếp đã chỉ cho ta thấy được học và hành phải là 2 mặt đồng thời của 1 quá trình học tập. Không được coi nhẹ mặt nào, coi nặng mặt nào. - Bài học cho bản thân em về vấn đề nghị luận trên. <p>II. Nhận xét</p> <p>1, Ưu điểm: Nhiều bài viết đã thể hiện rõ đặc điểm của bài văn nghị luận, bố cục rõ ràng, đầy đủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết kết hợp sử dụng dẫn chứng, lí lẽ - Bài văn diễn đạt trong sáng, mạch lạc, rõ ràng <p>+ VD: - Giang, Huy - Đào</p> <p>2, Nhược điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nắm được cách làm bài văn giải thích nhưng nội dung giải thích chưa rõ ràng, cụ thể từng vấn đề. + Dẫn chứng đơn điệu, chưa đủ làm sáng tỏ luận điểm. + Dùng từ ngữ tùy tiện, thiếu chính xác, câu văn tối nghĩa. <p>III. Trả bài: GV trả bài cho HS xem lại</p> <p>IV. Bổ sung và sửa chữa lỗi của bài viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ ghi lỗi (bài của: - Y/c HS đọc và sửa lỗi * GV cho HS trao đổi hướng sửa chữa các lỗi - Về nội dung: ý và sắp xếp các ý. - Về hình thức: Bố cục, trình bày, diễn đạt, chính tả, ngữ pháp, ... * GV bổ sung, kết luận về hướng và cách sửa lỗi. <p>V. Đọc bài văn hay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bài viết tốt của HS :
--	--

	+ VD: - Thành - Hằng VI. Gọi điểm vào sổ
--	--

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS hiểu được tự sự và miêu tả là hai yếu tố cần thiết trong bài nghị luận. Vì chúng có khả năng giúp người nghe, người đọc nhận thức được nội dung nghị luận một cách rõ ràng.

- Nắm được yêu cầu cần thiết của việc đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài NL.

2. Năng lực: HS có kĩ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực sử dụng yếu tố TS, MT trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm bài văn nghị luận.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Giáo dục ý thức viết bài văn nghị luận có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về *Vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận*.

b) Nội dung: Thực hiện HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

+ Chỉ ra yếu tố tự sự, miêu tả trong câu sau để nêu thực trạng của vc ăn mặc không lành mạnh của 1 số bạn hs:

Gần đây có bạn trút bỏ chiếc áo sơ mi trắng tinh, mà thay vào đó là chiếc áo lòe loẹt, có in hình ảnh của ca sĩ đang ăn khách để diện đến trường.

- HS tiếp nhận, trả lời :

+ yếu tố tự sự: *Gần đây có bạnđể diện đến trường*

+ yếu tố miêu tả: *chiếc áo sơ mi trắng tinh, chiếc áo lòe loẹt, có in hình ảnh của ca sĩ*.

=>GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Vậy khi viết bv nghị luận yt ts và mt đc sd ntn ->chúng ta sẽ tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận

a) Mục đích: Giúp HS tìm hiểu và nắm được: Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động nhóm

c) Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Giáo viên nêu yêu cầu:</i></p> <p>1. Hai luận cứ này có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả, hãy chỉ ra hai yếu tố đó ?</p> <p>2. Vì sao đoạn trích a, b sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả nhưng không phải là văn bản tự sự hay miêu tả ?</p> <p>3. Nhận xét vai trò của các yếu tố tự sự, miêu tả.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + <i>Học sinh:</i> làm việc nhóm. + <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh tự đánh giá. + Học sinh đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức, chuyển.</p>	<p>Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận</p> <p>1. Đoạn a: sử dụng yếu tố tự sự kể về thủ đoạn bắt lính của chính quyền thực dân. Đoạn b: sử dụng yếu tố miêu tả, tả lại cảnh khổ sở của người dân bị bắt lính.</p> <p>2. Các yếu tố TS và miêu tả trong 2 đoạn văn trên nhằm làm sáng tỏ vấn đề: tố cáo tội ác của TD Pháp, không nhằm mục đích miêu tả hay kể đơn thuần</p> <p>3. Vai trò: làm cho đv hấp dẫn, sinh động</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk/ 116.</p> <p>II. Luyện tập: 3. Ghi nhớ: sgk/ 116.</p>

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.

b) Nội dung: Thực hiện HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài2).

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

- Gv yêu cầu làm bài tập 1,2

- HS tiếp nhận, trả lời các BT:

1. Bài tập 1:

Tác dụng:

- Không phải là đoạn văn tả cảnh đêm trăng và tâm trạng người tù trong đêm trăng ấy mà mục đích là khắc họa cụ thể hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “Vọng nguyệt” và tâm trạng người tù thể hiện trong bài thơ.

Yếu tố tự sự - Sắp trung thu. - Đêm trước rằm đầu tiên từ ngày bị giam giữ Mười mấy....đáng ghét của bộ mặt nhà giam. - Phải ra đi với đêm trăng, phải tìm mình trong nguyệt, phải vui, phải làm thơ...	Yếu tố miêu tả - Trời xứ Bắc hắt trong, trăng hắt tròn và sáng. - Bỗng đêm nay trăng sáng quá chừng. - Trong suốt..người tù phải thốt lên .. - Nó ăm ắp tình tứ, nó rạo rực....
---	--

2. Bài tập 2: Bất cần thiết sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự

- Khi phân tích về đẹp trong bài ca dao cần yếu tố miêu tả.
- Nêu vài kỉ niệm về ngắm cảnh đầm sen, chèo thuyền hái sen giữa trời ...

*Rút kinh nghiệm:

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU (Luyện tập)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Vận dụng những kiến thức về trật tự từ trong câu để phân tích hiệu quả diễn đạt của trật tự từ một câu trích từ các tác phẩm VH, chủ yếu là những tác phẩm đã học.

- Viết được một đoạn văn ngắn thể hiện khả năng sắp xếp trật tự từ hợp lí.

2. Năng lực: HS có kĩ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực lựa chọn TTT để sử dụng trong câu đạt hiệu quả cao.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm bài văn nghị luận.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu : Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2, SGV...

2. Học sinh: Soạn bài

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết , giúp học sinh nhận ra cái chưa biết và muốn biết về nội dung bài học
- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về bài thơ, tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.
- Hợp tác khi làm việc.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cặp đôi

c) Sản phẩm: Học sinh trả lời miệng

d) Tổ chức thực hiện:

GV cho vd sau:

- VD1: *Lũ chúng tôi từ tay mẹ **lớn lên***

*Còn những bí và bầu thì **lớn xuống***

(Trích Mẹ và quả - Xuân Quỳnh)

? Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ Lớn lên/ lớn xuống trong 2 câu thơ của Xuân Quỳnh? Có thể thay đổi trật tự của chúng đc ko? Vì sao?

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:

2 chữ lớn lên/ lớn xuống đều đc dùng để miêu tả sự phát triển, thay đổi theo thời gian của lũ chúng tôi và bầu/ bí dưới bàn tay chăm sóc của mẹ

- Ko thể thay thế đc vì : lớn lên: cho thấy sự phát triển đi lên của con người theo thời gian: Ngày càng cao hơn so với mặt đất

Lớn xuống: Cho thấy sự phát triển đi lên theo thời gian của bầu và bí: ngày càng gần hơn so với mặt đất(loại cây leo giàn).

=> Gv nhận xét , đánh giá, Gv gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học.

? Vậy 2 câu thơ Xuân Quỳnh hay là nhờ yếu tố nào? Để tạo nên đc yếu tố ấy, chúng ta cần làm gì?

? Vậy phần trình bày của bạn đã đúng và đủ hay chưa? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Các bài tập sách giáo khoa

a) Mục đích:

- Vận dụng những kiến thức đã học, làm đc các bài tập trong sgk

- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Hoàn thành vào vở ghi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm 1: Làm bài tập 1-2 sgk/ 122/123</p> <p>+ Nhóm 2: làm bài tập 3 sgk trang 123</p> <p>+ Nhóm 3: làm bài tập 4- 5 sgk/123-124</p> <p>+ Nhóm 4: làm bài tập 6 sgk /124</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh:</p> <p>+ Thực hiện hoạt động cá</p>	<p>1. Bài tập 1:</p> <p>a. Thể hiện thứ tự của các công việc cần phải làm để cổ vũ, động viên, phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân.</p> <p>b. Thể hiện thứ tự các việc từ chính đến phụ (Việc làm thường xuyên, hàng ngày kể trước, việc thỉnh thoảng mới làm thì kể sau).</p> <p>2. Bài tập 2:</p> <p>a. Ở tù</p> <p>b. Vốn từ vựng ấy</p> <p>c. Còn 1 can trâu và 1 thúng gạo.</p> <p>d. Trong 10 năm ấy</p> <p>Trong sự thắng lợi ấy</p> <p>-> Tất cả các từ và cụm từ trên đều được đưa</p>

<p>nhân, hoàn thành ra vở nháp</p> <p>+ Nhóm trưởng điều hành thảo luận nhóm</p> <p>+ Thư ký ghi ý kiến thống nhất thành sản phẩm nhóm.</p> <p>- Gv: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh tự đánh giá</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau</p> <p>+ Giáo viên đánh giá</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>lên đầu câu, lặp lại ý của câu trước nhằm để liên kết câu.</p> <p>3. Bài tập 3:</p> <p>a.</p> <p>- Lom khom dưới núi tiêu vài chú Lác đác bên sông chợ mấy nhà.</p> <p>-> Nhấn mạnh sự ít ỏi, thưa thớt của sự sống nơi Đèo Ngang.</p> <p>- Nhớ nước đau lòng con quốc quốc Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.</p> <p>-> Nhấn mạnh nỗi nhớ nước, thương nhà, nỗi buồn man mác của tác giả.</p> <p>b. Rất đẹp hình ảnh lúc nắng chiều.</p> <p>-> Nhấn mạnh hình ảnh đẹp của ánh sáng phản chiếu trong cảnh chiều của rừng núi Tây Bắc.</p> <p>4. Bài tập 4:</p> <p>a. Tôi thấy một anh bộ ngựa trinh trọng tiến vào</p> <p>-> Câu miêu tả bình thường.</p> <p>b. Tôi thấy trinh trọng tiến vào một anh bộ ngựa</p> <p>-> Cụm chủ-vị ở phần vị ngữ bị đảo trật tự từ-> Nhấn mạnh sự ngạo nghễ, vô lối của nhân vật.</p> <p>=> Căn cứ vào văn cảnh, chọn câu b. là phù hợp.</p> <p>5. Bài tập 5:</p> <p>- Cách sắp xếp của tác giả:</p> <p>+ Xanh: màu sắc, đặc điểm bề ngoài (dễ nhận thấy)</p> <p>+ Nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm: Là những phẩm chất bên trong (phải qua thời gian tìm hiểu thì mới nắm bắt được).</p> <p>=> Sắp xếp như tác giả là hợp lí vì: Vừa đúc kết những phẩm chất đáng quý của tre theo trình tự nhận thức của con người, vừa tạo sự hài hoà về mặt ngữ âm.</p> <p>6. Bài tập 6:</p> <p>Thật không thể tin được nếu ta có cơ hội được đi bộ ngao du mà lại không xem xét những tài nguyên mà ta giẫm chân lên, bỏ qua những gì mà trái đất đang phô bày trước mắt một cách phong phú. Một điều chắc</p>
--	---

	<p>chấn là những người có vốn tri thức được trau dồi qua những chuyến ngao du sẽ có cái nhìn gần gũi, sâu rộng hơn về vạn vật xung quanh, hiểu sâu rộng hơn, tường tận hơn về thiên nhiên bao la rộng lớn. Không những thế, đi bộ còn mang lại một lợi ích không kém phần quan trọng và qu giá cho những ai tham gia môn thể thao này đó chính là tăng cường sức khỏe, tính khí trở nên hoà đồng, vui vẻ hơn. Và đi bộ cũng rất tốt cho những ai có những căn bệnh như tim, mạch, cao huyết áp,... Ngoài ra, đối với phái đẹp, đi bộ còn làm cho dáng vẻ cân đối, thon thả,. Đặc biệt, đi bộ còn giúp ta có cảm giác khoan khoái, hài lòng với tất cả, không còn thấy buồn bã, cáu kỉnh. Sau mỗi lần đi bộ, ta ăn cảm thấy ngon miệng hơn, ngủ ngon hơn và sâu giấc hơn. Bên cạnh đó, đi bộ không gây tốn kém lại rất dễ thực hiện, thế nên mọi lứa tuổi đều có thể dễ dàng tham gia môn thể thao này. Cũng chính vì vậy, mặc dù ngày nay có rất nhiều môn thể thao mới xuất hiện, hay và hấp dẫn nhưng đi bộ vẫn được mọi người lựa chọn và yêu thích nhất.</p> <p>Đi bộ với những lợi ích kể trên thì không ai trong chúng ta có thể phủ nhận đi bộ rất có lợi đối với đời sống sức khỏe , tinh thần của con người.</p>
--	---

Hoạt động 2: Các bài tập ngoài sách giáo khoa

a) Mục đích:

- Vận dụng những kiến thức đã học, làm đc các bài tập ngoài sgk
- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Hoàn thành vào vở ghi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>BT1: Cho văn bản sau: LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN</p> <p>Hỡi đồng bào toàn quốc!</p> <p>Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!</p>	<p>BT1.</p> <p>- kết cấu 3 phần của VB :</p> <p>+ MB: nêu lí do kêu gọi toàn quốc kháng chiến</p> <p>+ TB: cách thức kháng chiến và quyết tâm của dân ta trong kháng chiến</p> <p>+ KB: Niềm tin kháng chiến</p>

<p>Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.</p> <p>Hỡi đồng bào!</p> <p>Chúng ta phải đứng lên!</p> <p>Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.</p> <p>Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!</p> <p>Giờ cứu quốc đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.</p> <p>Dù phải gian khổ kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!</p> <p>Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm</p> <p>Kháng chiến thắng lợi muôn năm</p> <p>Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946</p> <p>Hồ Chí Minh</p> <p>? chỉ ra kết cấu chặt chẽ của văn bản trên?</p> <p>? Có thể thay đổi trật tự từ trong câu <i>Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc</i> đc hay ko? Vì sao?</p> <p>BT 2. Cho 2 câu thơ:</p> <p>Thu ăn măng trúc, đông ăn giá Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao</p> <p>Nhàn- Nguyễn Bình Khiêm</p> <p>? Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ thu đông xuân hạ trong 2 câu thơ ? Hiệu quả của cách dùng ấy là gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS: Thực hiện hoạt động cá nhân</p> <p>+ Gv: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Hs trình bày</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ HS khác nhận xét/ bổ sung</p>	<p>nhất định thắng lợi</p> <p>- Ko thể thay đổi vì phá vỡ tính liên kết</p> <p>BT2: cách dùng các từ thu, đông, xuân , hạ: tạo ra 1 bức tranh về 4 mùa/ gợi sự vận động của thời gian khép kín trong năm/ mùa nào thức ấy, cho thấy cuộc sống đậm bạc mà thanh cao của NBK</p>
--	---

+ GV nhận xét và chốt ghi bảng

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**a) Mục đích:**

- củng cố, khắc sâu Kt về nội dung bài học.
- Rèn kỹ năng phát hiện, phân tích
- HS có ý thức chủ động vận dụng KT vào hoàn thành bài tập

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân**c) Sản phẩm:** Hoàn thành vào vở bài tập**d) Tổ chức thực hiện:**

- *GV yêu cầu:* Viết 1 đoạn văn ngắn về lợi ích của việc đọc sách. Giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở 1 câu trong đv vừa viết.

- *HS tiếp nhận và dự kiến trả lời:*

Sách là kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại. Từ xưa, cha ông ta đã lưu lại những hiểu biết phong phú về mọi mặt đời sống xã hội và muôn hình vạn trạng trạng thái vận động của tự nhiên. Và như vậy, sách cung cấp cho ta những tri thức về hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Nhờ đó, khi tiếp xúc với sách, con người có cơ hội tiếp xúc với toàn bộ kho tàng văn hoá của văn minh nhân loại. Đọc sách, ta biết về những gì đã xảy ra trong lịch sử loài người. Có xuất phát điểm từ loài vượn thông minh, con người dần gây dựng được những nền văn minh rực rỡ: văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ai Cập, văn minh Hi Lạp – La Mã,... và từ đó trải qua bao hình thái kinh tế xã hội phức tạp mới có xã hội văn minh, hiện đại như ngày nay. Đọc sách, ta còn biết về những phát minh có ảnh hưởng quan trọng đến sự tiến bộ xã hội: đèn điện, máy bay, điện thoại,... Đặc biệt, nhờ có sách mà ngày nay, ta ngồi trong nhà mà có thể biết về mọi nơi trên thế giới, giống với đi du lịch vậy! Đọc sách quả là công việc vô cùng bổ ích vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**a) Mục đích:**

- HS vận dụng KT đã học viết 1 đoạn văn về lòng yêu nước
- Rèn kỹ năng tạo lập đoạn văn bày tỏ cảm xúc, quan điểm cá nhân về 1 vấn đề.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân**c) Sản phẩm:** Hoàn thành vào vở bài tập**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu: Viết 1 đoạn văn ngắn bày tỏ quan điểm của em về lòng yêu nước ?

- HS tiếp nhận, trả lời đảm bảo đúng hình thức đoạn văn.

- GV đánh giá, nhận xét, chốt bảng.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- củng cố và nắm chắc hơn những hiểu biết về yếu tố tự sự, miêu tả trong văn nghị luận mà các em đã học trong tiết TLV trước.
- Vận dụng các hiểu biết đó để đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào đoạn văn nghị luận, bài văn nghị luận có đề tài gần gũi, quen thuộc.

2. Năng lực: HS có kĩ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực sử dụng yếu tố TS, MT trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm bài văn nghị luận.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu : Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2, SGK...

2. Học sinh: Soạn bài

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích:

- Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết , giúp học sinh nhận ra cái chưa biết và muốn biết về về nội dung bài học
- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về bài thơ, tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.
- Hợp tác khi làm việc.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cặp đôi

c) Sản phẩm: Học sinh trả lời miệng

d) Tổ chức thực hiện:

* GV chuyển giao nhiệm vụ:

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng (trích HTS- TQT)

Đoạn văn gây xúc động cho em về điều gì? Vì sao em lại có sự xúc động ấy?

- HS tiếp nhận, thực hiện trả lời câu hỏi:

- + Đoạn văn gây xúc động mạnh mẽ vì đã dựng lên hình ảnh của 1 chủ tướng có lòng căm thù giặc sâu sắc, có tinh thần yêu nước nồng nàn và đầy trách nhiệm đối với đất nước
- + Có sự xúc động ấy là do các yếu tố miêu tả, biểu cảm đc sử dụng trong đv.

=> Vậy, để 1 bài văn có sức thuyết phục lớn đối với người đọc, cần phải có những yếu tố nào? Vậy phần trình bày của bạn đã đúng và đủ hay chưa? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Luyện tập trên lớp

a) Mục đích:

- vận dụng những kiến thức đã học/ làm bài tập trong sgk
- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Hoàn thành vào vở ghi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>*Đề bài:</p> <p><i>Một số bạn đang đưa đòi theo những lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, truyền thống văn hoá của dân tộc và hoàn cảnh gia đình. Em hãy viết một bài văn nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.</i></p> <p>? Xác định yêu cầu đề bài của đề bài trên(kiểu bài? / Nội dung nghị luận? ? Phạm vi dẫn chứng)</p> <p>? lập dàn ý cho đề bài trên(có những luận điểm/ Luận cứ/ luận chứng nào? Sắp xếp ra sao?)</p> <p>? Theo em, có nên đưa các yếu tố TS và MT trong đv sgk/ 125-126 vào quá trình triển khai LD không? Vì sao?</p> <p>- Gọi HS đọc ví dụ a và b. trong SGK.(Mỗi đoạn văn trình bày 1 LD)</p> <p>? Hãy chỉ ra các yếu tố TS và MT trong từng đoạn văn?</p> <p>? Từ việc tìm hiểu ví dụ, em thấy nếu lược bỏ các yếu tố TS và MT thì các đoạn văn trên sẽ trở nên ntn?Tác dụng của yếu tố MT và TS là gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>1. Định hướng làm bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu bài: Nghị luận (Giải thích kết hợp chứng minh) - Vấn đề nghị luận: Trang phục của học sinh và việc chạy đua theo mốt không phải là học sinh có văn hoá - Phạm vi dẫn chứng: Trong đời sống xã hội <p>2, Xác lập luận điểm</p> <p>a, Gần đây, cách ăn mặc của một số.....lành mạnh như trước nữa.</p> <p>b, Việc chạy theo các mốt ăn mặc ấy có nhiều tác hại (làm mất thời gian.....tốn kém cho cha mẹ)</p> <p>c, Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, lứa tuổi và hoàn cảnh sống.</p> <p>=> Chọn luận điểm phải phù hợp với vấn đề nghị luận.</p> <p>3.Sắp xếp các luận điểm</p> <p>1-a. Gần đây, cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn giản dị, lành mạnh như trước nữa.</p> <p>2-c. Các bạn lầm tưởng rằng, cách ăn mặc như thế sẽ làm cho mình trở nên văn minh, lịch sự, sành điệu.</p> <p>3-b. Việc chạy theo các mốt ăn như thế làm mất thời gian của các bạn, ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập và gây tốn kém cho cha mẹ.</p> <p>4-e. Việc ăn mặc cần phù hợp với thời đại nhưng cũng cần phải phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc, với lứa tuổi, với hoàn cảnh sống và nói lên...</p> <p>5- KL: Các bạn cần thay đổi lại trang phục</p>

+ HS: Thực hiện hoạt động cá nhân + Gv: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Hs trình bày - Bước 4: Kết luận, nhận định: + HS khác nhận xét/ bổ sung + GV nhận xét và chốt ghi bảng	cho lành mạnh, đúng đắn. 4. Phát triển LĐ, đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào đoạn văn, bài văn NL. => Các yếu tố MT và TS làm cho các luận chứng trở nên sinh động, luận điểm được CM rất cụ thể, rõ ràng. Yếu tố BC: Làm cho LĐ sâu sắc, lay động lòng người, có sức thuyết phục cao.
--	--

Hoạt động 2: Viết đoạn văn nghị luận có sử dụng miêu tả, biểu cảm

a) Mục đích:

- vận dụng những kiến thức đã học/ làm bài tập trong sgk
- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Hoàn thành vào vở ghi

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Từ việc tìm hiểu VD trong phần hoạt động 1, viết 1 đoạn văn nghị luận bàn về trang phục của hs có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm. - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS: Thực hiện hoạt động cá nhân + Gv: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Học sinh tự đánh giá + Học sinh đánh giá lẫn nhau + Giáo viên đánh giá - Bước 4: Kết luận, nhận định: + HS khác nhận xét/ bổ sung + GV nhận xét và chốt ghi bảng	Viết đoạn văn: Ông cha ta đã nói: “Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân”. Ta sẽ đẹp hơn rất nhiều khi ta biết chọn cho mình một trang phục đẹp. Nhưng việc lựa chọn trang phục lại hết sức quan trọng. Trang phục đẹp là trang phục không cầu kì, tuy đơn giản nhưng màu sắc hài hoà, phù hợp với đối tượng, khung cảnh và tùy trường hợp giao tiếp. Trang phục còn thể hiện tính cách. Người có một bộ trang phục đơn giản là người giản dị, không cầu kì. Người có một bộ trang phục hợp thời trang, có sự chăm chút là người thích làm đẹp, quan tâm đến hình thức bên ngoài.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích:

- củng cố, khắc sâu Kt về nội dung bài học.
- Rèn kỹ năng phát hiện, phân tích
- HS có ý thức chủ động vận dụng KT vào hoàn thành bài tập.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Hoàn thành vào vở bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

? Chỉ ra những yếu tố miêu tả, biểu cảm đc sử dụng trong các vd sau và nêu tác dụng của chúng:

a. *Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.*

(BNĐC- Nguyễn Trãi)

b. *Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lúc một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên.... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu” (Thi nhân Việt Nam)*

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:

a. các từ nướng, vùi/ dân đen, con đỏ-> tái hiện tội ác của giặc Minh đối với nhân dân ta / bày tỏ thái độ đau đớn xót xa cũng là lên án, tố cáo của tác giả

b. Các từ chưa bao giờ, rộng mở, , mơ màng, trong sáng, quê mùa, ảo não, thiết tha.....

=> Cho thấy sự đa dạng, phong phú trong phong cách sáng tác riêng của các nhà thơ trong phong trào thơ mới.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích:

- HS vận dụng KT đã học, viết 1 đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm về tết nguyên đán

- Rèn kỹ năng tạo lập đoạn văn bày tỏ cảm xúc, quan điểm cá nhân về 1 vấn đề.

b) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động cá nhân

c) **Sản phẩm:** Hoàn thành vào vở bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

Viết 1 đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm về tết nguyên đán?

- HS tiếp nhận, viết đoạn văn đảm bảo đúng hình thức đoạn văn...

- Kiểm tra vào tiết học sau.

*Rút kinh nghiệm:

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

CHỮA LỖI DIỄN ĐẠT

(Lỗi logic)

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Nhận ra lỗi và biết cách sửa lỗi trong những câu được SGK dẫn ra, qua đó trau dồi khả năng lựa chọn cách diễn đạt đúng trong những trường hợp tương tự khi nói, viết.

2. **Năng lực:** HS có kỹ năng diễn đạt hợp logic. Năng lực diễn đạt đúng và hay.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ để vận dụng vào đời sống.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho HS

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động chung cả lớp

c) Sản phẩm: phiếu học tập

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên yêu cầu HS quan sát bảng phụ: 1 đoạn trích từ bài tập làm văn của 1 HS.

- Gọi 1 HS đọc và đặt câu hỏi chung cho lớp: Các em có nhận xét gì về cách diễn đạt ở đoạn văn trên?

- HS trả lời, giáo viên nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài.

Trong quá trình tạo lập văn bản nói và viết, chúng ta thường hay mắc lỗi dùng từ do lặp từ, lẫn lộn giữa các từ gần âm hay không hiểu nghĩa của từ. Bên cạnh đó, chúng ta cũng hay mắc lỗi diễn đạt (lỗi lô-gíc).

Tiết học hôm nay cô cùng các em tìm hiểu một số lỗi lô-gíc thường mắc và hướng dẫn các em cách khắc phục các lỗi đó.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Phát hiện và sửa lỗi

a) Mục đích: Giúp học sinh nhận ra lỗi và biết cách sửa chữa lỗi tại những câu được dẫn ra

b) Nội dung: Dạy học theo nhóm, kỹ thuật hợp tác.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập cá nhân và nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên yêu cầu HS theo dõi các ví dụ trong SGK và thảo luận nhóm câu hỏi sau:</p> <p>? Phát hiện các lỗi sai và sửa lại các câu đó cho đúng?</p> <p>? Giải thích tại sao không thể dùng cách diễn đạt như vậy?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Nhóm trưởng điều hành, HS làm việc cá nhân vào phiếu của</p>	<p>a. Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập khác.</p> <p>Sửa lại:</p> <p>+ Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt giấy bút, sách vở và nhiều đồ dùng học tập khác.</p> <p>+ Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng sinh hoạt khác.</p> <p>+ Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập.</p> <p>* Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A và B khác” thì A và B phải cùng loại, trong đó B là từ ngữ có nghĩa rộng, A là từ ngữ có nghĩa hẹp.</p> <p>b. Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.</p>

<p>mình, sau đó thảo luận trong nhóm và thống nhất ý kiến chung vào phiếu học tập.</p> <p>+ Trong quá trình HS thảo luận, giáo viên quan sát, giúp đỡ</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>+ Giáo viên đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV đánh giá, nhận xét và chuẩn kiến thức, ghi bảng.</p>	<p>- Trong câu không thể diễn đạt là “thanh niên nói chung và bóng đá nói riêng” được, vì “thanh niên và bóng đá” thuộc hai loại khác nhau cho nên không thể kết hợp với nhau như thế được.</p> <p>- Sửa lại: + Trong thanh niên nói chung và trong sinh viên nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.</p> <p>+ Trong thể thao nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.</p> <p>* Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A nói chung và b nói riêng” thì A phải là từ ngữ có nghĩa rộng hơn từ ngữ B.</p> <p>c. “Lão Hạc”, “Bước đường cùng” và Ngô tất Tố đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.</p> <p>Sửa lại: + “Lão Hạc”, “Bước đường cùng” và “Tắt đèn” đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.</p> <p>+ Nam Cao, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.</p> <p>* Khi viết một kiểu câu kết hợp “A, B và C” (các yếu tố có mối quan hệ đẳng lập với nhau) thì A B, C phải là những từ ngữ thuộc cùng một trường từ vựng, biểu thị những khái niệm thuộc cùng một phạm trù.</p> <p>d. Em muốn trở thành một người trí thức hay một bác sĩ?</p> <p>Sửa lại: + Em muốn trở thành một người tri thức hay một thủy thủ?</p> <p>+ Em muốn trở thành một giáo viên hay một bác sĩ?</p> <p>* Câu hỏi lựa chọn A hay thì A không bao hàm B và ngược lại.</p> <p>e. Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về ngôn từ.</p> <p>- Trong câu, A (nghệ thuật) bao hàm B (ngôn từ), trong giá trị nghệ thuật của một tác phẩm văn học có giá trị ngôn từ, vì vậy câu này sai.</p> <p>- Sửa lại: + Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về nội dung.</p> <p>+ Bài thơ không chỉ hay về bố cục mà còn sắc sảo về ngôn từ.</p> <p>+ Bài thơ hay về nghệ thuật nói chung, sắc sảo về</p>
--	---

	<p><i>ngôn từ nói riêng.</i></p> <p>* Khi viết câu có kiểu kết hợp “không chỉ A mà còn B” thì A và B không bao giờ là những từ ngữ có quan hệ rộng - hẹp với nhau, nghĩa là A không bao hàm B và B cũng không bao hàm A.</p> <p>g. Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì mặc áo ca rô.</p> <p>- <i>Cao gầy và mặc áo ca rô không cùng trường từ vựng</i></p> <p>- Sửa lại: + <i>Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì lùn và mập.</i></p> <p>+ <i>Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì mặc áo trắng, còn một người thì mặc áo ca rô.</i></p> <p>h. Chị Dậu rất cần cù, chịu khó nên chị rất mực yêu thương chồng con.</p> <p>Sửa lại: <i>Chị Dậu rất cần cù, chịu khó và rất mực yêu thương chồng con.</i></p> <p>* A và B không phải là quan hệ nhân quả thì không dùng quan hệ từ nên.</p> <p>i. Nếu không phát huy được những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không có được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.</p> <p>- Sửa lại: <i>Nếu không phát huy được những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể hoàn thành được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.</i></p> <p>* A và B không phải là quan hệ điều kiện- kết quả nên không dùng cặp quan hệ từ nếu...thì được.</p> <p>k. Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khoẻ vừa giảm tuổi thọ của con người.</p> <p>- <i>Mục đích của người viết: Chỉ ra tác hại nhiều mặt của việc hút thuốc, sử dụng cặp từ “vừa... vừa” song chỉ nói tác hại của nó đối với sức khoẻ (giảm tuổi thọ).</i></p> <p>- Sửa lại: <i>Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khoẻ vừa tốn kém về tiền bạc.</i></p> <p>* Khi dùng cặp vừa...vừa thì A, B phải bình đẳng nhau, không cái nào bao hàm cái nào.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục đích:** Giúp HS hệ thống được kiến thức đã học trong tiết học
- b) **Nội dung:** Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, kỹ thuật đặt câu hỏi
- c) **Sản phẩm:** Vở ghi
- d) **Tổ chức thực hiện:**
- Yêu cầu HS dựa vào bài học làm bài tập

- HS làm bài độc lập:

Bài tập 1: Viết đoạn văn ngắn từ 7 đến 9 câu suy nghĩ về vai trò của thể dục thể thao đối với sức khỏe con người.

Bài tập 2: Trao đổi với các bạn đoạn văn vừa viết, tìm và phát hiện các lỗi sai trong cách diễn đạt.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: Giúp HS biết vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: vở ghi

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu yêu cầu: Tìm và chữa lỗi (tương tự) trong bài tập làm văn số 6 của mình.

? Phát hiện và sửa các lỗi sai trong lời nói hằng ngày của người thân, bạn bè?

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ, GV nhận xét, đánh giá.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

LUYỆN TẬP VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh vận dụng kỹ năng đưa các yếu tố bối cảnh, tự sự và miêu tả vào việc viết bài văn nghị luận xã hội.

- Tự đánh giá chính xác hơn trình độ tập làm văn của bản thân, từ đó rút ra những kinh nghiệm cần thiết để các bài làm văn sau đạt kết quả tốt hơn.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lập kế hoạch kiểm tra

- Chuẩn bị để kiểm tra.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Học sinh xem các đề trước trong sgk

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Giáo viên nêu yêu cầu giờ viết bài và chép đề lên bảng.

ĐỀ BÀI:

Viết bài văn nghị luận với đề tài: “Tuổi trẻ và tương lai đất nước”

(Gợi ý: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu” Lời dạy của Bác giúp em hiểu đề bài trên như thế nào?)

* Giáo viên gợi ý: Viết 1 bài nghị luận để nêu rõ sự hiểu biết của mình về lời dạy của Bác Hồ.

* Học sinh làm bài - giáo viên coi kiểm tra nghiêm túc.

ĐÁP ÁN & BIỂU ĐIỂM:

* **Yêu cầu cụ thể:**

1. Nội dung (8đ)

a. MB: (1đ)

- Giới thiệu vấn đề cần làm sáng tỏ
- Trích lời dạy của Bác Hồ: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu”.

b. TB: (6đ)

* **Giải thích và nêu ý nghĩa lời dạy của Bác (1,5đ)**

- Non sông tươi đẹp, dân tộc sánh vai với các cường quốc năm châu có nghĩa là một đất nước, một dân tộc giàu đẹp, lớn mạnh, tiến bộ và văn minh. Tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng an ninh... đều sánh ngang với các nước tiên tiến trên thế giới.
- Bằng những hình ảnh đẹp, Bác Hồ đã khẳng định "công học tập" của học sinh hôm nay sẽ ảnh hưởng đến tương lai đất nước...
- Lời căn dặn của Bác có ý nghĩa động viên khích lệ học sinh ra sức học tập và rèn luyện...

* **Vai trò, nhiệm vụ, tầm quan trọng trong việc học tập của học sinh đối với tương lai đất nước. (1,5đ)**

- Lời dạy của Bác khẳng định việc học tập của thế hệ trẻ vô cùng quan trọng đối với tương lai đất nước vì:
- Học sinh là chủ nhân tương lai của đất nước, là người kế tục sự nghiệp, xây dựng và bảo vệ đất nước của cha ông mình.
- Một thế hệ học sinh tích cực học tập và rèn luyện hôm nay sẽ hứa hẹn một thế hệ công dân tốt có đủ năng lực, phẩm chất làm chủ đất nước trong tương lai. Vì vậy, việc học tập và rèn luyện là rất cần thiết.
- Ngày nay khi cả thế giới hoà cùng một mái nhà chung thì sự năng động của tuổi trẻ càng quan trọng và cần thiết. Sự nỗ lực trong học tập và nhất là trong khám phá thế giới thông tin giúp đất nước rút ngắn khoảng cách văn minh với thế giới bên ngoài.

* **Dẫn chứng các tấm gương tiêu biểu (1,5đ)**

- Thực tế đã chứng minh việc học tập của thế hệ trẻ có ảnh hưởng để tương lai đất nước .

Tuổi trẻ ngày nay hăng say học tập và nghiên cứu. Mấy năm qua chúng ta không khỏi tự hào về thành tích của tuổi trẻ Việt Nam trong các kì thi quốc tế. Những tấm huy chương vàng, những chiếc cúp vô địch trong các kì thi quốc tế là một phần trong sức vươn lên mạnh mẽ của thế hệ chúng ta.

(Nêu một số gương xưa và nay)

*** Nhiệm vụ của chúng ta trong việc thực hiện lời dạy của Bác. (1,5đ)**

- Để thực hiện lời dạy của Bác, học sinh cần phải xác định đúng động cơ học tập, nỗ lực phấn đấu vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức

- Thực hiện lời dạy của Bác là chúng ta thể hiện tình cảm yêu kính người ca già dân tộc và thể hiện trách nhiệm của mình với đất nước.

c. Kết bài(1đ)

- Khẳng định lại ý nghĩa lời dạy của Bác

- Liên hệ bản thân học sinh.

2. Hình thức:(2 điểm)

*** Yêu cầu chung:**

- Bài viết rõ ràng bố cục gồm 3 phần, đúng kiểu bài (thể loại). (0,5đ)

- Phải có sự kết hợp các yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm vào trong bài văn chứng minh. Các yếu tố đó phải được kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lí, đảm bảo tính mạch lạc của bài văn. (0,5đ)

- Bài viết không mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt, lỗi lôgic, lỗi chính tả. (0,5đ)

- Trình bày sạch rõ ràng(0,5đ)

*** Cũng cố:** Giáo viên thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

*** Dặn dò:**

- Ôn tập lại văn nghị luận kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm.

- Soạn bài: Văn bản tường trình.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Bước đầu củng cố, hệ thống hóa kiến thức văn học qua các VB đã học trong SGK lớp 8 (Trừ các Vb tự sự và nhật dụng), khắc sâu những kiến thức cơ bản của những VB tiêu biểu.

- Tập trung ôn kĩ hơn những VB thơ ở bài 18, 19, 20, 21.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng hệ thống, tổng hợp kiến thức. Năng lực tổng kết, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS biết tự mình ôn tập, nắm kiến thức đã học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài ở nhà theo yêu cầu gv giao.....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học

b) Nội dung: Thực hành HĐ cá nhân, HĐ nhóm

c) Sản phẩm: HS lắng nghe

d) Tổ chức thực hiện:

Gv chuyển ý giới thiệu bài học: Hệ thống văn bản ở lớp 8 khá phong phú, đa dạng, gồm nhiều cụm văn bản. Ngày hôm nay chúng ta cùng nhau tổng kết lại phần văn qua các văn bản đã học, chủ yếu là các văn bản thơ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hoàn thành bảng thống kê các tác phẩm thơ trữ tình

a) Mục đích: Hệ thống hóa tác giả, văn bản, thể thơ, nội dung chủ yếu, đặc điểm nghệ thuật nổi bật

b) Nội dung: Phát vấn, đàm thoại ...Hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:
- + Các nhóm hoạt động trả lời và hoàn thành các câu hỏi 2 a,b,c,d
- + GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:
- Học sinh thực hiện:
- + Học sinh hoạt động nhóm.
- + Dự kiến câu trả lời của hs

I. Lập bảng thống kê các VB thơ VN đã học từ bài 15

TT	Tên VB	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
1	Cảm tác... (bài 15)	PBC(1867-1940)	TNBCĐ L	Khí phách kiên cường bất khuất & phong thái ung dung vượt lên h/c ngục tù của nhà yêu nước CM.	Giọng hào hùng, khoáng đạt có sức lôi cuốn mạnh mẽ.
2	Đập đá... (bài 15)	PCT (1872 – 1926)	TNBCĐ L	Hình tượng đẹp, ngang tàng lắm liệt của người tù yêu nước CM trên đảo Côn Lôn.	Bút pháp LM, giọng điệu hào hùng đầy khí thế.
3	Muốn	Tản Đà-	TNBCĐ	Tâm sự của con	Hồn thơ LM,

	làm. ...(bài 16)	NKH(1889- 1939)	L	người bất hòa sâu sắc với thực tại tâm thường, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng.	siêu thoát pha chút ngông nghênh nhưng vẫn đáng yêu.
4	Hai chữ nước nhà (bài 17)	Á Nam- TTK(1895- 1983)	Song thất lục bát.	Mượn câu chuyện có sức gợi cảm lớn để bộc lộ c/x & khích lệ long y/n, ý chí cứu nước của đồng bào.	Mượn tích xưa để nói chuyện hiện tại giọng điều trữ tình thống thiết.
5	Nhớ rừng (bài 18)	Thế Lữ 1907-1989	Thơ mới 8 chữ/câu	Mượn lời con hồ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tâm thường, tù túng & khao khát tự do mãnh liệt của nhà thơ, khơi dậy lòng yêu nước trong nhân dân.	Bút pháp LM truyền cảm, sự đổi mới câu thơ, vần điệu, phép tương phản đối lập. NT tạo hình đặc sắc.
6	Ông đồ (bài 18)	VDL(1913 – 1996)	Thơ mới ngũ ngôn	Tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lên niềm cảm thương chân thành trước 1 lớp người đang tàn tạ & nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.	Lời thơ bình dị cô đọng hàm súc. Đối lập, tương phản, câu hỏi tu từ, tả cảnh ngụ tình.
7	Quê hương (bài 19)	Tế Hanh (1921- 2009)	Thơ mới 8 chữ/câu	T/y quê hương trong sáng, thân thiết được thể hiện qua bức tranh tươi sáng,	Lời thơ mộc mạc bình dị mà tinh tế, giàu ý nghĩa biểu tượng.

				sinh động về 1 làng quê miền biển. Nổi bật là h/a khỏe khoắn đầy sức sống của người dân chài.	
8	Khi con... (bài 19)	Tổ Hữu (1920-2002)	Lục bát	T/y c/sống và khát vọng tự do của người c/sĩ trẻ tuổi trong nhà tù.	Giọng thơ tha thiết, sôi nổi, tượng trưng phong phú dồi dào
9	Tức cảnh... (bài 20)	HCM (1890-1969)	TNTTĐL	TT lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong c/s CM đầy k/k gian khổ ở Pác Bó. Làm CM sống hòa hợp với TN->niềm vui	Nụ cười hóm hỉnh, sự kết hợp hài hòa giữa cổ điển & hiện đại.
10	Ngắm trăng (NKTT) Bài 21	Hồ Chí Minh	TNTTĐL Chữ Hán	T/y TN say mê & phong thái ung dung nghệ sĩ của Bác Hồ ngay trong cảnh ngục tù tối tăm.	Nhân hóa, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, đối xứng và đối lập.
11	Đi đường (NKTT.)	Hồ Chí Minh	TNTT C/Hán	Ý nghĩa tượng trưng & triết lý sâu sắc: Từ việc đi đường núi gợi ra chân lý đường đời, vượt qua bao gian lao chông chênh sẽ tới thắng lợi vẻ vang.	Điệp từ, tính đa nghĩa của h/a, câu thơ, bài thơ.

Nhiệm vụ 2: Sự khác biệt nổi bật về hình thức và nghệ thuật giữa các VB thơ trong các bài 15,16 và 18,19.

a) Mục đích: Sự khác biệt nổi bật về hình thức NT giữa các VB thơ

b) Nội dung: Phát vấn, đàm thoại: Hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Kết quả của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Sự khác nhau:

- *Vào nhà..., Đập đá..., Muốn Làm Thằng Cuội* ra đời trước 1932 (thơ cũ) → Thể thơ TNBCĐL.

(có hạn định về số câu, số chữ, niêm luật chặt chẽ theo quy tắc nhất định, cái tôi cá nhân chưa được đề cao.

Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương → thơ mới (chịu ảnh hưởng của VH phương tây (P). Khác hẳn: Hình thức linh hoạt, phóng khoáng tự do hơn nhiều, vẫn có quy tắc, luật lệ nhưng ko quá chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, ko ước lệ công thức, c/x chân thật → đề cao cái tôi cá nhân.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Nắm vững các nội dung cơ bản sau: Các kiểu câu trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, phủ định. Các kiểu hành động nói: hỏi, trình bày, hứa hẹn, điều khiển, bộc lộ cảm xúc. Cách lựa chọn trật tự từ trong câu.

2. Năng lực: HS có kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực tổng hợp, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ để vận dụng vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.
- Hệ thống hỏi và khái quát hoá kiến thức; luyện tập toàn bộ kiến thức

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học.

b) Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá.

c) Sản phẩm: Chơi trò chơi

d) Tổ chức thực hiện:

Cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.

- GV có các câu chia theo mục đích nói, 2 đội chơi, đội nào xếp các kiểu câu đúng vị trí, nhanh trước sẽ chiến thắng.

- GV cho HS NX, chốt, gv chuyển ý giới thiệu bài học: Gọi hs đọc mục tiêu bài học?

- GV chốt, chuyển vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hoàn thành bảng thống kê các kiểu câu

a) Mục đích: Hệ thống hóa kiến thức về các kiểu câu ở lớp 8

b) Nội dung: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Bảng thống kê.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS			SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:</p> <p>? CTTV lớp 8 , các em đã học những kiểu câu nào ? (xét về mục đích nói)</p> <p>? Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của mỗi kiểu câu.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Các nhóm hoạt động nhóm trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5phut.</p> <p>+ GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu, HS thực hiện.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>			<p>I/ Các kiểu câu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Câu nghi vấn. 2. Câu cầu khiến. 3. Câu cảm thán. 4. Câu trần thuật. 5. Câu phủ định
STT	Kiểu câu	Đặc điểm hình thức, chức năng	Ví dụ
1	Câu nghi vấn	<p>* Câu nghi vấn là câu:</p> <p>- Có những từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, tại sao...) hoặc có từ hay (nối các vế có quan hệ lựa chọn).</p> <p>- Có chức năng chính là dùng để hỏi.</p> <p>* Khi viết câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi.</p> <p>* Trong nhiều trường hợp câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... và không yêu cầu người đối thoại trả lời</p>	
2	Câu cầu khiến	<p>* Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như : hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào,... hay ngữ điệu cầu khiến; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...</p> <p>* Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.</p>	
3	Câu cảm	<p>* Là câu có những từ cảm thán như: ôi, than ôi,</p>	

	thán	<p>hời ơi...dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói hoặc người viết, xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương.</p> <p>- Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.</p>	
4	Câu trần thuật	<p>* Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, câu khiến, cảm thán; thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,...</p> <p>- Ngoài những chức năng trên đây câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc...(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác).</p> <p>* Khi viết câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.</p> <p>* Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp.</p>	
5	Câu phủ định	<p>* Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: không, chưa, chẳng, đâu.....</p> <p>*Câu phủ định dùng để :</p> <p>- Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Câu phủ định miêu tả)</p> <p>- Phán bác một ý kiến, một nhận định.(Câu phủ định bác bỏ).</p>	
Hoạt động của giáo viên và học sinh		Nội dung (ghi bảng)	
<p>- Yêu cầu h/s đọc bài tập 1(130)</p> <p>? Đoạn trích gồm mấy câu ? Xác định kiểu câu của đoạn trích ?</p> <p>? Dựa vào nội dung 2 câu trong BT 1, đặt 1 câu NV (theo mô hình: Liệu ... có... ko)</p> <p>? Hãy đặt 1 câu cảm thán chứa 1 trong các từ như: vui, buồn, hay, đẹp.</p> <p>? H/s đọc đoạn trích BT sgk (131)</p> <p>? Xác định câu TT, Câu NV, Câu CK ?</p>		<p>*/ Luyện tập</p> <p>Bài tập 1 : Nhận diện câu trần thuật:</p> <p>Câu 1 : Câu trần thuật ghép - có một vế là dạng câu phủ định</p> <p>Câu 2 : Câu trần thuật đơn</p> <p>Câu 3 : Câu trần thuật ghép, vế sau có một vị ngữ phủ định (không nở giận)</p> <p>Bài tập 2 : Tạo câu nghi vấn:</p> <p>Ví dụ : Đặt điểm hỏi vào các từ ngữ những nỗi lo lắng , buồn đau ích kỉ thì câu hỏi sẽ là</p> <p>- Cái bản tính tốt đẹp của người ta sẽ bị những gì che lấp mất ? (hỏi theo kiểu câu bị động)</p> <p>- Những gì có thể che lấp mất cái bản tính tốt đẹp của người ta ? (Hỏi theo kiểu câu chủ động)</p> <p>- Cái bản tính tốt đẹp của người ta có thể bị</p>	

<p>? Trong số những câu NV, câu nào dùng để hỏi (điều bạn muốn cần giải đáp) câu nào ko dùng để hỏi & nó dùng để làm gì ?</p>	<p>những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mắt không ?</p> <p>- Những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ có thể che lấp mắt cái bản tính tốt đẹp của người ta không ?</p> <p>Bài tập 3 : Tạo câu cảm thán:</p> <p>- Chao ôi buồn !</p> <p>- Ôi , buồn quá !</p> <p>- Buồn ơi là buồn !</p> <p>- Tớ vui quá !</p> <p>- Quyển sách này hay quá !</p> <p>- Đẹp ơi là đẹp !</p> <p>Bài tập 4 : Nhận biết cách dựng các kiểu câu:</p> <p>a. Câu trần thuật : (1), (3), (6) ;</p> <p>+ Câu cầu khiến : (4) ;</p> <p>+ câu nghi vấn : (2), (5), (7)</p> <p>b. Câu nghi vấn dùng để hỏi là câu 7</p> <p>c. Các câu nghi vấn (2), (5) là những câu không được dùng để hỏi .</p> <p>+ Câu (2) : Sự `ngạc nhiên về việc lão Hạc nói về những chuyện xảy ra trong tương lai xa, chưa xảy ra trước mắt.</p> <p>Câu này tương đương với câu :“ Cự lo xa quá đấy thôi !” hoặc : “Chẳng có gì khiến cự phải lo xa như thế cả !”. Nó không dùng để hỏi một việc gì cả, mục đích của nó chỉ là nêu lên điều ngạc nhiên, bất ngờ của người nói. Nó được dùng để bộc lộ cảm xúc.</p> <p>+ Câu (5) để giải thích cho đề nghị nêu ở câu (4), theo quan điểm của người nói(ông giáo) và cũng là cái lẽ thông thường, thì không có lí do gì mà lại nhịn đói để dành tiền .</p> <p>III. Hội thoại.</p> <p>a/ Thế nào là vai xã hội trong hội thoại ?</p> <p>-Vai hội thoại là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại . Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:</p> <p>- Quan hệ trên- dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội) .</p> <p>- Quan hệ thân-sơ (theo mức độ quen biết, thân tình)</p> <p>b/Lượt lời : Trong hội thoại, ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời</p> <p>* Để giữ lịch sự cần tôn trọng lượt lời của</p>
---	--

	<p>người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc tranh vào lời người khác.</p> <p>* Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.</p> <p>IV. Lựa chọn trật tự từ trong câu.</p> <p>* Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói, viết cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.</p> <p>* Trật tự từ trong câu có tác dụng :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm. - Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng. - Liên kết câu với những câu khác trong văn bản. - Đảm bảo sự hài hòa về mặt ngữ âm của lời nói. <p>Bài tập 1: Các trạng thái và hành động của sứ giả được xếp theo đúng thứ tự xuất hiện và thực hiện : Thoạt tiên là tâm trạng kinh ngạc sau đó là mừng rỡ và cuối cùng là về tâu vua.</p> <p>Bài tập 2: Lưu ý học sinh về những giá trị khác của trật tự từ trong câu :</p> <ol style="list-style-type: none"> Nối kết câu Nhấn mạnh (làm nổi bật) đề tài của câu nói <p>Bài tập 3: Lưu ý cho học sinh về giá trị tạo tính nhạc cho câu thông qua cách sắp xếp trật tự từ trong nó.</p> <p>Câu a có tính nhạc hơn, vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt “man mác” trước “khúc nhạc đồng quê” gợi cảm xúc mạnh hơn - Kết thúc thanh bằng (quê) có độ ngân hơn kết thúc thanh trắc (mác)
--	--

Hoạt động 2: Hội thoại

a) **Mục đích:** Hệ thống hóa kiến thức về các kiểu **Hội thoại**.

b) **Nội dung:** Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân, Cặp đôi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>+GV gọi HS nêu yêu cầu phân a,b</p>	<p>+ Vai hội thoại là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại + Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:</p>

<p>? Thế nào là vai xã hội trong hội thoại</p> <p>? Lượt lời là gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>+ GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Đại diện Cặp đôi trình bày kết quả trước lớp.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Quan hệ trên- dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội) .</p> <p>- Quan hệ thân-sơ (theo mức độ quen biết, thân tình)</p> <p>b. Lượt lời: Trong hội thoại, ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời</p> <p>+ Để giữ lịch sự cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc tranh vào lời người khác.</p> <p>+ Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.</p>
--	---

Hoạt động 3: Lựa chọn trật tự từ trong câu

a) **Mục đích:** biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.

b) **Nội dung:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c) **Sản phẩm:** Kết quả thực hiện.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:</p> <p>Các nhóm hoạt động nhóm trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5 phút.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Các nhóm hoạt động nhóm trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5 phút.</p> <p>+ GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ , mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói, viết cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.</p> <p>- Trật tự từ trong câu có tác dụng :</p> <p>+ Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.</p> <p>+ Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.</p> <p>+ Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.</p> <p>+ Đảm bảo sự hài hòa về mặt ngữ âm của lời nói.</p> <p>Bài tập 1: Các trạng thái và hành động của sứ giả được xếp theo đúng thứ tự xuất hiện và thực hiện : Thoạt tiên là tâm trạng kinh ngạc sau đó là mừng rỡ và cuối cùng là về tâu vua.</p> <p>Bài tập 2: Lưu ý học sinh về những giá trị khác của trật tự từ trong câu :</p> <p>a. Nối kết câu</p> <p>b. Nhấn mạnh (làm nổi bật) đề tài của câu nói</p>

	Bài tập 3: Lưu ý cho học sinh về giá trị tạo tính nhạc cho câu thông qua cách sắp xếp trật tự từ trong nó. Câu a có tính nhạc hơn, vì: + Đặt “man mác” trước “khúc nhạc đồng quê” gợi cảm xúc mạnh hơn + Kết thúc thanh bằng (quê) có độ ngân hơn kết thúc thanh trắc (mác)
--	---

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục đích:** Bài ôn tập gồm mấy nội dung ?
 b) **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện.
 c) **Sản phẩm:** Nội dung trả lời
 d) **Tổ chức thực hiện:** - GV yêu cầu, hs trả lời.
***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Nắm những trường hợp cần viết VB tường trình. Nắm những đặc điểm cơ bản của VB tường trình. Biết làm một VB tường trình đúng qui cách.
 2. **Năng lực:** HS có kỹ năng tạo lập VB hành chính.
 3. **Phẩm chất:** HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn. Năng lực tạo lập VB hành chính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**
 - Kế hoạch dạy học
 - Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.
 2. **Chuẩn bị của học sinh:** Đọc bài và trả lời các câu hỏi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục đích:** Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học
 b) **Nội dung:** HĐ cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá.
 c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập.
 d) **Tổ chức thực hiện:**

- *Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:* Yêu cầu hs thực hiện trong vòng 2 phút?
 - *GV cho HS NX, chốt.*
 - *Gv chuyển ý giới thiệu bài học*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đặc điểm của văn bản tường trình

- a) **Mục đích:** Tìm hiểu về văn bản tường trình
b) **Nội dung:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
c) **Sản phẩm:** Kết quả HS thực hiện.
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? Trong các văn bản trên, ai là người phải viết tường trình và viết cho ai ? bản tường trình được viết ra nhằm mục đích gì ? ? Nội dung tường trình là gì ? Vì sao phải tường trình ? ? Người viết tường trình cần phải có thái độ như thế nào đối với sự việc người tường trình ? ? Thể thức trình bày văn bản tường trình có gì đặc biệt ? ? Như vậy qua phần tìm hiểu các nội dung trên, em hiểu gì về văn bản tường trình và ai là người phải viết tường trình và ai là người nhận tường trình ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS tiếp nhận và trả lời + GV quan sát, hướng dẫn HS làm việc.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Yêu cầu đại diện các nhóm lên báo cáo trong vòng 5 phút</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>Đặc điểm của văn bản tường trình a. (1) Người viết tường trình: học sinh, viết cho cô giáo (2) Lí do và mục đích viết: Về việc đi học muộn, mong muốn cô hiểu được nguyên nhân dẫn đến việc mình đến lớp muộn.. (3) Người viết trình bày về sự việc mình đi học muộn. (4) Người viết có thái độ trung thực, khách quan b. (1) Các tình huống cần viết văn bản tường trình: - Tình huống 3 - Tình huống 5 2. Nhận xét: - Trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra hậu quả cần xem xét - Người viết tường trình là người liên quan đến sự việc - Người nhận tường trình là cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết - Văn bản tường trình ngắn gọn, rõ ràng - Thái độ người viết tường trình trung thực, khách quan.</p>

Hoạt động 2: Cách làm văn bản tường trình

- a) **Mục đích:** học sinh biết được các bước làm văn bản tường trình
b) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.
c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao	1. Tình huống cần phải viết văn bản tường

<p>nhiệm vụ:</p> <p>? Hãy nêu một số trường hợp cần phải viết văn bản tường trình trong học tập và sinh hoạt tại trường ?</p> <p>? Nêu lại tình huống của hai văn bản tường trình trong sgk</p> <p>? Cách viết văn bản tường trình như thế nào ?</p> <p>? Phần mở đầu viết những gì ?</p> <p>? Phần nội dung ?</p> <p>? Thể thức kết thúc như thế nào ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Giáo viên gọi các nhóm báo cáo kết quả.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình huống a ,b nhất thiết phải viết - Tình huống c ko cần phải viết vì đó là chuyện nhỏ chỉ cần nhắc nhở hoặc phê bình nhẹ nhàng hoặc viết kiểm điểm - Tình huống d chỉ viết khi tài sản bị mất có giá trị <p>2. Cách làm văn bản tường trình</p> <p>=> Một văn bản tường trình phải có đầy đủ các mục sau:</p> <p>a) Thể thức mở đầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc hiệu, tiêu ngữ - Địa điểm thời gian làm tường trình - Tên văn bản - Người (cơ quan) nhận tường trình <p>b) Nội dung tường trình</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của sự việc, học tên người chứng kiến hoặc liên quan(nếu có), mức độ trách nhiệm của người tường trình. + Thái độ của người viết phải khách quan, trung thực. Thông tin phải chính xác, đề nghị phải ngắn gọn, rõ ràng. <p>c) Thể thức kết thúc :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lời đề nghị, cam đoan + Chữ ký, họ tên người tường trình <p>* Ghi nhớ / sgk</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) Mục đích: luyện tập, khắc sâu nội dung bài học

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Hoàn thành bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh.

- Các nhóm hoạt động trả lời và hoàn thành các câu hỏi 1 luyện tập về văn bản tường trình

- GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:

- Giáo viên gọi các nhóm báo cáo kết quả

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:**

- Nắm lại những kiến thức về VB tường trình : Mục đích, yêu cầu, cấu tạo của VB tường trình. Nâng cao năng lực làm VB tường trình cho HS.

2. Năng lực: HS có kỹ năng tạo lập VB hành chính. Năng lực tạo lập VB tường trình.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án, một số tình huống & VB mẫu.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc sgk & trả lời các câu hỏi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a) Mục đích: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học.

b) Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá.

c) Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:

- Yêu cầu hs thực hiện, Gv chuyển ý giới thiệu bài học:

Tiết trước các em đã học xong vb tường trình . để nắm kỹ hơn về mục đích,yêu cầu,bố cục của vb tường trình , phân biệt được điểm giống và khác nhau giữa văn bản tường trình với 1 số văn bản hành chính khác cô cùng các em sẽ tìm hiểu bài hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Mục đích làm văn bản tường trình**

a) Mục đích: Hệ thống hóa kiến thức về văn bản tường trình

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: + Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: Nêu mục đích làm văn bản tường trình?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Các nhóm hoạt động trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5 phút.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Mục đích: Trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình và các sự việc xảy ra, gây hậu quả cần phải xem xét.</p>

Hoạt động 2: Điểm giống và khác nhau về tường trình và báo cáo

a) Mục đích: Hệ thống hóa kiến thức về văn bản tường trình

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Phiếu học tập.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? VB tường trình có gì giống và khác nhau với văn bản báo cáo ? ? Khác nhau ở điểm nào ? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Thảo luận nhóm, học sinh hoạt động nhóm. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	* Giống nhau: thể thức trình bày. (Bố cục theo mẫu). + Người nhận: Cá nhân và cơ quan có thẩm quyền giải quyết . * Khác nhau: + Mục đích: - Văn bản tường trình: trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người viết tường trình và các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét. - Báo cáo: Công việc, công tác trong 1 thời gian nhất định, kết quả bài học để sơ kết tổng kết trước cấp trên, nhân dân. + Người viết: - Tường trình: Tham gia hoặc chứng kiến vụ việc, cá nhân, tường trình. - Báo cáo: Người phụ trách công việc, 1 tổ chức , tập thể.

Hoạt động 3: Bố cục thể thức văn bản tường trìnha) **Mục đích:** Hệ thống hóa kiến thức về bố cục văn bản tường trìnhb) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động cá nhân, nhómc) **Sản phẩm:** Phiếu học tập.**d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: ? Em hãy nhắc lại bố cục của văn bản tường trình gồm mấy phần? đó là những phần nào ? ? Trong phần đầu của một văn bản tường trình cần đảm bảo những nội dung gì ? ? Em hiểu Quốc ngữ là phần trình bày nội dung nào ? (là : cộng hòa) ? Em cho biết phần nội dung tường trình cần trình bày ntn ? ? phần kết thúc cần đảm bảo những nội dung nào ? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh hoạt động nhóm - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	- Gồm 3 phần: + Phần đầu. + Phần ND. + Phần kết thúc. a. Phần đầu: - Quốc ngữ. <i>Địa điểm thời gian làm văn bản tường trình.</i> - Tên văn bản: - Tên cá nhân tổ chức nhận văn bản: b. Phần ND. - Người viết Trình bày thời gian, địa điểm diễn biến sự việc, nguyên nhân vì đâu, hậu quả thể nào . - Y/c: Thái độ tường Trình

+ GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	khách quan, trung thực. c. Phần kết thúc. - lời đề nghị (cam đoan) - Chữ kí và họ tên người viết tường trình.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a) Mục đích: Vận dụng kiến thức vừa học vào làm các bài tập, luyện tập, khắc sâu nội dung bài học

b) Nội dung: Thực hiện cá nhân, nhóm

c) Sản phẩm: Làm vào vở bài tập.

d) Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1: Hoạt động cá nhân: Cho hs đọc bài tập

? Chỉ ra những chỗ sai trong việc sử dụng văn bản ở 3 tình huống đã nêu

? Cả 3 văn bản đều mắc phải lỗi sai gì.

Bài tập 2:

? Đọc và xác định yêu cầu của bài 2

? Nêu 2 tình huống

- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:

1. Bài tập 1

-> Trong cả 3 tình huống nêu trên bài tập đều không viết tường trình mà phải viết các kiểu văn bản khác cụ thể.

a. Bản tự kiểm điểm.

b. Viết báo cáo.

c. Viết báo cáo

2. Bài tập 2.

VD: A. Mấy bạn nam đá bóng vô ý làm vỡ 2 chiếc bóng điện của lớp.

B. Tường trình với cô giáo bộ môn về việc nộp bài kiểm tra không đúng hạn

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TRẢ BÀI LUYỆN TẬP VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 7

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

+ củng cố lại những kiến thức và kỹ năng đã học về văn nghị luận: cách sử dụng từ ngữ, đặt câu và đặc biệt là về luận điểm và cách trình bày luận điểm

+ Thông qua tiết trả bài kiểm tra các em nhận biết khả năng của mình từ kết quả đạt được, từ đó các em điều chỉnh phương pháp học cho phù hợp

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục học sinh tính trung thực, tự giác khi làm bài
- Giáo dục HS ý thức vươn lên trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Bài Tập làm văn đã chấm

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức :KT sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ :

? Đọc thuộc lòng khổ thơ 1 và 4 ? Hình ảnh con hổ khi bị nhốt trong vườn bách thú

3. Bài mới

Hoạt động	Nội dung
GV ghi đề bài lên bảng Hoạt động 1: Xây dựng dàn ý cho đề bài 1. Mục tiêu: - Tìm lí lẽ dẫn chứng làm sang tỏ đề bài - Rèn kĩ năng trình bày 2. Phương thức thực hiện: - Hoạt động cặp đôi. - Hoạt động cá nhân. 3. Sản phẩm hoạt động - Trình bày miệng 4. Phương án kiểm tra, đánh giá - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. 5. Tiến trình hoạt động: *Chuyển giao nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi. ? Xây dựng dàn ý cho đề văn - Học sinh tiếp nhận *Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh:tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên:quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết - Dự kiến sản phẩm:	Đề bài: “ Tuổi trẻ và tương lai đất nước”(Gợi ý: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “ Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu” Lời dạy của Bác giúp em hiểu đề bài trên như thế nào? I. Dàn ý + Biểu điểm a. MB: (1đ) - Giới thiệu vấn đề cần làm sáng tỏ b. TB : (6đ) * Giải thích và nêu ý nghĩa lời dạy của Bác (1,5đ)

<p>Như đáp án tiết 113</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>-Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời</p> <p>-Hs: trả lời</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hoạt động 2: GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của học sinh</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chung HS đã xác định yêu cầu của đề bài văn, ND và thể loại - Đã nắm được phương pháp làm bài văn nghị luận - Phần lớn HS có ý thức chuẩn bị bài ở nhà - Một số HS viết tốt, nắm chắc PP, luận điểm $\Rightarrow$ luận cứ rõ ràng, nội dung tương đối đầy đủ. <p>2. Nhược điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều em diễn đạt lủng củng, luận điểm luận cứ chưa rõ ràng, mạch lạc, lộn xộn giữa các luận điểm. - Nd còn sơ sài: - Lỗi diễn đạt còn rất nhiều: - Một số học sinh bài làm bài quá kém, ý thức chuẩn bị chưa chú đáo <p>Hoạt động 3: GV trả bài, học sinh chữa lỗi vào bài.</p> <p>Gọi HS mắc các lỗi lên bảng chữa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lỗi chính tả 2. Lỗi dung từ. 3. Lỗi câu : <p>Đọc một số bài viết tốt, bài viết yếu để HS cùng tham khảo</p>	<p><i>* Vai trò, nhiệm vụ, tầm quan trọng trong việc học tập của học sinh đối với tương lai đất nước. (1,5đ)</i></p> <p><i>* Dẫn chứng các tấm gương tiêu biểu (1,5đ)</i></p> <p><i>* Nhiệm vụ của chúng ta trong việc thực hiện lời dạy của Bác. (1,5đ)</i></p> <p><i>c. Kết bài(1đ)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại ý nghĩa lời dạy của Bác - Liên hệ bản thân học sinh. <p>2. Hình thức:(2 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết rõ ràng bố cục gồm 3 phần, đúng kiểu bài (thể loại). (0,5đ) - Phải có sự kết hợp các yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm vào trong bài văn chứng minh. (0,5đ) - Bài viết không mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt, lỗi lôgic, lỗi chính tả. (0,5đ) - Trình bày sạch rõ ràng(0,5đ) <p>II. Nhận xét</p> <p>III. Trả bài, chữa lỗi</p>
---	---

Bảng thống kê điểm kiểm tra Lớp 8a

Điểm 9, 10	Điểm 7, 8	Điểm 5, 6	Điểm 3, 4	Điểm 0, 1, 2
------------	-----------	-----------	-----------	--------------

Bảng thống kê điểm kiểm tra Lớp 8b

Điểm 9, 10	Điểm 7, 8	Điểm 5, 6	Điểm 3, 4	Điểm 0, 1, 2
------------	-----------	-----------	-----------	--------------

4. Củng cố

- Gv nhận xét ý thức của HS trong giờ KT

5. Dặn dò:

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức phần Tiếng việt
- Về nhà ôn tập tổng kết phần văn để giờ sau học.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn: / ... / ...

Ngày dạy: / ... /

TỔNG KẾT PHẦN VĂN**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Bước đầu củng cố, hệ thống hóa kiến thức văn học qua các VB đã học trong SGK lớp 8 (Trừ các Vb tự sự và nhật dụng), khắc sâu những kiến thức cơ bản của những VB tiêu biểu.

- Tập trung ôn kĩ hơn những VB thơ ở bài 18, 19, 20, 21.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng hệ thống, tổng hợp kiến thức. Năng lực tổng kết, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS biết tự mình ôn tập, nắm kiến thức đã học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học, SGK, STK

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.

- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- *Giáo viên yêu cầu:*

? Hãy kể tên các văn bản nghị luận đã học trong chương trình NV 8HKII

- Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

- HS trả lời: Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta...

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

-> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống lại các kiến thức về văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn 8.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về văn nghị luận.

a) Mục đích:

- Củng cố các kiến thức về văn bản nghị luận

- Rèn kĩ năng viết nhận xét chứng minh sự giống và khác nhau

b) Nội dung: Thực hiện cặp đôi và hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Thế nào là văn bản nghị luận?</p> <p>Em thấy văn bản nghị luận trung đại có nét gì khác biệt nổi bật so với văn nghị luận hiện đại</p> <p>? Hãy chứng minh các văn bản nghị luận đều được viết có lí có tình có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao</p> <p>? Nêu những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại trong bài 22,23 và 24</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Gv: gọi hs báo cáo kết quả</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ HS nhận xét, bổ sung</p> <p>+ GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.</p>	<p>a. Khái niệm:</p> <p>Văn bản nghị luận là kiểu văn bản nêu ra những luận điểm rồi bằng những luận cứ luận chứng làm sáng tỏ luận điểm ấy một cách thuyết phục</p> <p>b. Điểm khác biệt giữa văn nghị luận trung đại và văn nghị luận hiện đại:</p> <p>+ Nghị luận trung đại là lời văn cổ, lối viết với nhiều câu văn biền ngẫu, mang nhiều nét tượng trưng ước lệ.</p> <p>+ Nghị luận hiện đại lời văn giản dị gần gũi với cuộc sống.</p> <p>c. Các văn bản nghị luận đều được viết có lí có tình có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao</p> <p>- Chiếu dời đô: Lí Thái Tổ nêu sử sách làm chỗ dựa cho lí lẽ. Từ đó soi sáng vào hai triều đại trước để đi đến kết luận “Đại La là nơi tốt nhất để chọn làm kinh đô”.</p> <p>- Hịch tướng sĩ: sau khi nêu gương sử sách để khích lệ ý chí lập công danh hi sinh vì nước, tác giả quay trở về với thực tế, tả tội ác và sự ngang ngược của giặc để thuyết phục.</p> <p>- Nước Đại Việt ta với cách lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn đoạn văn này có ý nghĩa như là một tuyên ngôn độc lập.</p> <p>d. Những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại</p> <p>- Hình thức: Từ ngữ cổ, cách diễn đạt cổ, nhiều hình ảnh, giàu tính ước lệ, câu văn biền ngẫu, sóng đôi nhịp nhàng.</p> <p>- Nội dung tư tưởng: Cả 3 vb đều bao trùm 1 tinh thần dt sâu sắc, đều thấm nhuần tư tưởng yêu nước.</p> <p>* Khác nhau:</p> <p>- Về hình thức thể loại: Chiếu, Hịch, Cáo</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** HS biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

- *Nêu cảm nghĩ của em sau khi học xong văn bản Nước Đại Việt ta*

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ và trả lời:
- + Tự hào về dân tộc, những người lãnh đạo anh minh
- + Trách nhiệm của bản thân
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi.
- Dự kiến sản phẩm của HS:
- + Mở đoạn: GI những người lãnh đạo anh minh
- + Thân đoạn: Nêu dẫn chứng
- + Kết đoạn: Cảm nghĩ của bản thân
- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hệ thống hóa các kiến thức và kĩ năng tập làm văn đã học trong năm học. Nắm chắc khái niệm và biết cách làm bài văn nl. Biết cách kết hợp miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự và kết hợp miêu tả, biểu cảm và tự sự vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực: HS có kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực huy động kiến thức để tạo lập VB.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên yêu cầu:

? Hãy kể tên các thể loại tương ứng với phương thức biểu đạt đã học trong chương trình ngữ văn 8?

- Học sinh tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết
- *Dự kiến sản phẩm*: Tự sự, thuyết minh, nghị luận, điều hành (tường trình, thông báo).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động	Nội dung
1. Tính thống nhất của văn bản	- Tính thống nhất về chủ đề: không xa rời, lạc sang chủ đề khác, thể hiện ở sự mạch lạc trong liên kết giữa các phần, các đoạn trong 1 văn bản.
2. Văn bản tự sự	<ul style="list-style-type: none"> + Mục đích của việc tóm tắt văn bản tự sự: Ghi lại trng thành, chính xác, những nội dung chính của một văn bản nào đó để người chưa đọc nắm được văn bản ấy. + Muốn tóm tắt văn bản tự sự cần: <ul style="list-style-type: none"> - Đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề của TP - Xác định ND chính cần tóm tắt - Sắp xếp các nội dung chính theo một thứ tự hợp lí - Viết văn bản tóm tắt + Tác dụng của tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm: <ul style="list-style-type: none"> - Làm cho việc kể chuyện trở nên sinh động sâu sắc hơn, nhân vật, sự việc thêm cụ thể, sinh động + Chú ý khi sử dụng: ko nên lạm dụng yếu tố MT, BC
3. Văn bản thuyết minh	<ul style="list-style-type: none"> * Tính chất, lợi ích của văn bản thuyết minh: <ul style="list-style-type: none"> - Tính tri thức, khách quan, thực dụng, hữu ích - Tác dụng: cung cấp tri thức về các hiện tượng & sự vật trong tự nhiên, XH * Các VB TM thường gặp: <ul style="list-style-type: none"> - TM về đồ dùng - TM về Di tích LS, DLTC - TM(giới thiệu) về 1 tác giả, về 1 nhân vật - TM 1 tác phẩm, 1 thể loại, - TM về động thực vật (cây, con) - TM về 1 hiện tượng tự nhiên, XH + Muốn làm được văn bản thuyết minh cần: phải nghiên cứu, tìm hiểu sự vật hiện tượng cần thuyết minh, nắm được bản chất, đặc trưng của đối tượng cần thuyết minh. Vì văn bản thuyết minh đòi hỏi tính khách quan, tri thức. + Các phương pháp thuyết minh: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu định nghĩa, giải thích - Liệt kê - Nêu ví dụ

	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng số liệu - So sánh đối chiếu - Phân loại, phân tích * Bố cục khi làm bài văn thuyết minh. - MB: giới thiệu khái quát đối tượng - TB: giới thiệu chi tiết: + Nguồn gốc + Cấu tạo + Công dụng + Cách dùng, bảo quản... - KB: khái quát ý nghĩa đối tượng.. (* Với dạng bài cách làm: - Nguyên vật liệu. - Cách làm - Yêu cầu thành phẩm)
--	--

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy:/..../....

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hệ thống hóa các kiến thức và kĩ năng tập làm văn đã học trong năm học. Nắm chắc khái niệm và biết cách làm bài văn nl. Biết cách kết hợp miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự và kết hợp miêu tả, biểu cảm và tự sự vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực: HS có kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực huy động kiến thức để tạo lập VB.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

- Có ý thức tích cực, chăm chỉ học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.

- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động	Nội dung
4. Văn bản nghị luận	<ul style="list-style-type: none"> + Luận điểm trong bài văn Nghị luận: là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định hay phủ định, được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán - Luận điểm có vai trò quan trọng trong bài văn nghị luận

	<ul style="list-style-type: none"> + Luận cứ: lí lẽ, dẫn chứng, căn cứ để giải thích, chứng minh làm rõ luận điểm. + Lập luận: cách nêu , sắp xếp luận cứ để dẫn tới luận điểm + Sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận: <ul style="list-style-type: none"> - cần kết hợp linh hoạt, sáng tạo các yếu tố Tự sự, miêu tả, biểu cảm. - Giúp bài văn nghị luận trở nên cụ thể, sinh động, gợi cảm hơn, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn.
5. Văn bản điều hành	<ul style="list-style-type: none"> + Văn bản tường trình + Văn bản thông báo + Phân biệt: <p>Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TT: nhằm trình bày để mọi người hiểu đúng bản chất của SV - TB: truyền đạt nội dung yêu cầu từ cấp trên xuống cấp dưới <p>Cách viết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống: trình bày trang trọng rõ ràng, bố cục 3 phần bắt buộc: thể thức mở đầu, nội dung cụ thể, thể thức kết thúc. - Khác: +Thể thức mở đầu thông báo: trình bày tên đơn vị & cơ quan trực thuộc <p>Tường trình: Không cần</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thể thức kết thúc: Thông báo có nơi gửi, Tường trình có lời cam đoan của người viết Tường trình

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

- Viết 1 đoạn văn thuyết minh trình bày luận điểm: Học phải đi đôi với hành?

- Dự kiến sản phẩm: Đoạn văn trình bày luận điểm theo cách quy nạp hoặc diễn dịch.

- Hs trao đổi với bạn, nhận xét, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

KIỂM TRA HỌC KÌ II

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Có điều kiện để vận dụng những kiến thức đã học môn Ngữ văn ở HK II để làm bài kiểm tra HK có chất lượng. Giúp GV đánh giá được chất lượng học tập của HS để năm sau có sự điều chỉnh phương pháp dạy – học phù hợp.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng lực làm bài kiểm tra HK, rèn kỹ năng trình bày, diễn đạt, thể hiện sự hiểu biết của mình.

3. Phẩm chất: HS có ý thức nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử. Năng lực huy động kiến thức và trình bày bài kiểm tra HK.

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Soạn giáo án, tham khảo tài liệu. Ra đề, biểu đ chấm

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn tập, kiểm tra

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Phần I. MA TRẬN ĐỀ

Mức độ NLĐG	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng số
I. Đọc –hiểu Ngữ liệu: Văn bản văn học	Nêu được tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh st của tp.	Chỉ ra và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ trong ngữ liệu đưa ra	Lí giải về một vấn đề đặt ra trong đoạn ngữ liệu.		
			Viết được một đoạn văn: rút ra bài học từ nội dung của ngữ liệu.	.	
<i>Số câu</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4</i>
<i>Số điểm</i>	<i>0,75</i>	<i>1,0</i>	<i>1,25</i>		<i>3,0</i>
<i>Tỉ lệ</i>	<i>7,5%</i>	<i>10%</i>	<i>12.5%</i>		<i>30%</i>
II. Tạo lập văn bản			Viết đoạn văn về vấn đề gợi ra từ ngữ liệu Đọc - hiểu	Viết một bài văn nghị luận, liên hệ đến một vấn	

				đề trong cuộc sống.	
Số câu Số điểm			1 2,0	1 5,0	2 7,0
Tỉ lệ			20%	50%	70%
Tổng số câu Tổng số điểm	1 0,75	1 0,75	3 3,5	1 5,0	6 10,0
Tỉ lệ % điểm toàn bài	7,5%	7,5%	35%	50%	100%

Phần II. Đề bài

I: Đọc hiểu: (4 điểm) Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."

- Đoạn văn trên trích từ văn bản nào, tác giả là ai? Văn bản có đoạn văn trên được sáng tác trong hoàn cảnh nào? (0,75 điểm)
- Nêu nội dung chính của đoạn trích trên? (0,5 điểm)
- Hai câu văn trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào? (1 điểm)
- Từ nội dung đoạn văn trên em rút ra được bài học gì cho mình trong cuộc sống?(Viết thành 1 đoạn văn khoảng 4 - 6 câu)(0.75đ)

II: Làm văn (6 điểm)

Câu 1. Từ vấn đề gợi ra trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết 1 đoạn văn ngắn từ 5- 7 câu nêu cảm nghĩ của em về lòng yêu nước ngày nay? Là học sinh em sẽ làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình? (2 điểm)

Câu 2: Hãy nói không với tệ nạn ma túy.

Phần III: Đáp án, biểu điểm.

Phần I: Đọc hiểu: (3 điểm)

- Đoạn văn trên trích từ văn bản "Hịch tướng sĩ" (0,25 điểm), tác giả Trần Quốc Tuấn (0,25 điểm). Hoàn cảnh sáng tác: khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ 2 (1285) (0,25 điểm).
- Nội dung của đoạn trích trên: thể hiện lòng yêu nước căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn: đau xót trước cảnh tình đất nước, quên ăn, mất ngủ chỉ

cảm tức, uất ức vì chưa trả được thù, sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước. (1 điểm).

3. - Hai câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu trần thuật(0,5 điểm), thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc (0,5 điểm).

4. * HS có thể rút ra một số bài học sau(0,5 điểm):

- Phải biết trân trọng cuộc sống đang có...
- Phải biết ơn những người đã hi sinh để cho mình có cuộc sống như ngày nay...
- Phải sống có ý nghĩa, biết mơ ước, biết phấn đấu, hi sinh vì mọi người, vì đất nước...

* Viết đúng yêu cầu một đoạn văn, diễn đạt đúng, lưu loát,... (0,25 điểm).

Phần II: Làm văn (7 điểm)

Câu 1(2,0 điểm).

1. Yêu cầu kỹ năng(0,5 điểm): Biết cách làm đoạn văn trình bày cảm nghĩ. Bố cục rõ ràng, biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức(1,5 điểm):

- Nêu được các suy nghĩ về lòng yêu nước ngày nay, trong thời bình được thể hiện như thế nào...(0,75 điểm)

- Những việc làm thể hiện lòng yêu nước của mình.....(0,75 điểm):

Câu 2:(5,0 điểm).

1. Yêu cầu về kỹ năng (0,5 điểm):

- Viết thành một bài văn hoàn chỉnh.
- Diễn đạt: rõ ràng, lưu loát.
- Dùng từ, dùng dấu câu phù hợp và chính xác.
- Viết đúng chính tả.
- Trình bày đúng quy định, chữ viết sạch đẹp.
- Đảm bảo bố cục 3 phần.
- Nắm vững các thao tác làm bài văn nghị luận

2. Yêu cầu về nội dung(4,5 điểm):

a. Mở bài : (0,5 điểm)

- GT vấn đề cần nghị luận.

b. Thân bài: (3,5 điểm)

*Giải thích: Ma túy là 1 loại thuốc kích thích gây hưng phấn, noc khiến con người phụ thuộc vào nó và trở thành con nghiện... (0,5 điểm)

*Nguyên nhân: do đua đòi, do bị lôi kéo,... (0,5 điểm)

*Thực trạng: số người nghiện ma túy ngày càng tăng, ở mọi lứa tuổi, thành phần xã hội.... (0,5 điểm)

*Tác hại:

- Với bản thân người nghiện.... (0,5 điểm)
- Với gia đình người nghiện..... (0,5 điểm)
- Với xã hội.... (0,5 điểm)

*Giải pháp: (0,5 điểm)

- Hiểu rõ tác hại và sự nguy hiểm của ma túy để phòng tránh.

- Không giao du với người nghiện ma túy. Cảnh giác đề phòng với sự rủ rê, lôi kéo ...
- Tuyên truyền mọi người tránh xa ma túy
- Có lối sống lành mạnh, học tập, rèn luyện sức khỏe...

c. Kết bài: (0,5 điểm)

- KĐ lại vấn đề.
- Nhận thức, hành động của bản thân, lời khuyên...

4. Dặn dò:

- GV nhận xét giờ kiểm tra
- Chuẩn bị: văn bản thông báo

***Rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Những tình huống cần viết văn bản thông báo, đặc điểm của văn bản thông báo và biết cách làm văn bản thông báo đúng quy cách.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Có ý thức tích cực, chăm chỉ học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục đích: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) Nội dung: Hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- Giáo viên yêu cầu:

? Hãy kể tên các thể loại văn bản hành chính công vụ đã được học ở các lớp dưới?

- Học sinh tiếp nhận, trả lời: Đề nghị, Báo cáo, đơn từ ...

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu thêm một thể loại trong văn bản hành chính công vụ đó là văn bản thông báo . Vậy thể thức viết một văn bản thông báo ntn cô sẽ hướng dẫn cho các em trong tiết học này =>Giáo viên nêu mục tiêu bài học

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đặc điểm chung của văn bản thông báo

a) Mục đích:

- Củng cố các kiến thức về tính thống nhất của chủ đề vb.
- Rèn kĩ năng viết đoạn văn theo chủ đề.

b) Nội dung: Thực hiện cặp đôi và hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-Giáo viên yêu cầu: Cho hs đọc 2 văn bản thông báo sgk /140 ? Trong văn bản trên ai là người thông báo ,ai là người nhận thông báo ,mục đích thông báo là gì .</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh:tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>- Văn bản 1:</p> <p>+ Người thông báo là hiệu trưởng (phó hiệu trưởng thay mặt) .Người nhận thông báo là gvcn và lớp trưởng các lớp</p> <p>+ Mục đích : Giúp các lớp nắm được mục đích , ý nghĩa kế hoạch duyệt văn nghệ để thực hiện đúng lịch ,có hiệu quả</p> <p>- Văn bản 2 :</p> <p>+ Người thông báo là liên đội trưởng</p> <p>+ Người nhận là các chi đội</p> <p>+ Mục đích : Giúp các chi đội nắm được chủ trương kế hoạch Đại hội liên đội.</p> <p>2. Nhận xét :</p> <p>- Văn bản thông báo : Truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan , đoàn thể ,tổ chức cho những người dưới quyền hoặc những người quan tâm đến nội dung thông báo được biết để thực hiện.</p> <p>- Văn bản thông báo cho biết ai thông báo ,thông báo cho ai ,nội dung công việc ,quy định ,thời gian , địa điểm ,cụ thể ,chính xác.</p>

Hoạt động 2: Cách làm văn bản thông báo

a) Mục đích:

- Củng cố các kiến thức về văn bản thông báo,
- Rèn kĩ năng viết văn bản thông báo

b) Nội dung: Hoạt động chung cả lớp

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên yêu cầu:</p> <p>Gv : Đọc các tình huống trong sgk 142</p> <p>? Trong các tình huống trên tình huống nào phải viết thông báo . Nếu viết thì ai là người thông báo và thông báo cho ai.</p> <p>? Những mục nào bắt buộc phải có trong 2 văn bản thông báo .</p> <p>? Các mục ấy được trình bày như thế nào?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>a. Viết tường trình (cơ quan công an)</p> <p>b , c . Viết thông báo</p> <p>- Người viết : Hiệu trưởng ,phó hiệu trưởng (b) liên đội trưởng (c)</p> <p>- Người nhận :</p> <p>+ Gv và hs</p> <p>+ Các chi đội TNTPHCM toàn trường</p> <p>Quan sát 2 văn bản thông báo</p> <p>- Phải tuân thủ thể thức hành chính ,có ghi tên cơ quan ,số công văn ,quốc hiệu tiêu ngữ ,tên văn bản ,ngày tháng ,người nhận , người thông báo, chức vụ người thông báo</p> <p>* Ghi nhớ /sgk</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Viết 1 văn bản thông báo về việc họp phụ huynh của lớp.

- Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

- Dự kiến sản phẩm: Viết đúng thể thức của một văn bản thông báo đã học.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Kiến thức chung:
 - + củng cố lại những hiểu biết và rèn kỹ năng về văn bản hành chính;
 - + Biết viết được một loại văn bản hành chính phù hợp.
- Kiến thức trọng tâm:
 - + Hệ thống kiến thức về văn bản hành chính.
 - + Mục đích, yêu cầu cấu tạo của văn bản thông báo.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- GD HS có ý thức trung thực khi viết VBTTB 2. *Kĩ năng*

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục đích:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** Thực hiện hoạt động cá nhân

c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- *Giáo viên yêu cầu:*

? Hãy kể tên các thể loại văn bản hành chính công vụ đã được học ở các lớp dưới?

- *Học sinh tiếp nhận và trả lời:* Đề nghị, Báo cáo, đơn từ ...

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

=> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống hóa lại các kiến thức về văn bản thông báo đã học ở tiết trước.

=> Giáo viên nêu mục tiêu bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. Nội dung và thể thức của VBTTB

- Nội dung: Gồm 3 phần

+ VBTB tuân thủ theo thể thức hành chính: Có ghi tên cơ quan, số công văn, quốc hiệu, tiêu ngữ, tên VB, ngày tháng làm VB, người nhận, người thông báo, chức vụ người thông báo thì mới có hiệu lực.

+ ND VBTB thường là: các VB của nhà nước ở cấp cao thông báo với nhân dân về một vấn đề có tầm quan trọng nhất định

+ VBTB có những mục đích: Cơ quan lãnh đạo cấp trên truyền đạt công việc cho cấp dưới để phổ biến tình hình cho cấp dưới biết và thực hiện

3. VBTB và VBTT có những điểm giống và khác nhau:

* Giống: đều là VB điều hành chính, tuân theo những phần mục nhất định.

* Khác nhau:

+ VBTB là cấp trên gửi xuống cấp dưới

+ VBTT là trình bày thiệt hại hay mức độ sự việc xảy ra cần xem xét.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b) Nội dung: Thực hiện cá nhân,

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

?Viết 1 văn bản thông báo về việc họp phụ huynh của lớp.

- Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

- Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

- Dự kiến sản phẩm: Viết đúng thể thức của một văn bản thông báo đã học.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Nắm được từ ngữ xưng hô ở địa phương nơi mình đang sinh sống hoặc địa phương khác trong tỉnh Hà Nam

- Thấy được vai trò của việc sử dụng từ xưng hô địa phương trong giao tiếp hằng ngày và trong tác phẩm văn học

2. Kỹ năng :

- Rèn kỹ năng lựa chọn, sử dụng từ xưng hô địa phương hợp lý trong khi nói và viết.

3. Năng lực:

- tự học, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực đánh giá.

- Năng lực tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục đích:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** Hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên yêu cầu: Hãy kể một số từ ngữ địa phương nơi em sinh sống
 - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
 - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết
 - Học sinh trả lời, học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống các từ ngữ địa phương ở một số địa phương của Hà Nam ta.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a) **Mục đích:**

b) **Nội dung:**

c) **Sản phẩm:**

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN										
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giáo viên yêu cầu:</p> <p>? Thế nào là văn bản tường trình, VB thông báo</p> <p>? Phân biệt mục đích cách viết 2 loại văn bản này</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ Gv: gọi đại diện các cặp đôi trả lời</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bài</p> <p>Yêu cầu HS kẻ bảng vào vở ghi.</p>	<p>Lập bảng từ ngữ địa phương:</p> <table border="1"> <tr> <th>Từ ngữ toàn dân</th><th>Từ ngữ địa phương</th></tr> <tr> <td>Ông ngoại</td><td>Ông cậu</td></tr> <tr> <td>Bà ngoại</td><td>Bà cậu</td></tr> <tr> <td>Ông nội</td><td>Ông chú</td></tr> <tr> <td>Bà nội,...</td><td>Bà chú....</td></tr> </table>	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ địa phương	Ông ngoại	Ông cậu	Bà ngoại	Bà cậu	Ông nội	Ông chú	Bà nội,...	Bà chú....
Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ địa phương										
Ông ngoại	Ông cậu										
Bà ngoại	Bà cậu										
Ông nội	Ông chú										
Bà nội,...	Bà chú....										

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** củng cố các kiến thức, kĩ năng về văn bản thông báo

b) **Nội dung:** Hoạt động cặp đôi.

c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng

d) **Tổ chức thực hiện:**

- Giáo viên yêu cầu: Tìm các từ xưng hô và cách xưng hô ở địa phương em và ở những địa phương khác mà em biết
- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết
- *Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

***Rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy:/.../....

TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Kiến thức chung:
 + củng cố lại các kiến thức Ngữ văn đã học.
 + Tự đánh giá kiến thức, trình độ của mình và so sánh với các bạn trong lớp.
- Kiến thức trọng tâm: Tự đánh giá ưu, nhược điểm trong bài thi.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục HS ý thức nghiêm túc nhìn nhận và sửa những lỗi sai.b. Về kĩ năng

II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

- a. Chuẩn bị của giáo viên: Soạn bài, chấm bài.
- b. Chuẩn bị của học sinh: xem lại đáp án bài mình đã làm.

IV. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp: (1')

2. Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra bài cũ: không kiểm tra

3. Bài mới

Hôm nay cô sẽ trả bài kiểm tra cuối học kì II cho các em, để các em thấy được kết quả và cách đánh giá kiến thức kĩ năng vận dụng trình bày để giải quyết yêu cầu mà bài kiểm tra đưa ra. Đồng thời các em cũng sẽ nhận thấy những mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để khắc phục.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
GV y/c HS nhắc lại ND câu	I. Đề bài

<p>hỏi ở trong bài KT cuối học kì II</p> <p>? Xác định mục đích của từng câu hỏi và cách trả lời?</p> <p>Gọi HS trả lời lại các câu hỏi</p> <p>GV chữa bài theo đáp án tiết 137, 138.</p> <p>GV nhận xét mặt mạnh, yếu trong bài viết của HS</p> <p>HS đọc bài điểm giỏi:</p> <p>HS đọc 1 bài điểm khá:</p> <p>HS đọc 1 bài điểm yếu:</p> <p>GV thống kê một số lỗi trong bài văn của HS và gọi HS sửa</p> <p>HS khác lắng nghe và tự nhận ra sai sót trong bài mình để rút kinh nghiệm cho bài sau.</p>	<p>II. Đáp án và biểu điểm</p> <p>Phần III: Đáp án, biểu điểm.</p> <p>Phần I: Đọc hiểu: (3 điểm)</p> <p>1. Đoạn văn trên trích từ văn bản "Hịch tướng sĩ" (0,25 điểm), tác giả Trần Quốc Tuấn (0,25 điểm). Hoàn cảnh sáng tác: khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ 2 (1285) (0,25 điểm).</p> <p>2. Nội dung của đoạn trích trên: thể hiện lòng yêu nước căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn: đau xót trước cảnh tình đất nước, quên ăn, mất ngủ chỉ căm tức, uất ức vì chưa trả được thù, sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước. (1 điểm).</p> <p>3. - Hai câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu trần thuật (0,5 điểm), thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc (0,5 điểm).</p> <p>4. * HS có thể rút ra một số bài học sau (0,5 điểm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải biết trân trọng cuộc sống đang có... - Phải biết ơn những người đã hi sinh để cho mình có cuộc sống như ngày nay... - Phải sống có ý nghĩa, biết mơ ước, biết phấn đấu, hi sinh vì mọi người, vì đất nước... <p>* Viết đúng yêu cầu một đoạn văn, diễn đạt đúng, lưu loát, ... (0,25 điểm).</p> <p>Phần II: Làm văn (7 điểm)</p> <p>Câu 1 (2,0 điểm).</p> <p>1. Yêu cầu kỹ năng (0,5 điểm): Biết cách làm đoạn văn trình bày cảm nghĩ. Bố cục rõ ràng, biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.</p> <p>2. Yêu cầu về kiến thức (1,5 điểm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các suy nghĩ về lòng yêu nước ngày nay, trong thời bình được thể hiện như thế nào... (0,75 điểm) - Những việc làm thể hiện lòng yêu nước của mình..... (0,75 điểm): <p>Câu 2: (5,0 điểm).</p> <p>1. Yêu cầu về kỹ năng (0,5 điểm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết thành một bài văn hoàn chỉnh. - Diễn đạt: rõ ràng, lưu loát. - Dùng từ, dùng dấu câu phù hợp và chính
--	--

	<p>xác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả. - Trình bày đúng quy định, chữ viết sạch đẹp. - Đảm bảo bố cục 3 phần. - Nắm vững các thao tác làm bài văn nghị luận <p>2. Yêu cầu về nội dung(4,5 điểm):</p> <p>a. Mở bài : (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GT vấn đề cần nghị luận. <p>b. Thân bài: (3,5 điểm)</p> <p>*Giải thích: Ma túy là 1 loại thuốc kích thích gây hưng phấn, noc khiến con người phụ thuộc vào nó và trở thành con nghiện... (0,5 điểm)</p> <p>*Nguyên nhân: do đua đòi, do bị lôi kéo,... (0,5 điểm)</p> <p>*Thực trạng: số người nghiện ma túy ngày càng tăng, ở mọi lứa tuổi, thành phần xã hội.... (0,5 điểm)</p> <p>*Tác hại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với bản thân người nghiện.... (0,5 điểm) - Với gia đình người nghiện..... (0,5 điểm) - Với xã hội.... (0,5 điểm) <p>*Giải pháp: (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ tác hại và sự nguy hiểm của ma túy để phòng tránh. - Không giao du với người nghiện ma túy. - Cảnh giác đề phòng với sự rủ rê, lôi kéo ... - Tuyên truyền mọi người tránh xa ma túy - Có lối sống lành mạnh, học tập, rèn luyện sức khỏe... <p>c. Kết bài: (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - KĐ lại vấn đề. - Nhận thức, hành động của bản thân, lời khuyên... <p>III. Nhận xét</p> <p>a. Ưu điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số HS trả lời đúng y/c của câu hỏi. - Nhiều bài viết trình bày khá tốt, sạch sẽ. - Có nhiều bài nghị luận rất thuyết phục, biết kết hợp các yếu tố phụ trợ trong nghị luận. <p>b. Nhược điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số HS chưa đọc kĩ đề bài nên trả lời còn thiếu chính xác. - Một số ít bài lạc sang thể loại tự sự.
--	--

	- Sai chính tả nhiều. III. Trả bài- Chữa lỗi IV. Thống kê kết quả Lớp 8				
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	Lớp 8B				
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém

***Rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....